

THƯ CHỦ NHIỆM

Bạn thân,

1— Số báo trước suýt bị tịch thu, đã được bạn chú ý đến sự thay đổi thái độ của tôi đối với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Một vài bạn đọc hỏi như thế có phải chăng tôi đã từ cái thể thân bước sang cái thể chống đối, đối lập chính phủ.

Tôi xin trả lời thật rõ : tôi sẽ không tin, và không bao giờ bênh vực Tổng thống Thiệu. Vì tôi xác nhận tôi sai lầm. Nguyễn Văn Thiệu không phải là Ngô Đình Diệm, và mặc dù ông nọ cố gắng bắt chước ông kia, ông Thiệu không bao giờ tới được sự thất bại anh hùng của ông Diệm. Vì nhiều lẽ. Nhưng lẽ giản dị nhất là ông Diệm không bao giờ chủ trương nội đối dân chúng, và trong lúc nguy nan nhất, mà dân chúng hầu hết đã bị ngoại quốc huyễn hoặc, ông vẫn không chịu nói dối. Còn ông Thiệu, với tư cách tổng thống, ông đã nói dối. Sự dối trá, mưu mẹo, thủ đoạn, rất thường trong dân chúng thời loạn, là một phá sản tận gốc ở một nhân vật lãnh đạo quốc gia.

Lâu nay tôi có nhiều điều không đồng ý, nhưng cũng có nhiều điều đồng ý về việc làm và lời nói của tổng thống. Tôi vẫn kính trọng ông với tư cách quốc trưởng, và tôi tin rằng có lúc xấu, có lúc tốt, có lúc đúng có lúc sai, ông Thiệu có tinh thần tự trọng đủ để đặt quê hương và dân tộc ở vị trí cao hơn cả, và đủ để tự đặt mình vào địa vị cao hơn cả. Và, như vậy, lẽ tất nhiên ông vì quyền lợi của quê hương mà tranh đấu, và lập trường tranh đấu ông sẽ thay đổi tùy theo sự đòi hỏi của quyền lợi của quê hương.

Nhưng tôi phải nhận tôi nhầm :

Thứ nhất, tổng thống đã nói dối về kết quả của hai cuộc bầu cử vừa qua,

Thứ hai, tổng thống hoàn toàn đặt quyền lợi của Hoa Kỳ lên trên quyền lợi của quê hương,

Thứ ba, tổng thống đi dần tới chế độ độc tài, vì ngoài lập trường chống Cộng mấy móc cực đoan nặng về vũ lực, ông không chấp nhận lập trường nào khác : tất cả những người có thái độ khác thái độ của ông đối với Cộng Sản đều bị coi là lưu manh, có âm mưu đen tối, phản quốc...

Tôi không thể kính trọng vị quốc trưởng VNCH như trước, không thể tin ông như trước. Đối với tôi, đó là một mất mát lớn. Trong công việc viết văn, làm báo, không bao giờ tôi bênh vực chính sách hay lập trường của ông được nữa. Vì bất cứ lúc nào tôi cũng có ý nghĩ minh bạch rằng một chính sách tốt đến đâu cũng không thể có lợi — vì chỉ có thể có hại — cho dân tộc, khi chính sách đó khởi xuất từ một người không thành thật.

Nói riêng về cá nhân tôi, thái độ từ chối là một thái độ tiêu cực, thụ động.

2— Về phương diện tích cực của việc làm, chắc chắn tôi sẽ không đòi khác bao nhiêu. Từ 15 năm nay cố gắng giúp ích và bênh vực chính quyền, tôi chưa hề xin một ân huệ nào của chính phủ, thì từ nay về sau tôi cũng không xin ân huệ của chính phủ làm gì. Từ 15 năm nay tôi sẵn sàng nhận tội làm tại một vài cơ quan công quyền, và từ 6 năm nay tôi luôn luôn chờ đợi được mời làm cố vấn để giúp phần lý thuyết cho chính phủ thực hiện cuộc cách mạng mà bất cứ nhân vật lãnh đạo nào cũng hứa hẹn với dân chúng. Nhưng từ nay trở đi, tôi sẽ không nhận làm bất cứ việc gì, kể cả làm cố vấn, với chính phủ, trừ phi Tổng thống Thiệu không còn ngồi trong dinh Độc lập ; hoặc giả tổng thống công nhận mình sai lầm — sự kiện này thật khó xảy ra !

Ngoài ra, con người tôi cũng như tờ Chính Văn này sẽ không có gì đòi khác. Phần văn chương được xây đắp đề có giá trị hơn ; phần chính trị tiếp tục có tính chất lý thuyết theo quan niệm tân trung dung. Sự đề nghị một học thuyết có thể được lợi nhiều nếu có sự hỗ trợ của chính quyền, nhưng lúc đó, những yêu cầu giai đoạn của chính quyền sẽ làm cho học thuyết phải tự hạ xuống mức độ thấp nhất, vì thực tế nhất.

Tôi hy vọng bạn đọc đồng ý và không bao giờ vội vàng. Đề nghị của tôi nhiều khi rất sơ khoáng, nhiều khi rất đầy đủ — như trong bài về giáo dục kỳ này — nhưng đề nghị nào cũng cần được bổ túc bằng nhiều suy tư, và phối kiểm bằng nhiều kinh nghiệm của bạn. Xin bạn nhớ rằng phải trong vòng 5 năm, kể từ cuối 1969, chế độ Cộng Sản mới bắt

Cộng Sản mới bắt đầu chuyển hướng trên căn bản tâm vật tương quan, và rất có thể phải 50 năm cả thế giới mới đi vào thời kỳ hạnh phúc — yên ổn trong tâm hồn, tiến bộ trong xã hội — là giai đoạn sau cùng, giai đoạn hòa hợp giữa tinh thần và vật chất.

3 — Về phương diện chính lược chống Cộng trong tương lai gần gũi, tôi hy vọng các lãnh tụ miền Bắc đủ sáng suốt để chấp nhận mọi thiệt hại là kết quả của sự tan vỡ của chiến lược chiến tranh nhân dân. Bằng mọi cách, họ phải làm thế nào cho cuộc săn đuổi chấm dứt trên lãnh thổ VNCH đối với cán bộ, đảng viên của họ. Cuộc đấu tranh của họ đã trở thành phi lý trong bí mật, trong khi đó thì sự xuất hiện công khai hợp pháp của một chính đảng, với kinh nghiệm tổ chức và hệ thống nhân sự (còn lại) của họ, là một điều có lợi vô cùng cho chính trường miền Nam. Sự có mặt của một chính đảng như thế sẽ không cho phép thành công một nhà độc tài tập sự.

Lẽ tất nhiên về phía những người dân chủ cũng phải có những tiến bộ tương xứng, khiến cho các bạn trẻ hết mặc cảm đối với những người « lãnh đạo cuộc kháng chiến 1945 » và hơn nữa, những người Cộng Sản không được « mùa gậy vườn hoang », huỷ hoại dư luận, khống chế quốc hội, để trong thời gian mười năm, lại chiếm được chính quyền. Tờ Chính Văn này, bằng tất cả sự cố gắng của tòa soạn, hy vọng giúp ích sao cho những tiến bộ đó sớm được thực hiện.

Tương lai gần gũi có thể tốt đẹp nếu chính quyền tình nguyện kịp thời, rằng :

thứ nhất quân đội VNCH hay quân đội Mỹ, chỉ có tác dụng chống Cộng Sản khi Cộng Sản chủ trương xâm lược bằng quân sự,

thứ hai lực lượng cảnh sát chỉ không thể được dân chúng mà không chế ngự được Cộng Sản, nhất là khi cán bộ và đảng viên Cộng Sản (cuồng tín) không sợ chết, và coi trại giam như một nhà nghỉ mát (ăn uống đầy đủ) và một nhà trường (học tập).

thứ ba là tất cả sức mạnh của Cộng Sản chỉ căn cứ rất ít vào lý thuyết (duy vật) đã mất quá nửa giá trị, nhiều hơn vào lý tưởng (công bằng xã hội, giai cấp đấu tranh), còn bao nhiêu đều nhờ vào quá trình tổ chức và kinh nghiệm lãnh đạo tập thể — tuyển dụng, đào tạo, xử dụng cán bộ đảng viên.

Ba nhận định trên đây chứng tỏ rằng chúng ta không có gì để sợ Cộng Sản, nếu chính quyền sớm biết chuyển hướng, đặt nhẹ các yếu tố quân đội và cảnh sát, đặt nặng các vấn đề xây dựng lý tưởng và đào tạo nhân sự, để có thể chủ động mở đầu cuộc đấu tranh chính trị mà chúng ta biết đích xác thế nào cũng phải tới, dù chúng ta nhất định nhắm mắt không nhìn, hoặc đem hết lòng thành mà phó mặc tương lai cho Mỹ quốc — người Mỹ sẽ trả lời rằng họ sẵn sàng dùng B.52 ném bom xuống bất cứ nơi nào có Cộng Sản mà chính quyền ta chỉ cho họ.

4— Đề kết luận, tôi xin nhắc lại một lời : tôi lạc quan về tương lai gần. Vì tôi còn nhớ, cách đây ít lâu, báo chí có đăng tin Tổng thống Thiệu tuyên bố — và sau đó không thấy cái chính — rằng nếu phải ra đi (rời bỏ chính quyền), ông sẽ giao đất nước lại cho quân đội.

Một lời ngắn ngủi có đến 4 ý nghĩa quan trọng. Trước hết là Tổng thống coi thường hiến pháp, lợi dụng hiến pháp khi được cầm quyền, không tuân theo hiến pháp — để cho Chủ tịch Thượng viện thay thế và tổ chức bầu cử tổng thống mới — khi mất quyền. Tâm thuật đó không phải là tâm thuật của người quân tử.

Thứ hai là Tổng thống đã mất quyền còn giành việc « giao » quyền cho kẻ khác. Tổng thống không nhận ra rằng khi không còn tư cách để cầm quyền thì ông tất nhiên không còn tư cách để giao quyền ấy cho ai khác. Tâm lý ông, trong trường hợp này, rất giản dị : bất cứ người nào nhiều tư ái mà ít suy — suy tư về kiến văn không phải là suy nghĩ về mưu lược — cũng tự cho phép mình quyết định lợi và vận mệnh của kẻ khác, không cần được ủy quyền mà chỉ cần có lòng tin vào chính mình là đủ. Người giàu thiện chí mà ít học văn thường có thái độ như vậy.

Thứ ba là xuất thân từ quân đội, Tổng thống chỉ muốn tin cậy vào quân đội. Các bạn quân nhân cần hiểu quân đội ở đây không bao giờ là binh sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan cấp úy, cấp tá. Quân đội, trong tư tưởng của tổng thống, chỉ gồm có cấp tướng mà thôi. Cấp tướng có những người đã đi lính từ hồi Pháp thuộc. Đó và những nhân vật có đặc tính tự cao tự đại và hết sức cấu kết với nhau về quyền lợi. Một nhật báo gần đây có đoạn tường thuật của cuộc băng ghi lại vụ các tướng lãnh xử tội lẫn nhau năm 1964, ở Đà Lạt. Tất cả sự bẽ bối, bần tiện, tham lam, dốt nát, khiến cho người đọc phải hổ thẹn, đã được nhắc lại thật rõ ràng, đầy đủ. Như thế mà tổng thống, khi thất bại, còn có ý định « giao đất nước » lại cho mấy ông đó. Sự thật, chính là tổng thống còn giữ nguyên đầu óc bè phái với một số tướng lãnh, và lợi dụng danh nghĩa quân đội để các tướng lãnh được tiếp tục nắm quyền chi phối tương lai đất nước, mặc dù

quá khứ đã chứng tỏ rằng về chính trị — ngoại trừ thủ đoạn giao phó tất cả cho người Mỹ — đa số các tướng lĩnh còn bất lực và tham nhũng hơn cả đa số các chính khách.

Sau cùng, « giao đất nước cho quân đội » có nghĩa là hủy bỏ luôn các cơ chế dân chủ đã thành hình: hiến pháp, thượng nghị viện, tối cao pháp viện, giám sát viện, các hội đồng quốc gia v.v... Tổng thống, nhân cuộc bầu cử một danh sách 3-10, đã dùng yếu tố này để buộc tội gắt gao nhóm chính khách mới hợp thành một thứ hội đồng mang danh nghĩa đại diện toàn dân. Tổng thống nói làm như thế là khinh thường hiến pháp... trong khi đó chính tổng thống cũng có ý định, nếu bị thiệt hại, khinh thường các cơ chế đó không kém.

Một lời nói ngắn ngủi đủ cho chúng ta thấy không có quyền chờ đợi một thay đổi thuận lợi nào về phía Tổng thống Thiệu. Những ai đang chủ trương chống đối tổng thống phải biết trước rằng nếu họ thắng, chính phủ sẽ thiết quân luật và tình trạng chiến tranh sẽ được tuyên bố, mặc dù chiến tranh chống Cộng Sản đã thật sự chấm dứt.

5—Ngày 2-10, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố sẽ dùng vũ lực đánh dẹp mọi cố gắng phá hoại cuộc bỏ phiếu ngày 3-10. Các lực lượng chống đối thiếu người cầm đầu, thiếu cán bộ, thiếu một mảnh đất để phối hợp tổ chức, nên mặc dù được một phần rất lớn dân chúng đồng tình, ít ra là ở các thị trấn quan trọng, các lực lượng ấy, sau cùng, đã im lặng trên một phần lớn đất nước — trừ ở Huế và Đà Nẵng.

Im lặng nào cũng tổ cáo sự bất lực, cho nên sự im lặng ngày 3-10 đã làm cho Tổng thống Thiệu tin mình thắng lớn, tin mình được dân chúng không kính yêu cũng sợ hãi. Tổng thống sẽ thấy ông sai lầm, chỉ trong một thời gian ngắn.

Nguyên tắc đã xác định rằng khi chiến tranh còn lớn ở ngoài thành phố thì thị dân sợ chiến tranh mà tuân theo pháp luật, nhưng đến khi chiến tranh đã chấm dứt mà tự do không được trả lại ngay cho thành phố, thì thị dân sẽ gây loạn để đòi lấy tự do. Đó đã là nguyên tắc, thì chính quyền nào sáng suốt sẽ trả tự do cho thành phố để yên dân. Tổng thống Thiệu chắc chắn làm ngược lại điều đó.

Cho nên rối loạn, trong tương lai gần, không tránh được. Chúng ta có cố gắng đến đâu cũng chỉ làm tốt được cho tương lai xa hơn mà thôi.

NGUYỄN MẠNH CÒN

10-10-1971.

TAM VAT TUONG QUAN LUAN

Bạn thân

Chúng ta nói với nhau về bất cứ điều gì cần nói, nhưng cương quyết không viện dẫn một danh nhân nào, dù vĩ đại đến đâu, làm thầy học hay làm giám thị — trừ trường hợp viện dẫn khách quan minh chứng
Đây là khu đất riêng của lý thuyết mới : tôi trình bày những gì tôi nghĩ, và xin bạn hãy xử dụng chính cái lẽ phải của bạn để cân đo cái lẽ phải của tôi. Ngoài giả, tôi đề nghị chúng ta không chấp nhận một dixit — một lời dạy — nào khác

N. M. C.

NGUYỄN MẠNH CÔN giáo dục tân trung dung

2.500 NĂM HỌC VĂN TÂY PHƯƠNG :
KHÔNG LÀM LOẠN THÌ LÀM NỖ LỆ
NHÂN CHI SƠ, TÍNH BẢN THIÊN :
NGƯỜI PHƯƠNG ĐÔNG HỌC TRIẾT TỪ 7 TUỔI !

Về giáo dục, cũng như về tình yêu, cả Tây phương lẫn Đông phương đều chưa có ý thức và quan niệm nào rõ rệt. Nhưng tình yêu có thể chờ, vì tình yêu chỉ thiết yếu liên hệ đến cá nhân. Còn giáo dục thì không, vì giáo dục có ảnh hưởng không cụ thể, không trực tiếp nhưng rất mạnh vào đời sống chung của tập thể, của nhân loại : chính giáo dục không ý thức, không đường lối, phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi cuộc

chiến tranh lớn nhỏ, trong vòng 500 năm nay.

Đó là sự thật.

Trong vòng 5 thế kỷ nay, loài người đã gây ra những cuộc giết chóc càng ngày càng lớn, nhân danh lý tưởng này, chủ nghĩa nọ. Nhất là từ cuộc cách mạng 1789 ở nước Pháp, một số nhỏ người, có học và có tài, biết dùng lời lẽ mà lời cuốn đám đông dân chúng

theo họ tấn công chính quyền, hoặc tấn công đối phương, nói là để giành giật quyền lợi này hay quyền lợi khác cho dân chúng, mà thật ra là để tranh thủ quyền lợi cho riêng họ.

Điều đáng cười và thể thảm hơn cả là chính những người trong cuộc, bị cuốn hút vào guồng máy, thường đến chết vẫn còn tưởng họ hy sinh cho đại nghĩa. Như các nhà lãnh tụ cách mạng dân quyền pháp Danton hay Robespierre lên máy chém rồi vẫn còn oán hận những thế lực đối lập; bởi vì những thế lực đối lập ấy phá phách, ngăn cản họ, không để cho họ được yên thân để kiến tạo hạnh phúc cho dân chúng Pháp, như họ đã hứa hẹn. Các lãnh tụ đó không biết rằng cuộc chính biến mà họ chủ trương chỉ làm được một công việc là hạ bệ một lớp người quyền quý để một lớp người quyền quý khác lên thay thế. Dân chúng nghèo khổ, đói nát, không thấy gì thay đổi trong nếp sống hằng ngày.

Những cuộc cách mạng đến sau, kể cả những cuộc cách mạng vô sản, cũng không hơn gì, mặc dù trên lý thuyết, người ta minh bạch nói đó là cuộc tranh đấu của người nghèo. Người nghèo ở Tiệp, Hung, Nga v.v... được dễ thở hơn cách đây 50 năm là nhờ sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật, nâng cao mức sống chung của cả nhân loại. Còn nếu so sánh với dân nghèo ở Anh, Pháp, Ý v.v... dân nghèo ở mấy nước Cộng sản còn khổ hơn nhiều, nói riêng về vật chất.

Sở dĩ có tình trạng đó là vì những người làm cách mạng — nghĩa là

những người có tham vọng đời đời cho dân chúng — chỉ trông thấy ngọn cây mà không trông thấy gốc cây. Xã hội bất công nhận chìm tầng lớp dân nghèo là một sự kiện có thật. Nhưng sự kiện đó sở dĩ hiện hữu là vì nó có những nguyên nhân đích thực. Những người làm cách mạng không tìm kiếm những nguyên nhân đó, mà chỉ tìm cách tiêu diệt bất công, và tiêu diệt luôn cả những kẻ được hưởng lợi do tình trạng bất công đó. Nói cho rõ hơn, người làm cách mạng, cho đến nay, đổ hết tội tình lên đầu những ai giàu có.

Lý luận giản dị, theo Karl Marx : bọn tư bản bóc lột dân nghèo để làm giàu, nên phải giết hết bọn tư bản. Làm như giết hết người giàu có thì người nghèo khổ tự khắc trở nên giàu sang.

Sự thật không đúng như vậy. Kinh nghiệm về các chính quyền Cộng sản cho người ta bằng chứng rằng, ở bề ngoài, một giai cấp tư bản bị tiêu diệt thì một giai cấp mới lên thay nắm lấy quyền cai trị đất nước và lãnh đạo đời sống xã hội. Còn bên trong người ta biết sự đảo lộn chỉ đến với một số có giới hạn những nhân vật và gia đình quyền thế; còn hầu hết những « gia đình lớn » vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đối với chế độ. Sở viết không khác gì đối với chế độ tư sản đã cáo chung, Nói cho rõ hơn là mỗi nước có một số gia đình có uy thế từ nhiều đời, và chính những gia đình này, dưới mọi chế độ, cung cấp cho chính phủ những người con tài giỏi — người tài giỏi lúc nào cũng cần thiết,

nền những gia đình có truyền thống tốt luôn luôn giữ được địa vị cao quý trong xã hội.

Trong khi đó thì người nghèo vẫn nghèo và dưới mọi chế độ, người nghèo bao giờ cũng chịu thiệt thòi. Thiệt thòi trong hiện tại, vì phải làm việc khó nhọc mới kiếm được đủ sống, và, bởi vì phải làm việc khó nhọc, họ ít khi được hưởng, nếu không phải là hoàn toàn không được hưởng những lạc thú của cuộc sống, như du lịch, đọc sách, vẽ tranh, hòa nhạc... Đời sống, vì thế, không được nâng cao về tinh thần. Cho nên trong tương lai, những thanh thiếu niên xuất thân từ những gia đình nghèo khó sẽ không có những điều kiện thuận lợi để học hành : dù có được học, sự học sẽ bị hướng về những mục tiêu cụ thể (làm được nhiều tiền, được giữ chức vụ cao), mà không có cái chất cởi mở, bay bổng, của một nền học vấn nhằm những mục đích cao hơn.

Đến đây, người ta đã thấy nguyên nhân căn bản của trạng thái bất công của xã hội không phải là tài sản mà

là giáo dục. Giáo dục không thay đổi thì người ta có làm mười cuộc cách mạng nữa xã hội loài người vẫn bị chia cắt làm 2 giai cấp một cách độc đoán và sai lầm : giai cấp lãnh đạo thu hút một phần lớn quyền hành, vẫn giữ độc quyền sản xuất những phần tử tài năng ; trong khi giai cấp bị trị không có cách nào ngóc lên khỏi mặt nước đục, không bao giờ có hy vọng được sống cuộc đời thoải mái trong hiện tại, và phát huy được giá trị một cách cao xa, nhờ những thế hệ đến sau.

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC, vì thế, không những có tầm quan trọng rất lớn ngay bây giờ, mà còn có tác dụng vô cùng sâu rộng vào tương lai.

Cũng vì thế, vấn đề giáo dục không chấp nhận một giải pháp lưng chừng. Một việc làm dài ngày và có liên hệ đến tất cả mọi người dân trong một nước việc làm đó không thể, không được ý niệm một cách minh bạch, không thể không có một đường lối được bảo đảm bởi mọi lý thuyết đầy đủ.

GIÁO DỤC TRONG QUÁ KHỨ

Về công việc giáo dục từ xưa đến hiện nay, ở Tây phương và Đông phương, người ta có thể nói một cách thật rõ rệt : giáo dục là một sự chông chắt vì đại những kinh nghiệm, nhưng không bao giờ giáo dục được suy tư ở trình độ lý thuyết, nên giáo dục luôn luôn chạy theo thời thế—vì là sản phẩm của hoàn cảnh—và luôn luôn thay đổi để thỏa mãn yêu cầu của thực tại.

GIÁO DỤC TÂY PHƯƠNG

Nếu không kể những dấu vết được tìm thấy lảng vảng trong lịch sử các dân tộc Do thái (tiền Ky tô), cổ Ai cập, cổ Ba tư v.v... người ta biết dân tộc đầu tiên ở Tây phương có những nhà thông thái mở trường dạy học là dân tộc cổ Hy Lạp. Những nhà thông thái đó có tên Pythagore (toán) Hippocrate (y), Socrat,

(triết), Platon (biện chứng pháp), Archimède (khoa học)...

Qua một thời kỳ hùng mạnh của đế quốc La mã, nặng về quân sự, toàn thể Âu châu đã trải qua một giai đoạn dài tối tăm, loạn lạc, đến 10 thế kỷ. Nền văn minh Hy Lạp La mã xuống dốc, trong khi các dân tộc phát xuất từ miền Đông Bắc và Bắc châu Âu mở rộng những cuộc chiếm cứ đất đai xuống phía Nam và Tây Nam, đến tận bờ Đại tây dương (Anh, Pháp). Sự phối ngẫu giữa các dân tộc xâm lược và các dân tộc sở tại đòi hỏi nhiều thế kỷ để hoàn thành. Và sự phân phối đất đai thành từng quốc gia chỉ bắt đầu từ thế kỷ thứ 9, với các thừa kế của vua Charlemagne.

Suốt trong thời kỳ đêm tối của Âu châu, toàn bộ di sản của hai nền văn minh Hy Lạp, La mã, chỉ được bảo tồn trong các tu viện Ky tô giáo. Một nền giáo dục giới hạn và chặt chẽ được tổ chức dành riêng cho các tu sĩ. Theo một số tài liệu thì mãi đến cuối thế kỷ thứ 13, khắp Âu châu vẫn chỉ có các tu sĩ là biết đọc và viết (tiếng La tinh, Hy Lạp). Sang thế kỷ thứ 14, giáo hội Ky tô giáo mới mở rộng một số lớp học cho một số nhỏ thanh thiếu niên con nhà quyền quý ngoan đạo. Các thanh thiếu niên đó là những phần tử được chọn lựa để giúp đỡ các vị chức sắc — thường thường là các giám mục — cố vấn bên cạnh các vị hoàng đế và chúa tể các địa phương. Sự học tất nhiên thuần túy bằng tiếng La tinh, và nếu học khá hơn, bằng tiếng Hy Lạp.

Những bộ môn được học tất nhiên không ngoài các kinh sách của đạo. Và chắc hẳn, đến trình độ nào đó, học sinh (chúng sinh ?) cũng được học thêm thơ văn và khoa học — đặc biệt là chiêm tinh học và thiên văn học.

Thật ra, bây giờ người ta thật khó mà biết được những gì đã xảy ra từ những thế kỷ

trước đề giáo hội Ky tô giáo có được một Thánh Thomas d'Aquin vào thế kỷ thứ 13. Thái độ cởi mở và ngay thẳng của ông chắc hẳn đã phá vỡ một phần nào cái tinh thần gò bó, cố chấp của giáo hội thời Trung cổ. Và chắc hẳn sự phá vỡ đó không bị giới hạn trong nước Ý của ông mà thôi, vì chỉ hai, ba thế kỷ sau người ta thấy xướng xuất những dòng tư tưởng tự do hơn nhiều, của Luther và Calvin.

Khi luận lý được đặt ngang hàng với đức tin, luận lý sớm muộn cũng đánh đổ uy quyền tuyệt đối của giáo hội. Sự kiện này được phổ biến vào quần chúng, cho phép một số nhỏ — chỉ một số nhỏ — người có hoài bão lớn lao về sự nghiệp. Những người đó, trong thời kỳ đầu, tất nhiên phải xuất thân từ các tu viện, nhưng do tinh thần cứng cỏi của họ, đã dám có tham vọng theo kịp và vượt hơn giáo hội — nói cho đúng là vượt hơn những nhân vật lãnh đạo kiêu hãnh và độc đoán của giáo hội.

Một trong những hậu quả to lớn của tình trạng nói trên đây là sự đòi hỏi cải cách các thủ tục và nghi lễ tôn giáo. Một hậu quả to lớn khác là sự chống đối sự học vấn La tinh hóa — có nghĩa là chống đối căn bản kiến thức ở các tu sĩ — đưa đến trạng thái địa phương hóa, dân tộc hóa kiến thức : người Pháp chủ trương dùng chữ Pháp, người Đức dùng chữ Đức v.v...

Đây là bước tiến quan trọng một cách đặc biệt trong lịch sử Âu châu. Vì kiến thức được dân tộc hóa có nghĩa là kiến thức được mở rộng cho một số người rất lớn xưa nay vẫn có tiếng nói mà không có học vấn. Công cuộc vận động, nói riêng về nước Pháp, được khởi sự từ mấy thế kỷ trước, nhưng chỉ kết tinh để trở thành cụ thể từ thế kỷ thứ 16, với Joachim du Bellay, tác giả tập « Bảo vệ và Phê diễn ngôn ngữ Pháp ».

giáo dục tân trung dung

Cuộc vận động tất nhiên được giúp đỡ rất nhiều bởi sự sáng chế máy in chữ rời của Gutenberg (thế kỷ thứ 15).

GIÁO DỤC Ở NƯỚC PHÁP.

Mặc dù các nhà thông thái, các nhà văn, không ngừng vận động và đòi hỏi một nền giáo dục tự do và phi tôn giáo, các trường học ở nước Pháp vẫn tiếp tục chịu sự chi phối của giáo hội cho đến cuối thế kỷ thứ 18. Đó chính là một lý do khiến các nhà lãnh đạo cuộc cách mạng 1789 ra lệnh đóng cửa trường Đại học Ba lê năm 1790, vì cho rằng trường Đại học (dạy 4 bộ môn thì 2 bộ môn về luật đạo và thần học) chỉ đào tạo tay sai cho giáo hội.

Đại học Ba lê phải chờ đến Nã phá luân mới được mở cửa trở lại, nhưng với một lập trường mới trong sự thiết lập các chương trình giáo huấn. Cùng với các trường trung học, các đại học được quốc gia hóa — được đặt dưới quyền chi phối của một cơ quan nhà nước. Rồi từ bấy đến nay, nói riêng về quản trị học đường, không có gì thay đổi lớn lao ở Pháp.

Từ đầu thế kỷ thứ 19 đến quá nửa thế kỷ thứ 20, nền giáo dục Pháp mỗi ngày một mở rộng và trở nên thực tế hơn. Như sau này Karl Marx đã nói, nền kinh tế Tây Âu càng được kỹ thuật hóa, khoa học hóa, thì các tổ chức giáo dục, dù muốn dù không, càng được phát triển theo chiều hướng phục vụ kinh tế trên căn bản kỹ thuật, khoa học.

Chương trình trung học, 50 năm trước đây, còn rất nặng về từ chương. Học sinh thi Tú tài phần 1 được đòi hỏi có khả năng làm một bài luận dài 1 nghìn chữ trở lên, về một trong những tác giả lớn của 4 thế kỷ văn học Pháp; học sinh thi phần 2 có thể nhận được một đề tài về triết học mà những người lớn

chưa chắc đã hiểu biết được bao nhiêu. Không kể rằng các bộ môn khác không hề bị xao lãng: hóa học, vật lý học, sinh học, quang học, điện học, toán học... cả một khối chồng chất những kiến thức được gom góp trong nhiều thế kỷ, được đem đồ xuống đầu các học sinh từ 14 đến 20 tuổi.

Không có gì giải thích được sự ồ ạt, tham lam đó của các nhà giáo dục, nếu người ta không hiểu rằng trong tâm hồn những người suy tư, sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật, nhất định đã tạo nên một trạng thái kinh ngạc thường trực. Những người suy tư, trong đó có các nhà giáo dục, kinh ngạc vì chính những tiến bộ họ đạt được, đã có cái thiện chí muốn trao gửi lại cho những thế hệ đến sau, nếu không phải là toàn bộ thì ít ra cũng một phần những kiến thức thu thập được.

Hiện tượng tâm lý tương đối dễ hiểu trên đây cho phép người ta xác nhận chương trình học đến Tú tài phần 1, được gọi là chương trình phổ thông — bước vào năm học thi phần 2, học sinh được coi như đã chọn 1 trong 2 con đường triết học và toán học — bao gồm nhiều bộ môn trừu tượng, nhất là về toán học, như hình học không gian, đại số học. Một phần lớn những bài mà học sinh phải « cuộc » một cách hết sức vất vả, sẽ không tìm thấy bất cứ môi trường ứng dụng nào trong cuộc sống hằng ngày. Nhưng, theo quan niệm về người trí thức thời tiền chiến, sự học vẫn vô ích đó mới mang tri tuệ một cách tổng quát và nâng cao giá trị của người được học.

Sự thật không đúng như vậy. Người được học cố nhiên có giá trị hơn người không được học. Điều mà người ta muốn nhấn mạnh ở đây là thời gian học, từ lớp vỡ lòng đến bằng Tú tài, tổng cộng 13 năm, là một thời gian quá dài đối với sự hấp thụ kiến thức quá ít.

Lỗi lầm, như đã nói, hoàn toàn do thiện chí của lớp người đi trước luôn luôn mong muốn đổi mới, bọn hậu sinh phải thấu đáo được căn bản của tất cả mọi công phu sáng tạo hay khám phá khoa học, kỹ thuật trong quá khứ.

Trong lãnh vực khác, người ta cũng có thể nói rằng sở dĩ suốt trong mấy thế kỷ người Pháp vẫn mang nặng lỗi lầm về một nền giáo dục thiếu ý thức và thiếu thực tế, ấy là vì người Pháp — cũng như người Anh, Đức, Ý v.v. — không đặt tới được một lý thuyết giáo dục. Sự trau dồi kiến thức và sự giao truyền học vấn hoàn toàn được đặt trên căn bản rút tỉa kinh nghiệm và thỏa mãn yêu cầu của đẳng cấp lãnh đạo. Đẳng cấp lãnh đạo ở đây cần được hiểu là đẳng cấp thật sự nắm chính quyền: thời Trung cổ Giáo hội, và thời cận kim là giai cấp tư bản. Khi các sắc dân dần dần hợp nhất thành dân tộc, và khi các địa phương dần dần hình thành thành quốc gia, thì guồng máy cai trị cũng thuận theo tình thế mà lớn mạnh. Số người cần thiết để phục vụ tại các cơ quan trung ương hay địa phương mỗi ngày một tăng. Số chủng sinh sẽ trở thành tu sĩ không đủ để thỏa mãn những yêu cầu cấp bách, nên giáo hội không thể làm gì khác hơn là mở trường dạy học ngoài các chủng viện.

Như thế, rõ ràng là giáo dục ban đầu không nhằm mục đích nào cao siêu hết. Rồi từ bấy đến nay, giáo dục vẫn luôn luôn là nơi đào tạo nhân sự cần thiết cho chính quyền. Giáo dục, vì vậy, phải thay đổi tùy theo mức độ và tính chất của nhu cầu: giáo dục từ chương từ đầu thế kỷ thứ 20 trở về trước, giáo dục nặng về kỹ thuật giữa hai cuộc thế chiến, giáo dục hướng về toán học để đào tạo chuyên viên điện toán cho ngành cơ động chỉ hay (cybernétique) trong vòng 10 năm trở lại đây.

Sự tìm kiếm của các nhà chuyên môn, đến cuối năm 1970, chưa cho phép Tây phương chờ đợi sự đổi mới mà tất cả mọi người chờ đợi. Tình trạng này có những nguyên nhân sâu xa mà chúng ta sẽ nói đến sau, khi chúng ta đi vào lãnh vực cụ thể hơn, là nền giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

GIÁO DỤC Ở HOA KỲ

Lẽ tất nhiên chúng ta sẽ mắc phải nhiều thiếu sót nếu chúng ta nghĩ có thể trình bày đầy đủ về nền giáo dục ở Pháp hay ở Mỹ trong vài ba trang giấy. Tôi xin nhắc các bạn là, ở đây, chúng ta chỉ đi tìm những nguyên nhân chính, khiến cho nền giáo dục tại các nước đó phải thay đổi luôn luôn.

Như chúng ta đã nói, sự thiếu thốn to lớn của người Pháp là không có một lý thuyết giáo dục ngay từ đầu. Giáo dục, mà người trí thức nào cũng hết lời ca tụng, thật sự là một khối gom góp kinh nghiệm từ đời trước để lại cho đời sau; và, đồng thời, giáo dục chỉ nhằm mục đích thiên cận là đào tạo công chức cao cấp, trung cấp, hạ cấp, cho bất cứ chính phủ nào đương nhiệm.

Giáo dục ở Mỹ khó lòng có thể khác giáo dục tại các nước Anh, Pháp, Ý... bởi một lẽ giản dị là chính dân tộc Mỹ cũng xuất phát từ các dân tộc Anh, Pháp, Ý v.v. Tuy nhiên, nền giáo dục ở Mỹ có một phần đáng được tìm hiểu, cũng như nền văn hóa Mỹ đã có những đặc tính của nó, nhờ sự lớn mạnh nhanh chóng của kinh tế ảnh hưởng mãnh liệt vào nếp sống của người dân Mỹ.

Nền giáo dục ở Mỹ độc lập mới thật sự được hình thành chưa được 200 năm (trước đó, Hoa Kỳ còn là thuộc địa của Anh, nên chỉ có trường học mà không có một cơ sở giáo dục). Chính nhờ sự mới mẻ đó mà nền giáo dục Mỹ không mắc phải những lầm lỗi nặng nề của

giáo dục tân trung dung

.ất cả mọi nền giáo dục Âu châu : sự can thiệp của tôn giáo vào lãnh vực học vấn.

Nền giáo dục, cũng như các chính đảng ở Mỹ, còn được chịu ảnh hưởng của một trạng thái xã hội rất đặc biệt chỉ có ở Mỹ. Trạng thái đó là sự giàu có rất lớn của một số nhân vật, cho phép họ xuất vốn xây trường ốc, rồi cấp luôn vốn sinh hoạt cho nhà trường có thể tự lo liệu về tài chính, mà không bị lệ thuộc vào chính quyền.

Chúng ta đồng ý rằng sự kiện phối hợp của nhiều tiểu bang thành quốc gia rộng lớn Hoa Kỳ cũng có phần quan trọng của nó : mặc dù đã công nhận uy quyền của Chính phủ Liên bang, các công dân ở mỗi tiểu bang thường vẫn giữ được ít nhiều đặc tính địa phương của họ. Cái « tinh thần tiểu bang » ấy không đủ mạnh để phương hại đến nhu cầu thống nhất lãnh thổ quốc gia, nhưng nó lại đủ vững để bảo trợ một thứ tự ái địa phương có tác dụng khích lệ lớn lao đối với các hoạt động kinh tế, văn hoá sở tại. Chính cái tinh thần tiểu bang đó thúc đẩy các nhà tỷ phú, triệu phú, sau một thời kinh doanh thắng lợi ở bất cứ nơi nào ở trong nước hay trên thế giới, lại trở về tiểu bang quê hương để giúp việc mở mang kinh tế, văn hoá, chính trị.

Các chính đảng tại Hoa Kỳ được khai sinh trong hoàn cảnh ấy. Người Mỹ làm giàu trước, rồi mới lập chính đảng sau, cốt dùng chính đảng làm thế lực bảo vệ và phát triển doanh nghiệp. Chính đảng ở Hoa Kỳ, nhờ thế, không bao giờ là « phương tiện làm tiền » của những chính khách thiếu lương tâm. Chính đảng ở Hoa Kỳ cũng vì thế mà không cần phải có một lý thuyết hay chủ nghĩa chính trị. Cho đến mấy năm gần đây, chúng ta xác nhận được một điều là 2 chính đảng lớn của Hoa Kỳ chỉ chống đối nhau trong quốc hội, còn mỗi khi Chính phủ

Hoa thịnh đốn phải đối phó với một tình thế quốc tế khó khăn thì cả hai đảng tự nhiên phối hợp mọi nỗ lực nhằm tới một thắng lợi chung cho quốc gia — ví dụ cụ thể là năm 1962 ở VNCH, Tổng thống Mỹ Kennedy, thuộc đảng Dân chủ, đã ủy thác chức vụ đại sứ Mỹ tại Sài Gòn cho ông Lodge, một lãnh tụ cao cấp của đảng Cộng hòa (những tài liệu bí mật về thời kỳ đó mới được công bố trên báo chí : ông Lodge, theo các điện văn của bộ Ngoại giao Mỹ gửi cho ông ta, đã được toàn quyền hành động).

Các trường đại học Hoa Kỳ cũng được hưởng những ưu thế được dành cho các chính đảng. Nền đại học Hoa Kỳ được tự trị một cách thật dễ hiểu : một nhà tỷ phú bỏ tiền ra xây trường, rồi lại bỏ tiền ra làm vốn kinh doanh cho nhà trường — một ủy ban quản trị được thiết lập để lo liệu về tài chánh cho viện đại học ; trong khi một ban giáo huấn, được tuyển lựa và được trả lương, phụ trách việc thiết lập chương trình và đề tài cho các khoa, các lớp. Truyền thống tự trị đại học nhờ thế mà thành hình, khiến cho một phần lớn các đại học nhà nước cũng đi dần vào con đường đó.

Đặc điểm thứ hai của nền giáo dục Mỹ là các trường trung học không bao giờ bị tràn ngập bởi quan niệm từ chương và bằng cấp.

Như ai nấy đều biết, dân tộc Mỹ được hình thành trong buổi đầu, bằng những người Anh, Pháp, Đức, Ý, người Hung, Tiệp, Áo, Nga v.v... vượt Đại tây dương sang làm lại cuộc đời ở Mỹ. Chúng ta nhớ những người mạo hiểm đầu tiên là những giáo dân Cơ đốc ở Anh, những giáo dân Tin lành ở Pháp, Đức... Những người đó không nghèo khổ, không dốt nát — ra đi để giữ đạo ! — nên cái quốc gia mà họ đào móng đắp tường xây dựng không

phải là một quốc gia chỉ bao gồm những người nông dân thất học. Hoa Kỳ chưa bao giờ nổi tiếng là một nước có nền văn hóa cao và lâu đời (như Anh, Pháp, Nga...) nhưng chắc chắn là một nước có trình độ đồng đều về tinh thần dân chúng. Người Mỹ có muốn cũng không thể có một quá khứ khư khư nặng nề từ chương; người Mỹ luôn luôn thực tế, nên mặc dù rất trọng vọng các bằng cấp cao, họ luôn luôn đòi hỏi ở các tầng lớp thanh thiếu niên của họ những đức tính rất thực tế: chăm chỉ, tiết kiệm, tự lập về tiền bạc càng sớm càng tốt (kể cả con nhà giàu), và minh bạch đối với chính mình cũng như đối với mọi người.

● Trí óc sáng suốt của người Mỹ giúp họ nhận thấy ngay một điều, là các trường trung học Âu châu đòi hỏi ở học sinh quá nhiều cố gắng, để thu thập được quá ít kiến thức bổ ích. Sự nhận định này khiến cho, khắp nước Mỹ, các trường trung học dành nhiều giờ cho học sinh giải trí: chơi thể thao, học tập nghề thuật, tổ chức du lịch hoặc thám hiểm...

Đã đành họ không có lý thuyết giáo dục, người Mỹ vẫn nhờ sự nhận xét tinh tế, sự suy tư thực tế, mà thực hiện được một quan niệm tiến bộ và thích hợp (với tâm lý thanh thiếu niên). Như tôi đã trình bày nhiều lần, lý thuyết chỉ là một bước nhảy vọt của tư tưởng được tổng hợp, có tác dụng thu ngắn gấp 10, gấp 100, con đường mà người không có lý thuyết phải lần mò theo kinh nghiệm.

Trong trường hợp mà chúng ta đang nói đến đây, kinh nghiệm 300 năm của các nhà giáo dục Hoa kỳ đưa họ đến một trạng thái « gần lý tưởng » đối với tâm lý của tuổi trẻ. Người Hoa kỳ, sau nhiều thử thách, thấy làm như thế có lợi thì làm. Trong khi đó thì chính họ cũng không hiểu một cách đích xác vì sao nên dạy trẻ nhỏ bộ môn này hay bộ môn khác. Sự hiểu

biết đòi hỏi họ phải thấu đáo về tâm lý của trẻ thơ: người Mỹ, cũng như người Pháp, chưa đạt tới trình độ đó.

GIÁO DỤC Ở ĐÔNG PHƯƠNG

Nói về phương Đông là nói về Trung Hoa, mặc dù ngoài Trung Hoa còn có Ấn Độ là nước lớn, có nền văn hóa lâu đời — Ấn Độ quá chia cách về giai cấp, nên toàn bộ học vấn, trong nhiều nghìn năm, bị thu hẹp trong giai cấp bần la môn, và đặc biệt trong giới tu sĩ (khô hạnh) của giai cấp ấy.

Trung Hoa khác Ấn độ ở chỗ xã hội tay có bị phân chia thành tầng lớp giàu nghèo, sang hèn, sự chia rẽ chỉ tạo thành giai cấp, một cách rõ rệt và lâu dài, giữa những người có học thức, gọi là sĩ phu, và những người vô học, gọi là thất phu.

Sự mở trường dạy học chắc hẳn đã có ở Trung Hoa từ trước khi Khổng Tử ra đời. Nhưng sự học vẫn chỉ được đặt thành quy thức — thi, thư, lễ, nhạc — với Phu tử, và cũng từ đó, mới báo hiệu nhu cầu thống nhất lãnh thổ Trung quốc: khi sự học được thống nhất dưới một danh nghĩa (danh nghĩa của Phu tử) thì sớm muộn dân tộc phải được thống nhất theo. Đó là nhu cầu, đồng thời cũng là tác dụng của văn hóa.

Từ sau Phu tử, sự học vẫn ở Trung Hoa chia làm 2 phần khá rõ rệt: học văn tự và học suy tư. Mặc dù vấn đề biện chứng không được đặt ra, Phu tử, trong kinh sách của người, luôn nói đến cái « lý », bao quát và hướng dẫn mọi sự (dẫn đến đạo). Nhưng trước khi được học đến lý, mỗi học sinh Trung Hoa phải vượt qua một cây cầu dài và khó, là sự học về ngôn từ. Chữ nghĩa tượng hình của Trung Hoa rất phức tạp, văn phạm của Hoa

giáo dục tân trung dung

ngủ lại hết sức uyên chuyên và trù tuợng, mà trải hơn hai nghìn năm không ai tìm cách giản dị hóa cách viết chữ, cách đặt câu, để làm cho sự học vẫn được dễ dàng hơn.

Trừ phi cho rằng dân tộc Trung Hoa thiếu người tài, người ta phải xác nhận rằng sự kéo dài tình trạng khó khăn đó tất nhiên phải có nguyên nhân. Theo ý tôi, nguyên nhân đó đã được nói ra từ thời sinh tiền của Phu tử : sự học vẫn rất quý, nhưng đồng thời rất nguy hiểm, vì kẻ bất lương vô học có thể làm hại 1 phần thì kẻ bất lương có học có thể hại trăm nghìn lần hơn.

Người phương Tây có biết như vậy — học vẫn không lương tâm chỉ là tàn rủa của linh hồn—nhưng vì cái ý chí tiến bộ quá mạnh của họ, người tây phương không thể làm gì để giới hạn sự tai hại của một nền học vẫn được phát huy quá mức. Kết quả là Tây phương, phải trực tiếp hứng chịu từ 200 năm nay, những ảnh hưởng đen tối của 5 thế kỷ mở rộng chế độ giáo dục một cách vô giới hạn. Số người có học, chỉ trong vòng 2 thế kỷ thứ 16, 17, đã tăng lên đến mức chính quyền quân chủ không thu hút và sử dụng được đầy đủ và hợp lý, và chỉ một thế kỷ sau (thế kỷ thứ 18) người ta đã thấy có rất nhiều phần tử có kiến thức sâu rộng phá cách ra sinh hoạt với dân chúng, lấy dân chúng làm đối tượng phục vụ, và, lẽ đương nhiên, lấy chế độ quân chủ độc đoán làm đối tượng công kích.

Kết quả của 100 năm vận động của các nhà trí thức Pháp là cuộc Cách mạng 1789. Rồi từ 1789 đến nay, trên khắp thế giới đã xảy ra biết bao nhiêu cuộc chính biến, biết bao nhiêu cuộc chiến tranh, hết thấy đều bắt nguồn từ một nguyên nhân căn bản : Sự tranh giành quyền bính giữa hai khối trí thức, một cầm

quyền và bảo vệ trật tự đã có, một cố gắng phá hoại trật tự đã có để cướp lấy chính quyền.

Dân tộc Trung Hoa, cùng các dân tộc chịu ảnh hưởng của nền văn hóa của họ (như Việt Nam) không gây nên nhiều cuộc chính biến, không gây ra nhiều cuộc chiến tranh. Rất có thể vì con người Đông phương, với tâm hồn hướng nội, không thích thú sự ganh đua (1), nhưng nguyên nhân hữu lý và thực tế hơn là công việc giao truyền kiến thức theo truyền thống kinh điển rất khó khăn và đòi hỏi rất nhiều thì giờ — sự tự học chỉ có thể được thực hiện sau nhiều năm được một tôn sư chỉ dạy — nên số người được dự vào tầng lớp sĩ phu luôn luôn chỉ có một số nhỏ, mà triều đình có thể thu dụng dễ dàng.

Tầng lớp sĩ phu đã có giới hạn, lại bị gò bó trong khuôn khổ tinh thần Nho giáo — nhất là từ đời Tống trở về sau — nên dù có nghèo đói hay bất mãn cũng không thể nào gây loạn, nếu không có ngoại cảnh, đại dịch hay thiên tai, hỏa trơ.

Nền giáo dục ở Trung Hoa, Việt Nam, vì thế mà không có ảnh hưởng quan trọng đối với lịch sử các dân tộc Á Đông. Một người Tàu hay một người Việt chết vào khoảng thế kỷ thứ 8, nếu có sống lại vào thế kỷ thứ 18, cũng không thấy đời sống có gì khác lạ. Như một giấc mộng dài, chính là quan niệm lý tưởng của bậc túc nho thời xưa về cuộc đời. Cho nên người ta phải chờ đợi đến khi một phần lớn Á châu lọt vào tay người Tây phương mới thật sự thấy nền giáo dục bắt đầu có tác dụng đích thực của nó.

(1) Những sự kiện xảy ra từ khi người tây phương xâm lăng Ac hâu, nhất là sau khi người Cộng Sản nắm được chính quyền ở một số quốc gia, chứng tỏ rằng điều này không đúng lắm, hoặc không có tầm quan trọng quyết định.

GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM TỪ PHÁP THUỘC

Không ở đâu bằng ở Việt Nam, nói cho rõ là ở Bắc Việt, người ta được chứng kiến một sự bùng nổ tài năng của một dân tộc, chỉ trong vòng 60, 70 năm.

Yếu tố quan trọng thứ nhất của sự bùng nổ đó là sự ngưng đọng tinh thần trong mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt. Rất có thể dân tộc Việt, như hầu hết các dân tộc Á châu khác, vốn có sẵn một tâm hồn hướng nội, ngã về suy tư và chiêm ngưỡng thiên nhiên nhiều hơn về tranh chấp quyền lợi. Nhưng trạng thái tâm lý này không giải thích được sự hăng hái đến cuồng tín của cả một hệ thống lãnh đạo và cán bộ Cộng Sản. Cho nên, theo tôi nghĩ, dân tộc Việt quả thật có tâm hồn hướng nội, nhưng hướng nội không có nghĩa là lười biếng, tiêu cực, bị quan.

Theo tôi nghĩ dân tộc Việt có một tinh thần căn bản rất lạc quan. Người dân Việt chăm chỉ và tích cực, nên mặc dù thích suy tư siêu hình, người dân Việt không bao giờ hoàn toàn theo quan niệm diệt thất tinh và xa lánh trần thế của đạo Phật. Trạng thái ngưng đọng của cuộc sống kinh tế và xã hội là hậu quả trực tiếp của nền giáo dục theo Nho giáo.

Nho giáo hình thành ở Việt Nam một tinh thể sinh hoạt giống hệt như tinh thể sinh thể sinh hoạt mà nền văn minh La mã hình thành ở Pháp. Dân chúng Việt nói tiếng Việt như dân chúng Pháp nói tiếng Pháp; trong khi giới trí thức Việt viết Hán văn, và rất có thể còn nói cả Hoa ngữ, như giới trí thức Pháp viết văn La tinh, và đôi khi nói tiếng La tinh (nhất là trong những buổi họp về tôn giáo hay khoa học).

Nhưng văn chương Pháp chỉ lớn mạnh

dần dần trong mấy thế kỷ, còn văn chương Việt — văn chương quốc ngữ — chỉ cần không đến 100 năm để đạt tới sự phát triển sâu rộng hiện nay. Và cùng một lúc với văn chương, các bộ môn học vấn, cũng như các ngành sinh hoạt đòi hỏi một trình độ kiến thức tương đối cao (như đấu tranh chính trị và cách mạng), đều cũng phát triển thật mạnh.

Yếu tố thứ hai làm nên sự phát triển đó là sự sáng tạo ra chữ quốc ngữ, tức là phép ghi âm Việt bằng các mẫu tự La tinh.

Yếu tố thứ ba hẳn nhiên là những tiện nghi mới lạ của đời sống vật chất mà người Pháp từ phương Tây đem đến. Sau nhiều đời chịu đựng sự nghèo túng mà không than van, một số người Việt, như chợt tỉnh ngủ, lao mình vào cuộc tranh sống tất nhiên bắt đầu bằng sự học vấn.

Pháp ngữ, trong hơn một nửa thế kỷ, là tiêu chuẩn cao nhất để xét về trình độ kiến thức của người Việt, cho nên chữ Pháp được giảng dạy từ lớp mở lòng. Nhiều gia đình mang tiếng thủ cựu chỉ giữ gìn được một đời người, nhiều gia đình có Nho học không ngần ngại gì trong việc gửi con cái vào hẳn các trường Pháp. Một nửa thế kỷ chưa qua, người ta thấy dân chúng Việt Nam ở các thành thị hầu như đã chấp nhận sự hiện diện của người Pháp như một tai nạn không thể tránh được, và cũng không làm cho dân chúng đau khổ quá sức chịu đựng.

Vào khoảng thời gian từ 1930 đến 1940, xã hội Việt Nam được chia làm 3 thành phần khá rõ rệt. Dưới mức độ thấp nhất là nông dân và công nhân vô sản. Số người này không được hưởng quyền lợi gì của chính quyền bảo hộ, nhưng vì thất học và nghèo khổ, nên trừ một số rất nhỏ được tổ chức vào các đảng

giáo dục tân trung dung

cách mạng — nhất là đảng Cộng Sản—còn hầu hết tuy không quên người Pháp là ngoại nhân xâm lược, không có ý niệm gì về đấu tranh giành độc lập.

Ở mức độ thương lưu, người ta thấy có một số nhà kinh doanh đại phú, một số địa chủ, quan lại và công chức cao cấp, một số trí thức (đi nhiên có học vấn theo Pháp) làm nghề tự do. Một phần nhỏ trong số người này tìm cách tự đồng hóa với người Pháp, và phần còn lại vẫn cố giữ được nền nếp sinh hoạt Việt Nam, nhưng có thể nói tất cả mọi người đều nghi và tin rằng không có ai, bằng bất cứ cách nào, có thể giải phóng đất nước mà không làm cho đất nước lọt vào vòng quỹ đạo của một nước Pháp thứ hai có khi tham tàn hơn người Pháp.

Riêng lớp người trung lưu gồm các công chức hạng giữa và dưới, các nhà buôn nhỏ, các điền chủ có vài ba trăm mẫu ruộng trở xuống, là không bị quyền lợi trời buột quá chặt chẽ vào chế độ ngoại thuộc, nhưng lại có mức sống tương đối đầy đủ để có được một tinh thần phóng khoáng, tự lập, khiến cho lớp người này có thể được coi như thành phần độc nhất của dân tộc vừa dám nghi đến đấu tranh, vừa dám thực tế tham dự những phong trào, theo đường lối này hay đường lối khác, nhằm mục đích nâng cao trình độ sinh hoạt tinh thần của đa số dân chúng. Chính trong những phong trào đó mà người ta tìm thấy Hội truyền bá Quốc ngữ, phong trào Ánh Sáng v.v... Và cũng chính trong tầng lớp trung lưu mà người ta thấy xuất hiện những Nguyễn Thái Học, Nguyễn Ái Quốc, Võ Nguyên Giáp, Phan Thanh, Trường Chinh, Đặng Thái Mai v.v...

Nói về tác động của giáo dục, người ta nhớ lại rằng chính nhờ những buổi tập đọc Pháp văn mà hầu hết các thiếu niên Việt

Nam được thức tỉnh trong lòng yêu dân yêu nước. Vì tất cả các sách giáo khoa bằng quốc ngữ đã không được, gián tiếp hay trực tiếp, nói về sự hy sinh tranh đấu cho quốc dân, các học sinh Việt Nam chỉ tìm thấy những tấm gương chói sáng trong lịch sử và văn chương Pháp. Những tác phẩm ca tụng cậu bé giữ ngựa, cậu bé đánh trống trận (2) thật ra chỉ được dành cho các thiếu niên Pháp: sự lười biếng của các nhân viên phụ trách giáo dục trong chính phủ bảo hộ đã khiến cho những sách vở đó được phổ biến khắp các nơi trên lãnh thổ của toàn thể các thuộc địa của Pháp. Một phần lớn, nếu không phải là tất cả những ai, ngày nay đã đến 45, 50 tuổi, đều được "vỡ lòng" về tinh thần ái quốc ngay trong các lớp học do người Pháp tổ chức.

Đó là điều độc nhất đáng nói về nền giáo dục ở Việt Nam trong thời kỳ ngoại thuộc. Còn các tính chất khác của nền giáo dục ấy cổ nhiên cũng là tính chất của nền giáo dục Pháp ở ngay bên Pháp: nặng tư chương, thuần kinh nghiệm (về quan niệm và đường lối), và thay đổi theo yêu cầu của thể lực cầm quyền.

Nền giáo dục Việt Nam từ 1945 về sau có thể được chia làm 2 khu vực, bắt đầu từ 1954: từ 1945 đến 1954 người Việt Nam hầu hết chỉ công nhận có chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính thức, nhưng chính phủ này bận việc chiến tranh, hầu như không chú ý gì đến công việc giáo dục—các trường đại học bị đóng cửa ngay năm 1947, các trường trung học ở những địa phương an toàn còn tồn tại được ít lâu; các trường tiểu học được ủy thác cho địa phương, tùy theo hoàn cảnh mà tổ chức nay ở đây mai ở đó.

Năm 1954, chính phủ VNDCCH tiếp thu miền Bắc, mở cửa lại các trường, với 3 sự thay đổi quan trọng. Thứ nhất là học sinh

bị bắt buộc phải tham gia lao động — lao động, trên một phần lớn lãnh thổ miền Bắc, là canh tác — tùy theo tuổi của học sinh mà làm vườn trồng khoai sắn, hay làm ruộng cấy lúa. Đây đáng lẽ là một quan niệm rất tốt, nếu người Cộng Sản có ý thức đầy đủ trong lập trường lao động của họ. Nhưng ý thức đó không có, nên người Cộng Sản bắt thanh thiếu niên học sinh tập làm việc bằng chân tay nặng nhọc, chỉ có chủ đích theo đúng đường lối Mác xít về đấu tranh cách mạng: giới lao động vừa đông vừa dễ vận động nên người Cộng Sản đề cao lao động. Có thể thôi.

Sự thay đổi thứ hai chỉ bắt đầu từ lớp 9 đến các lớp đại, và chỉ có tính chất thuần túy chính trị: người Cộng Sản căn cứ vào thành phần (giai cấp) của gia đình để cho phép hay không cho phép một thanh niên tiếp tục sự học vấn. Đây tất nhiên là một biện pháp nhằm củng cố uy thế và tổ chức của đảng Cộng Sản. Một biện pháp như thế không có tác dụng gì về giáo dục, nếu không phải có tác dụng tai hại đối với một số thanh niên không nhỏ có khả năng học tập giỏi đang, nhưng chỉ có tội xuất thân từ một gia đình khá giả (tiền chiến) là không được phép học đến nơi đến chốn.

Sự thay đổi thứ ba là Cộng Sản bắt học sinh, sinh viên học chính trị rất sớm. Tất nhiên chính trị ở đây là chính trị Mác xít. Đề thỏa mãn nhu cầu chính trị, người Cộng Sản viết lại lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới: dân tộc Việt trở nên thân hữu « anh em ruột thịt » với dân tộc Trung Hoa; còn các vua chúa, nếu không xuất thân lao động, không được công nhận là anh hùng.

Đem chính trị vào học đường, người Cộng Sản gây cho tuổi trẻ miền Bắc nhiều tai hại. Trước hết, trẻ nhỏ học suy tôn tuyệt đối

Chủ tịch Hồ Chí Minh, và tập triệt để vâng lời cán bộ. Sự trôi buộc về tâm lý giết chết mộng mơ vui tươi của tuổi trẻ. Sự suy tôn quá mức lãnh tụ độc nhất tập cho tuổi trẻ quen với sự nô lệ về tinh thần. Một thiếu niên đã không nuôi những mộng lớn, tất nhiên khi trưởng thành sẽ biết tuân lệnh cấp trên, nhưng sẽ mất rất nhiều sáng kiến — chưa nói gì đến tinh thần sáng tạo, ở một trình độ cao hơn. Người Cộng Sản làm lợi cho họ, với tư cách lãnh đạo guồng máy cai trị, nhưng làm hại nặng nề cho dân tộc. Chỉ cần ở 50 năm dưới quyền chi phối của họ, phần dân tộc Việt sống ngoài miền Bắc sẽ chỉ sản xuất ra những cán bộ, tay sai đắc lực; chỉ trong vòng 50 năm, không những ngoài Bắc sẽ không có một Hồ Chí Minh, mà còn không có cả những Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Phạm văn Đồng...

Chính trị thường thay đổi luôn về chiến lược ngoại giao. Năm 1950, ngoài Bắc các học sinh đều gọi Staline là ông, nhưng sau khi Staline chết và bị Kroutchev tố khổ, thì những người Cộng Sản miền Bắc bị một phen chết đứng. Sau đến vụ tranh chấp Nga Hoa, chính quyền Bắc Việt cũng không dám ngả về phe nào. Thái độ e dè các nhân vật cao cấp tất nhiên ảnh hưởng đến tinh thần học sinh không ít, nhất là trong thời gian tới đây, nếu Trung Cộng hòa hoãn rồi đi đến giao hảo với Hoa Kỳ, hoặc nếu cuộc chiến tranh trong Nam bị (quốc tế) bắt buộc phải chấm dứt, học sinh các trường lớn, nhỏ ngoài Bắc sẽ phải viết lại những bài lịch sử cận đại. Như thế, không thể nào không bị hại đến tinh thần ngay thẳng và âm hồn cõi mở của tuổi trẻ.

Thứ ba là, trong mọi trường hợp, chính trị nắm quyền lãnh đạo chuyên môn, kể cả nghệ thuật. Học sinh đã mất nhiều thì giờ để học tập một chủ nghĩa có quá nửa đã trở thành lạc

giáo dục tân trung dung

hậu, mà còn phải đặt sự học vấn ở dưới quyền chỉ huy của chi bộ trường học. Một học sinh có tài học đến đâu cũng phải thuộc nằm lòng một điều là tài giỏi đến đâu cũng không quan trọng bằng lập trường có đúng đắn hay không—nghĩa là học sinh ấy có được cán bộ tin cậy hay không—và, như thế, chắc chắn phải có những học sinh không cần phải học mà đề thì

giờ phụng sự cán bộ, đến khi ra trường vẫn đắc dụng và chiếm được địa vị cao. Đó là biện pháp tốt nhất để phá hoại cả một chế độ giáo dục, để đào tạo những thế hệ thanh niên không những chỉ biết cúi đầu vâng lệnh, mà còn khiếp nhược đối trước bất cứ một thế lực chính trị nào, để được sống yên thân, no đủ.

GIÁO DỤC TÂN TRUNG DUNG

Tất cả phần trên được trình bày một cách tổng quát vì người viết không phải chỉ có ý so sánh, khen chê các chế độ giáo dục đã có hay đang có. Mục đích của người viết tương đối giản dị là chứng tỏ sự lẫn mò lúng túng rồi tiến tới một cách vội vàng liều lĩnh, hay sự trói buộc và hạn chế khó khăn, của tất cả mọi nền giáo dục đã có.

Mục đích của tác giả tất nhiên là trình bày những thiếu sót, sai lầm, của quá khứ. Đề, từ đó, đề nghị những đổi mới cần thiết.

THẦU TÓM QUÁ KHỨ

Như đã được trình bày, từ trước đến nay không ở đâu có một lý thuyết giáo dục, và bởi không có lý thuyết nên chính sách—nếu có thể gọi là chính sách—cũng thay đổi luôn, tùy theo yêu cầu của xã hội và của chính trị: khi đốt sách và giết học trò, Tần Thủy Hoàng tất nhiên đã thực hiện một thủ đoạn chính trị (củng cố chế độ bằng cách tiêu diệt mọi triển vọng đối lập cũng là thủ đoạn của cộng sản trong cải cách ruộng đất—Mao Trạch Đông coi Tần Thủy Hoàng là nhà lãnh tụ vĩ đại nhất trong lịch sử loài người), nhưng Tần bạo chúa cũng còn biết rằng học vấn được phát triển một cách bừa bãi, chỉ có thể có hại nhiều hơn có lợi, vì chỉ các phần tử trí thức

mới có khả năng xui dân làm loạn. Đó là nói từ cao xuống thấp, từ khó đến dễ.

Ngược lại, nếu xét từ thấp lên cao, người ta sẽ thấy rằng sở dĩ trong quá khứ không ở đâu có một lý thuyết giáo dục, ấy là vì người ta thấy kinh nghiệm (sau biến dân thành kiến thức) là quý nên tìm cách trao gởi cho nhau mà không kịp tìm hiểu mỗi con người: thấp kiến thức như thế nào, và mỗi con người có kiến thức được lợi những gì.

Câu hỏi thứ nhất đòi người ta phải hiểu rõ thành phần và sự vận động của khối óc (được coi như tiêu biểu của sự học vấn), câu hỏi thứ hai không đòi hỏi gì khác hơn sự hiểu biết về ý nghĩa của đời sống—ít ra là ý nghĩa của đời sống của loài người—và giá trị của kiến thức tương quan với ý nghĩa ấy.

Chúng ta cũng đồng ý xưa nay chưa từng có sự hiểu biết nào tương tự. Mặc dù khoa học Tây phương đã thực hiện được rất nhiều khám phá ngoạn mục về tâm hồn con người—những hiểu biết gần đây nhất (được công nhận phần nào) đều có hướng tâm phân tích. Như Pavlov tìm nguồn gốc của thói quen (cử động) máy móc, và đưa ra thuyết phản ứng theo điều kiện: cả lý thuyết của Pavlov, mà không ai phủ nhận giá trị, bắt nguồn từ hiện

tượngthói quen của tâm hồn) được giải thích bởi hiện tượng khác (thói quen của của cơ thể). Lý thuyết của Pavlov rất quan trọng, vì nó chứng minh sáng tỏ rằng người ta có thể chi phối tâm hồn con người bằng cách chi phối thể xác của nó. Nhưng sự tìm kiếm của Pavlov dù sau này được nhiều môn đệ đào sâu thêm nữa, chưa bao giờ có cố gắng đi xa hơn bản năng (instinct)-mà cũng chỉ giả thiết con người có mấy bản năng (và bản năng ấy có ảnh hưởng vào suy tư, xúc cảm của cá nhân như thế nào), chứ không cho biết được hình thành như thế nào và con người đang suy tư hoặc xúc động thì bản năng ấy vận chuyển như thế nào... Hoặc giả như Freud, tìm nguồn gốc của một số bệnh thần kinh, đã xác nhận vai trò quan trọng của tính dục, đồng thời cũng thấy rõ vai trò quan trọng của mộng mị. Nhưng không bao giờ người ta thấy ông đi xa hơn trong cố gắng tìm hiểu nguồn gốc của tính dục, của mộng mị. Vì như thế chúng ta phải nhận chân rằng, cho đến những ngày gần đây nhất của ngành tâm lý học, nền giáo dục nói chung của cả thế giới không được giúp đỡ gì bởi khoa học — cố nhiên chúng ta không nói về sự học vấn về chuyên môn.

Và khi đã không hiểu nổi tâm hồn của chính mình, con người ta thật khó có thể trả lời được mình sống để làm gì, học để làm gì. Trừ trường hợp trả lời một cách bao biện tổng quát, như sống để tranh đấu, học để tiến bộ: mỗi câu trả lời mở ra thật nhiều những khu vực mênh mông để tranh luận, và mỗi khu vực lại mở ra nhiều khu vực khác, như thế mãi không bao giờ đến tận cùng.

THẦU TÓM TRIẾT THUYẾT TÂN TRUNG DUNG

Mặc dù triết thuyết đã được trình bày khá cặn kẽ trong nhiều cuốn sách đã xuất bản,

tôi thấy nên nhắc lại những điểm căn bản (liên quan đến giáo dục) ở đây, vì tài liệu gốc, có tác dụng làm cơ sở cho tất cả mọi tài liệu khác, là cuốn TÂN TRUNG DUNG, vẫn chưa được đến tay bạn đọc.

THỨ NHẤT, VỀ LINH HỒN : linh hồn là sự kết hợp lâu dài của nhiều yếu tố, mà yếu tố đầu tiên là ký ức (trí nhớ). Ký ức là sự ghi nhận vào chân không của sự di động của những vật thể được chuyển chở (bởi chân không) một cách "lần mò mù lòa", theo những quỹ đạo được ấn định, trong thời gian vô tận. Khi ký ức đã được thu hẹp vào trong nguyên tử thì trong ký ức đã có một động lực mới là ý chí. Ý chí được định nghĩa giản dị là ý muốn được thấy các vi ti phân tử trên mặt Địa cầu được kết hợp thật nhiều lần theo kiểu mẫu đầu tiên, trên căn bản "ngẫu nhiên có chỉ huy".

Khi tế bào sống đầu tiên được đào tạo, có một hình thể đổi thay (changeant) mà cố kết (permanent), thì khối chân nhỏ bé trong tế bào ấy bắt đầu có thêm (dần dần) ký ức về nội thân xúc cảm — thuận nghịch, nóng lạnh, khô ướt v.v... — và cũng dần dần có thêm ý chí về sinh tồn, sinh sản. Khoa học, sinh học và y học, từ 10 năm nay đã công nhận các tế bào sống có các khả năng về ký ức và ý chí giản dị như thế. Khoa học nhận định ký ức và ý chí giản dị đó có tính chất tĩnh nhiều hơn động, nên gọi nó là ý thức: bio-conscience. Tôi đề nghị một tên gọi dễ nhớ hơn, là sinh hồn.

Tiếp tục con đường đi của ý thức Nguyên thủy — Chân không, với chữ C hoa — sinh hồn đưa đẩy tế-bào-sống đến sự kết hợp thành những sinh vật đa bào (do cùng một loại tế bào chồng chất bên nhau) và những sinh vật đa bào do nhiều tế bào, thuộc loại hội nhập làm một. Tất nhiên chỉ có loại thứ hai mới

đưa đến sự hình thành sinh vật, với những biến cải lớn lao thuộc 2 khu vực. Trước hết là khu vực kích thước (dimensions) của sự sống : con cá dưới nước không biết có trên dưới, trước sau, và không có ý niệm gì về không gian (con đường đã đi qua), và do đó, cũng không có ý niệm gì về thời gian. Loài cá sống trong đời sống chỉ có kích thước độc nhất — nói một cách tổng quát.

Những loài côn trùng chỉ ở sâu dưới đất, như loài giun, cũng chỉ biết có đời sống trong kích thước độc nhất.

Nhưng nhiều loại khác, cũng gọi là côn trùng, lại có đời sống khác hơn : con rắn, con kiến v.v... bò ngang dọc trên mặt đất, nên đã có ý niệm về 2 kích thước : dài, rộng ; trước, sau ; phải, trái. Sau đến các loài vật có 4 chân, có vai và cổ khiến cho cái đầu có thể cất lên hay cúi xuống, quay bên này hay bên kia, các loài vật này đều đã có đời sống trong 3 kích thước : dài, rộng, sâu (cao) ; trước, sau, trên (dưới). Một vài giống, như giống khỉ, còn có hai con mắt cùng chiếu về một hướng (trước mặt) và không bị sống môi quá cao chia cách, và lại còn có (ba đốt xương) cần cổ rời khỏi xương vai, nên có thể ngửa mặt nhìn lên cao : bầu trời là kích thước thứ tư.

Phân khác là những cơ quan nhận thức ngoại giới : giác quan.

Loài cá hầu hết có mắt ở hai bên đầu, nên không thể có ý niệm gì về con đường nó đi (bơi) qua. Mắt chỉ dùng để tìm mồi, nên loài cá chắc hẳn không có kỷ ức gì về nơi nó trú ngụ, và một phần lớn còn không có ý niệm gì về hợp đoàn — nếu sự hợp đoàn không do một bản năng nội thân nào được truyền tiếp qua sự sinh sản. Nhà sinh học xác nhận rằng bị mổ theo xương sống, trên đầu tùy một con cá thường chỉ có một kheang phình hơi lớn

hơn, thay thế cho bộ óc. Như vậy là, mặc dù đã có giác quan, loài cá cũng hầu hết chỉ có sinh hồn như các tế bào sống : sinh hồn, dù có phức tạp hơn, cũng coi ý thức và ghi nhận mọi xúc động nội tại.

Nhưng kinh nghiệm cho thấy một con cá mắc lưới câu rồi thoát liềm được, sẽ ít khi mắc lưới câu lần thứ hai. Một con cá bị bắt lên bờ tự nhiên phải quẫy cựa, chứng tỏ rằng nó biết mình không còn ở chỗ an toàn nữa. Và sau cùng, trong một vùng nước nhỏ, nếu đã có một vài con cá bị câu được, người ta khó lòng tiếp tục câu được thêm nhiều con khác ngay trong lúc đó. Như vậy, loài cá tỏ ra có ý thức tối thiểu về ngoại cảnh, có kỷ ức về sự nguy hiểm xảy ra, và có khả năng loan truyền sự xác nhận đó cho đồng loại. Cho nên, dù chỉ biết rất ít về loài cá, chúng ta vẫn phải coi như trong linh hồn của chúng ta đã có những sự vận động khác và hơn hẳn sự tiếp nhận tiêu cực trong sinh hồn của tế bào. Chúng ta tin rằng những động lực đó xuất phát từ một hay nhiều giác quan của chúng — mắt, mũi, tai, vẫy, mang v.v... — và, do đó, gọi toàn bộ khả năng cảm ứng ngoại giới ấy là giác hồn, *âme sensitive*.

Trong muôn loài sinh vật, ở giữa đời sống phức tạp, giác hồn tăng trưởng và biến đổi. Loài dơi không dùng nhiều đến mắt ; loài ong có bộ phận riêng nào đó để tìm thấy cây có hoa, và tìm thấy đường về tổ : loài kiến cũng giữa một tập thể đồng đảo, trong một tòa có giác quan riêng để sống có kỷ luật kiến trúc tân kỳ. Mỗi loài hình như đã có những bộ phận đặc biệt để thích nghi với ngoại cảnh ; hoặc ngược lại, thiên nhiên đã sáng tạo ra nhiều giác quan và đã bày đặt ngoại cảnh để thử dùng các giác quan đó.

Sự khác biệt không nói sao cho hết được. Nhưng tựu trung, người ta có thể xác nghiệm mấy điểm căn bản sau đây :

- 1 — Thế giới loài vật không bị tĩnh động (đặc biệt là tiếng nói) — làm cho loăng, và lại loài vật cũng không biết dùng tiếng nói để xác nhận hình ảnh, nên giống vật chỉ dùng mắt để nhìn thấy thực tại, còn thì dùng đến tai và mũi nhiều hơn, trong sự ghi nhận ký ức về ngoại cảnh, về những con vật khác.
- 2 — Tuy nhiên, sự phối hợp của mắt, tai, mũi, cũng đủ cho phép nhiều giống vật có ý niệm rõ rệt về không gian : đường đi, khu vực kiếm mồi...
- 3 — Sự phối hợp đó cũng cho phép nhiều giống vật có ký ức về những con vật mà chúng yêu thương — sau khi giao hợp hay nuôi nấng, bảo vệ — và đó là cơ sở đầu tiên của gia đình.
- 4 — Ký ức về ngoại cảnh, ở một số loài vật ít hơn, còn cho phép chúng kết bầy và tuân lệnh con đầu đàn, để được sống yên ổn hơn.
- 5 — Từ điểm 2 đến điểm 4, người ta thấy thành hình dần dần một sự phối hợp nhiều ký ức của một hay nhiều giác quan thành một chuỗi liên tục những ý niệm trừu tượng có ảnh hưởng đến động tác của con vật. Con hổ bao giờ cũng tránh đám đông, nhưng nếu đói quá, bao giờ nó cũng về người đi sau cùng của đoàn người đi hàng 1 trong rừng. Con voi già đầu đàn bao giờ cũng uống nước sau, vì nó luôn luôn

đứng trên bờ cao « gác » cho những con voi cái, voi con uống trước. Người ta cũng kể về những con vật biết đền ơn báo oán. Như thế có nghĩa là trong nhiều giống vật đã có sự phối hợp nhiều ký ức khác biệt, đưa đến một hay nhiều ý niệm trừu tượng (mà các giác quan không hề tiếp nhận được)!

Như sự tận tâm, sự dành dụm (lương thực), sự đề phòng (kẻ thù) v.v..

Điểm thứ 5 trên đây, ở loài vật, là yếu tố chuẩn bị cho loài người có một thành phần khác cho linh hồn. Đó là sự phối hợp nhiều hình ảnh thành một suy tư trừu tượng, rồi lại áp dụng sự suy tư trừu tượng đó vào đời sống hằng ngày, khiến cho linh hồn của con người trở nên vô cùng phức tạp so sánh với linh hồn loài vật. Tôi đề nghị gọi đó là anh hồn, âme spirituelle.

Anh hồn ghi nhận hình ảnh phức tạp của đời sống, rồi kết nối thành chuỗi liên tục biểu hiện cuộc sống của từng cá nhân từ khi ra đời đến lúc chết. Chính sự biểu hiện đó làm cho, đối với con người, sự sống trở thành lạ lùng, và cái chết bí mật ghê sợ. Rồi lại chính sự kinh ngạc và sợ hãi làm cho con người mừng rỡ đến một uy quyền tối cao chủ trì sự sinh đẻ sống chết : Thượng đế.

Thượng đế đối với anh hồn, như Trời đối với giác hồn, là kích thước thứ tư là khởi điểm đầu tiên và kích thước « trở về » của đời sống, kinh qua một quá trình vận động mấy tỷ năm, từ các phân tử qua tế bào, qua sinh vật đến loài người là điểm « tối » cao nhất.

Theo thứ tự trước sau, sinh hồn, giác hồn, anh hồn là 3 thành phần căn và đủ của linh hồn con người. Các thành phần đó không

giáo dục tân trung dụng

riêng biệt nhau, vì thật ra chính sinh hồn tạo thành giác hồn, và giác hồn thành anh hồn. Cũng theo thứ tự trước sau, anh hồn phức tạp hơn giác hồn, giác hồn phức tạp hơn sinh hồn. Và cứ mỗi lần biến cải hầu như lại có một bước nhảy vọt — tuy trong thực tế, mỗi sự biến cải đòi hỏi hàng nghìn năm, hàng triệu năm—và sinh vật lại nhờ thế mà có đời sống phong phú hơn. Chúng ta kể sau đây những đặc tính và tác dụng của mỗi thành phần, hoặc riêng rẽ hoặc phối hợp :

1— Sinh hồn chủ động bảo tồn Sự Sống ở trình độ đơn giản nhất (tế bào), nên vừa chủ trì ý chí sinh hóa (phản đối) trong bản thể, vừa ghi nhận cảm quan trong nội thân, vừa giữ nhiệm vụ làm cho mỗi bộ phận tiếp tục tự chủ vận động. Mỗi bộ phận có một trung tâm sinh hồn, ghi nhận những cảm xúc mà toàn bộ hoặc một phần quan trọng của bộ phận phải tiếp thu—mỗi tế bào chỉ giữ kỷ ức của riêng nó—và chúng ta gọi trung tâm đó là «trạm», có nhiệm vụ thông báo cho trung ương, là khối óc, biết tình trạng chung của bộ phận, đồng thời cũng tiếp nhận mệnh lệnh của trung ương gửi cho mỗi bộ phận. Con đường đưa từ bộ phận về trung ương được khoa học hiện nay gọi là hệ thống thần kinh cảm xúc, còn con đường đưa mệnh lệnh của trung ương xuống các bộ phận được gọi là hệ thống thần kinh động cơ— *Systèmes nerveux moteur et de perception*.

Sinh hồn có thể thấy mà không biết có ngoại giới, hoặc giả nhờ sự sống lâu dài (của các thể hệ tế bào liên tiếp) mà biết có ngoại giới, như một người mù, què, câm, điếc, tê liệt... biết có ngoại giới vì bị ngoại giới tác động vào bản thể : thấy nóng, thấy lạnh, thấy đau đớn hay khoan khoái lâu ngày và nhiều

lần, rồi cũng biết những thứ đó đều do ngoại cảnh đem đến.

Về phương diện giáo dục tất nhiên sinh hồn không giữ vai trò chủ động, quan trọng.

2— Giác hồn tập trung trong khối óc và lan khắp thân thể của sinh vật theo các đường dây thần kinh, và ánh chiếu ra ngoài thân thể như một năng lực phát huy tự lập từ các tế bào, và trong một vài trường hợp, năng lực đó ánh chiếu ra ngoài thân thể sau khi tiếp thu hình ảnh của ngoại giới — ví dụ cặp mắt thấy người tình, hay kẻ thù, đến gần thì báo cho óc, và óc thông báo cùng một lúc cho anh hồn và sinh hồn : trước khi anh hồn tìm được biện pháp đối phó thích ứng, sinh hồn đã phát huy sự mừng rỡ hay sự sợ hãi như những ánh chiếu năng lực mà người ở gần có thể thấy được, nếu tinh tế.

Về giáo dục tất nhiên giác hồn có tác dụng rất lớn. Trước hết, vì giác hồn ở các trạm liên lạc và ở trung ương đều có khả năng ghi nhận tin tức một cách tự lập đối với anh hồn, có nghĩa là không cần có ý muốn của cá nhân trong cuộc, giác hồn tự động ghi nhận và xếp đặt và chôn cất kỷ ức.

Ví dụ một thiếu nữ vô tình chứng kiến một cảnh tượng dâm ô, thì dù cô có khờ dại làm xấu hổ và khinh bỉ (phản ứng của anh hồn, chịu ảnh hưởng có điều kiện, theo Pavlov), cả con mắt lẫn khối óc của cô đều có ghi nhận cảnh tượng đó. Rồi sau này, suốt cuộc đời, có thể cô gái sẽ nhớ đến cảnh tượng đó nhiều lần : bất chợt thấy hiện ra trước mắt rồi tan biến đi ngay, đó là kỷ ức của trạm liên lạc (mắt) ; hoặc giả thấy một căn phòng tương tự mà nhớ lại một cách rõ ràng hơn, và đó là kỷ ức của giác hồn trung ương (óc) mà người ta biết

khu vực của hình ảnh ở phía sau (gây) khối óc. Trường hợp thứ ba là nghe nói về tình trạng sa đọa của xã hội, hoặc thấy một tấm bích chương quảng cáo một phim ảnh gay cấn về tình yêu, mà chủ đích nhớ lại cảnh tượng cũ, cốt đề trình bày ý kiến về vấn đề mãi dâm (chàng hạn) thì đó là trường hợp của sự phối hợp rộng rãi hay sâu xa giữa anh hồn và giác hồn.

Cụ thể, giác hồn có thể tự động ghi nhận những hình ảnh hoặc tin tức giản dị, như một tên người, một số điện thoại, một phong cảnh đẹp. Giác hồn cũng có thể được tập luyện để ghi nhớ rất nhanh một con số thật dài, hay khó khăn hơn, một học sinh học thuộc công thức và thuộc luôn cả những phương trình áp dụng công thức, có thể trở thành giỏi toán (chỉ trong khu vực được học thật kỹ) mặc dù anh

ta không được thông minh cho lắm. Như thế có nghĩa là giác hồn có thể không cần đến anh hồn — anh hồn là căn bản của tài năng — và sự học đều đặn và chuyên cần vẫn có thể đào tạo được người giỏi, một cách có giới hạn, trong lãnh vực được giới hạn.

3— Anh hồn trong con người thông minh có thể được ví như vận tốc của một chiếc xe chạy nhanh và êm. Biểu tượng không hoàn toàn đúng, vì anh hồn bắt đầu hiện hữu bằng sự ghi nhận những tin tức trừu tượng (mà mắt không nhìn thấy ở ngoài đời) ví dụ sắc đẹp của Tây Thi, vận tốc của ánh sáng) hạnh phúc của nhân loại v.v... là những tin tức trừu tượng sẽ thiết yếu tạo thành thành phần rõ ràng nhất, dễ hiểu nhất của anh hồn.

(còn nữa)

NGUYỄN MẠNH CÔN

THƯƠNG TIẾC CHỊ RƯƠNG

Chúng tôi được tin trẻ

Chị VŨ TIẾN RƯƠNG

đã theo Anh về cùng Ông Bà. Sinh thời anh chị thương em như ruột thịt. Chị ra về trước, em không được biết, em rất buồn.

Cầu nguyện anh hồn Chị thư thái trên Trời cao — Cậu mợ chia buồn với cháu Thông và các cháu khác.

Vợ Chồng NGUYỄN MẠNH CÔN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

người lính già đã chết

Chữ in không rõ.

Thức tỉnh. Trông thâm tâm tôi, tôi không hề có ý định đến dự tiệc này.

Có nhiều lý do khiến tôi nghĩ như vậy, mặc dầu chẳng có một lý do nào được coi là chính đáng hết.

Thứ nhất là tôi không hề quen biết người đứng ra mời khách. Lại nữa, tôi không ưa lắm cái bàn không khi của những buổi dạ tiệc. Với những người kiêu cách, chẳng chuốt quá lỗ, nói năng bằng một thứ ngôn ngữ kèn kieu và điệu banh. Cách mạng xã hội, thay đổi một đường hướng, chính trị, cộng đồng hòa bình thế giới khai thông, một bề tặc thời quốc. Những thứ này, báo chí đã đề cập đến, nhưng đã đề cập trong một tinh thần, hiểu biết hơn nhiều.

Sau hết việc nhận được tâm thiệp mời này đặt tôi trước hai thái độ chống đối: nhận của lũ bạn. Một vài đứa khi cầm tờ giấy bìa cứng, màu trắng xanh với những dòng chữ in bằng kim nhũ, tinh bày trang nhã, một chiếc nơ đỏ huộc ở lưng và một dấu hiệu mang rõ tất cả các quyền uy của một chức sắc cao cấp trong Hội Đồng Nội Các đặt ở góc chéo tờ giấy, cười cười nói nói với tôi.

«Chẳng việc gì mà phải vác xác đến đó. May sẽ bị lạc lõng trong thế giới giả trá, thế giới của bọn giàu có và quyền thế, thế giới của bọn hoạt đầu chính trị. Tốt hơn hết mày nên ở nhà. Một vài đứa khác ngược lại khuyên tôi nên đi.

«Đây là cơ hội bằng vàng. Mày hãy đến đó. Mày phải mở rộng cánh cửa quen biết. Không phải để dần dần trông một chỗ người ta có thể nhẩy tọt vào một xã hội như xã hội đó. Rồi mày sẽ thấy, trước sau gì mày cũng cần đến những người kia».

Tôi không hiểu tại sao tôi phải cần đến những người kia và sẽ cần cái gì, như thế nào, nhưng tôi cũng không hiểu tại sao tôi sẽ bị lạc lõng trong cái thế giới đó, thế giới của bọn giàu có và quyền uy.

Dù sao, rồi cuộc tôi đã đến dự bữa tiệc được tổ chức tại nhà lòng X. người tôi chưa hề một lần quen biết mặc dù đã nhiều lần nghe nói đến tên và nhìn thấy, khôn ngoan nó tròn, đôi mắt nhỏ tí hí, gò má phình đầy thịt, trán cao trợt với những sợi tóc thưa trên một chiếc đầu hói in rai rác dàu dồ ở trang nhất của các tờ nhật báo.

Đó là một ngôi biệt thự đồ sộ với cả một khu vườn đầy cây cỏ và hoa lá khá lớn bọc xung quanh bằng một bờ tường cao lồm chồm những móng sắt nhọn.

Bữa ăn dọn cả ngoài vườn lẫn bên trong biệt thự.

Tôi đi qua những chiếc bàn vuông nhỏ đặt dưới tàn những chiếc dù màu xanh lá mạ, điện sáng lấp lánh trên những cành cây lớn và « nền ba ngọn » (một thứ đèn mà người ta có thể thấy bày trong những nhà bán kính sách của Thiên Chúa giáo) trên mỗi bàn.

Ông bà X. đứng dưới bậc cấp của ngôi biệt thự đón khách đến và bắt tay từng người một.

Khi gần đến chỗ chủ nhân, một người đàn ông cao lớn, ăn mặc chỉnh tề, nơ đỏ nằm trên ve áo, bước về phía tôi đầu hơi nghiêng thấp xuống

« Xin lỗi, quý danh của ông ? »

Tôi nhìn hần ngạc nhiên. Tôi tưởng hần hỏi một người nào khác Nhưng không, chắc chắn là hần đang hỏi tôi. Hần là người làm công việc trình với chủ nhân tên của người mà chủ hần sẽ bắt tay và nói chuyện.

« Thăng, Ngô Phan Thăng. »

Hần cúi đầu thấp xuống một lần nữa, thấp hơn lần trước, tay đưa về phía trước

« Xin mời ông »

Hần đưa tôi đến trước mặt ông bà X., đầu hạ xuống gần vai ông X. thăm thẳm.

Tôi thấy sau lưng tôi một ve áo có buộc nơ đỏ khác đang nghiêng mình xuống trước người khách khác

« Xin lỗi, quý danh ông bà ? »

Ông X. cầm tay tôi. Bàn tay ông mập mạp, mấy ngón tay ú nhão như những cọng bún. Con mắt nhỏ của ông ngược lên nhìn tôi chờ đợi. Tên hầu cận khoanh tay đứng sau lưng ông mấp máy môi một lần nữa. Tôi thấy mắt ông X. mở lớn về mừng rỡ, mấy ngón tay ông cứng lại và siết chặt bàn tay tôi.

« Cậu Thăng, trời ơi, cậu Ngô Phan Thăng đây hả ? »

Và ông quay sang người đàn bà đứng bên cạnh ông

« Bà này, đây là Thăng, con của anh chị Thành đấy, bà còn nhớ không ? »

Tôi nhìn bà X. Đó là người đàn bà xinh đẹp mặc dù đã đứng tuổi. Tóc chải khéo, trán vò kiêu hãnh. đôi mắt chiếc mũi và miệng còn đọng lại tất cả vẻ quyến rũ một thời xuân sắc.

Bà cười, hai tay đan vào nhau, nhìn thẳng vào mắt tôi.

« Cậu Thăng, chúng tôi rất vui mừng được gặp lại cậu. »

Tôi ngơ ngác nhìn hai vợ chồng chủ nhân. Thực tâm tôi không hiểu gì hết. Tôi không hiểu mối liên hệ nào giữa gia đình tôi và những người đang đứng trước mặt mình, những người, đúng hơn là ông X. đang được xem như kẻ tạo thời cuộc, nhân vật được

người lính già đã chết

nhìn ngó, ngắm nghía, như một khuôn mặt lớn của sinh hoạt chính trị hiện nay tại miền đất này. Người ta nói rằng ông đang theo đuổi đường lối có thể coi như là chính sách của người Hoa Kỳ ở đây, người ta cũng nói ngược lại rằng ông có khuynh hướng thân Pháp (lý do vì một thời ông đã là nhân viên đặc lực của Chánh phủ Bảo Hộ).

Ông X. vẫn giữ bàn tay tôi trong tay ông. Tôi nghe có cái gì rít ướt và hơi ghê rợn. Tôi sợ những bàn tay rịn mồ hôi. Và tôi không hiểu tay tôi hay tay ông đang toát ra thứ chất nhờn đó.

Sự ghê tởm làm tôi một mặt muốn rút tay ra, một mặt vẫn ngại ngừng phải để yên vì cái siết chặt đầy nhiệt tình của ông.

Sau cùng trước vẻ ngỡ ngàng của tôi, ông X. nhìn vợ nói :

«Mời cậu Thắng vào trong nhà, chúng tôi có câu chuyện muốn bàn với cậu.»

Ông thả tay tôi ra, hất hàm với tên cận vệ sau lưng.

«Xin mời ông.»

Hắn thấp đầu xuống và dẫn đường cho tôi. Chúng tôi băng qua một phòng khách rộng, giữa trần là một ngọn điện chùm nhiều bóng phủ bằng những chụp thủy tinh trắng ngà, bàn ăn đặt ở hai góc chéo nhau, khăn bàn trắng, thức ăn la liệt, và những người chách lịch sự đang tự lo lấy phần mình. Mấy người đàn bà tụ thành

nhóm nhỏ cười cười nói nói. Bọn đàn ông với điệu thuốc trên môi, ly rượu trên tay và tất cả cái vẻ hăng say của những nhà hùng biện, đang bàn chuyện thời sự và vấn đề thời trang mà theo tôi thời trang của họ chính là thời sự.

Đến cuối phòng, tên cận vệ mở cánh cửa nhỏ đưa tôi vào một căn buồng hẹp, có lẽ là phòng đọc sách của ông X. Hắn mời tôi ngồi xuống chiếc ghế bành duy nhất giữa phòng.

«Xin ông tự nhiên cho.»

Và hắn cúi thấp đầu bước ra, khép nhẹ nhàng cánh cửa lại đằng sau lưng.

Tôi đặt tay lên thành ghế. Da bọc màu nâu sẫm mịn, lò xo êm. Nhưng tôi không ngồi xuống. Tôi đứng yên giữa phòng. Buồng hơi tối, kệ sách bằng gỗ đánh vec ni, lẫn vào trong vách. Tôi nhìn những quyển ngang tầm mắt Winston Churchill, Charles de Gaulle, ... một loạt hồi ký những nhà lãnh đạo lớn. Kế tiếp là những sách dẫn dắt tư tưởng và hành động, có thể được xem như những cuốn đã làm biến đổi bộ mặt thế giới. Le Prince của Niccolò Machiavelli, Mein Kampf của Adolf Hitler, Tư Bản Luận của Karl Marx, Henry David Thoreau : Dân Sự Bất Phục Tòng...

Tôi đứng đó, mân mê những cuốn sách gáy da, chữ mạ vàng. Tôi biết tôi không ưa những thứ này, mặc dù tôi đã vẫn phải đọc (mà không một chút thích thú) chỉ vì lý do nghề nghiệp.

Chữ in không rõ.

nguyên xuân hoàng

Tôi làm nghề dạy học, một nghề mà người đời van, hơn nữa gọi rằng đó là một nghề bội bạc. Không cần phải nghe người khác nói mới biết, tôi đã nhìn thấy nó, nhìn thấy rõ sự bội bạc ấy nơi chính tôi (chứ chẳng phải là ai khác), sự bội bạc vô tình nhưng tàn nhẫn và khốc liệt. Tôi yêu và cũng ghét tôi đang ngồi phía dưới bàn học kia, không thể không phải là không có lúc tôi chán ghét những người tuổi trẻ đó. Bỗng nhiên thấy, tôi không nghĩ rằng lỗi lầm ấy của chính họ và tôi lại cùng không thể đặt tay lên trái tim mình, bắt đầu nhắm lại để kìm lên cơn Mea Culpa! Mea Culpa! » rằng đó là tội của mình.

Tôi hiểu tôi chỉ là một tên lừa dối, tôi chỉ đọc những cuốn sách đang có trong tay, chỉ ăn những thức ăn có trong tủ, chỉ nói chuyện và yêu dấu những người có trước mặt bên cạnh. Tôi là một người thụ động. Tôi không biết sự sao tìm kiếm như những con gà bươi mồi trong những đống rác ngoài sân để mổ được chút hạt gạo thừa.

Tôi dạy học với tất cả sự bội bạc và lừa dối đó của chính tôi. Tôi chỉ đọc những gì có liên quan đến môn mà tôi phải diễn giảng, còn những thứ khác « mặc xác nó ».

Le Prince chính là một trong những tác phẩm lớn dần dần phải được trình bày. Tôi kéo nó ra khỏi kệ, quay trở lại giữa phòng ngồi xuống chiếc ghế bành. Sự im lặng hoàn toàn trong phòng, đọc sách này như tách tôi ra hẳn đời sống, nên hiệu đời sống là những tiếng động của đám

chính khách mà tôi nghe thấy bên ngoài cánh cửa gỗ dày kia.

Chúng phải là một điều ngạc nhiên cho tôi. Bỗng nhiên tôi lách vào một thế giới đầy rẫy những bất ngờ, cái không hiểu như một thứ chưa được giải quyết đã đẩy đến cái không hiểu thứ hai, và cái thứ hai chưa được mở ra, cái thứ ba đã trở đến.

Hôm nay là thứ mấy. Tôi nhìn lên tấm lịch lớn treo trên tường. Trauli của tờ lịch như một bức hoành phi đẹp thanh thoát.

Thứ bảy. Bảy dương lịch, chiến thứ bảy. Từ lâu, đúng ra là gần suốt ba tháng nay tôi không quan tâm đến giờ giấc và ngày thứ trong tuần. Đối với tôi chiến thứ bảy hay chiến thứ hai, hay bất cứ một buổi chiều nào trong những ngày này chẳng có gì để gọi là khác nhau. Bởi vì bảy giờ đang còn là mùa hè, dù là một mùa hè sắp chấm dứt, những cơn mưa báo hiệu một niên học mới sắp đến đã thấy khỏi sự tưng không đều đặn nhưng rất ào ạt tàn bạo và bất ngờ (triệu chứng của những ngày làm việc trong ướt át và buồn tẻ).

Dù gì tôi đã cầm quyển sách trong tay và tôi đang là kẻ đợi chờ. Tôi lơ đãng lật từng trang sách. Tôi ngừng lại ở chương mười bảy. Tôi đọc thấy

ĐỌC ÁC HAY ĐO LƯỢNG ĐỂ CHO DÂN MẾN DÂN YÊU HƠN LÀ SỢ HÃI HAY ĐỂ CHO DÂN SỢ HÃI HƠN LÀ THƯƠNG MẾN?

Chữ in không rõ.

người linh già đã chết

Ở trang thứ hai kể từ cái đề tựa do tôi scan thấy những hàng chữ bị gạc mờ

Tôi trả lời ngay là hai thứ, nhưng hóa hợp hai thứ đó lại với nhau thật là khó khăn vô cùng, nếu chỉ được một thứ thôi thì chắc hẳn hơn hết là làm cho dân sợ mình còn hơn là để cho dân ghét. Bởi vì thường tình con người vốn vô ơn bội nghĩa, nông nổi, đối tra, tính tình thay đổi khôn lường, ngay cả thì sợ, thấy lợi lộc thì tham khi ta còn thì ăn được, cho họ thì họ hoàn toàn thuộc về tư sản lòng nhậy vào nước lửa, hy sinh tài sản tính mạng và con cái của họ cho ta những chỉ đạo này khi thấy ta còn lại một dùng đến những thứ ấy. Và khi họ không thấy ta sắp cần tới họ tức thì họ lần tránh ngay. Vì chưa nào chỉ từ ngạo lợi dưỡng, mặt của họ mà không tự mình chuẩn bị đề phòng thì rồi ra cũng phải đi tới bước hai vòng.

Bên lề trang sách này, tôi còn đọc thấy dòng chữ do chính tay của ông X. «Người đầu tiên làm vua là một quân nhân mưu mẹo». Quyền lực là sức mạnh và mệnh là vũ khí. Trong cộng đồng nhân loại, vũ quyền xây dựng trên nền tảng vũ lực. Có phải ông X. quan tâm đến điều này và xem nó như một bài học kinh nghiệm cho ông ta hay không? Ông ta đã đứng trong trường tại tri mà ông sẽ áp dụng trong trường tại cộng đồng bởi vì mọi hoạt động chính trị của ông ta đều dựa trên nền tảng này. Ông ta không thể không nhận ra rằng ông đang sắp làm chuẩn bị để trở thành nhà lãnh đạo.

Kính theo trong hướng này của ông

Tôi xếp quyền sách lại, ngón tay trở chân giữa trang đang đọc, ngã đầu ra thành ghế, nhắm mắt và cười một mình.

Chẳng phải là một điều tức cười sao? Đứng không tôi đến dự buổi tiếp tân này, bắt tay một người không quen để nói một câu chuyện nhảm mùi thân mật, ngồi riêng một mình trong căn phòng hẹp đầy những sách vở im vắng và không nhiều ánh sáng cho lắm (trong khi tiếng dòng nước chảy và âm nhạc của những chiếc nhạc nửa mùa, những nhà chính trị mới tới thời đại thì những phi nhân tra khoe quan số, tiền đẹp, sự trịnh, nước hoa và da thịt đang lướt qua lướt lại đời cười nói nói chỉ cách cửa một cánh cửa) để đọc một trong sách đã đọc và chờ đợi sự vô định.

Nhưng hình như tôi không có đủ thì giờ để chọn mắt. Tôi nghe tiếng gõ cửa và liền ngay đó không chờ đợi sự lên tiếng của tôi, cánh cửa đã sịch mở. Ông X. hiện ra ở giữa phòng mang theo ánh sáng, tiếng khua động của mũ ông ta, phòng cười hiên hoả và âm nhạc.

Tôi đứng dậy, quyền sách vẫn còn trong tay, tôi gần như quên tay. Ông X. khép cửa rồi bước vào tay bấm nút điện. Căn phòng sáng rực bất ngờ. Ông đến bên cạnh, đặt tay lên vai tôi.

«Xin lỗi phải để bạn chờ lâu»
«Chưa ông...» Tôi đưa ngón tay ở trong sách, tôi lấy ra một chiếc khăn tay, lau bàn tay bắt đầu đọc. Ông X. cười.

«Cậu đừng ngại». Ông ngắt lời và nhấn mạnh vai tôi, «Cậu ngồi xuống đây đi. Tôi bận chút việc với mấy viên chức ở Tòa Đại Sứ. Cậu uống với tôi chút rượu nghe ? » Ông mở một cánh cửa khác bên tay phải. Rượu đủ loại sắp dọc dài trên kệ. «Hennessy được không ? Cậu làm với tôi một ly cho ấm».

«Thưa ông...»

«Không. Đừng nói chuyện không biết uống rượu với tôi.»

Ông X chặn lại câu nói của tôi như người ta làm sập một cánh cửa trống. Tôi muốn nói với ông là trời nóng lắm, rượu không đủ.

Dù sao tôi vẫn muốn tiếp tục câu nói bỏ dở.

«Thưa ông, tôi có một điều thắc mắc».

«Tôi hiểu những điều thắc mắc của cậu rồi, cậu Thăng ạ». Ông X. vẫn nhất định không cho tôi nói những ý nghĩ của tôi. Ông giơ hai tay lên trời, cười bằng tất cả những thứ thịt trên khuôn mặt mập mạp bầu bĩnh của ông. «Ngồi xuống đây, cậu ngồi xuống đây đi». Ông đưa cho tôi ly rượu và ông cung ly của ông vào ly tôi.

«Chúc mừng người trẻ tuổi».

«Mừng ông».

Ông tợp một ngụm. Không, ông không có cái vẻ của một người uống rượu, ông cần và nhai rượu. Ông bóp chiếc ly trong hai bàn tay mập, xoay tròn.

«Tôi muốn dành cho cậu một ngạc nhiên».

Tôi đọc thấy vẻ nghiêm trọng của giọng nói ông trong cái nhìn kỳ dị của đôi mắt lơnh nhỏ hí.

Ngạc nhiên, đó là điều tôi đang chờ đợi. Tôi ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng. Ông X. đặt ly rượu lên bàn, cho tay vào túi tìm kiếm, sau cùng ông lấy được chùm chìa khoá. Ông đến bàn việc ở góc phòng mở ngăn kéo, lục lọi hồi lâu trong đồng giấy tờ rồi mang đến đặt trước mặt tôi một tấm hình cỡ bưu ảnh.

«Cậu có nhìn ra ai đây không ?»

Ông để ngón tay trở bụ bẫm trên mái tóc của khuôn mặt một người đàn ông râu ria xồm xoàm gần như lấp kín cả hai gò má và cằm miệng. Đó là một người lính với quần áo trận, nai nịt hằn hoi súng đạn phía trước hai tay đặt trên đầu súng, một thân thể khá to lớn so với những người lính khác cùng chụp chung trong tấm ảnh này.

Thật ra, không cần nhìn kỹ tấm hình tôi cũng có thể thấy rõ khuôn mặt người đàn ông đó. Bởi vì tôi đã từng nhìn thấy nó nhiều lần trong phòng riêng của ba tôi. Phải, đúng là tấm hình đó, nhưng đã được phóng lớn cỡ hai mươi bốn mươi tám.

Và người lính với râu ria xồm xoàm, cây súng dài, bộ quần áo trận hơi rộng kia chính là ba tôi.

Đúng rồi, tấm hình đó được lộng kính treo trong buồng ngủ của ba tôi

người lính già đã chết

ngay bên trên bàn ngủ của ông, lúc nào nó cũng chiếm đúng vào cái vị trí đó, không hề thay đổi, không xê xích, không lộn lạo.

Nhìn tấm hình ấy, mẹ nói với chúng tôi rằng đó là kỷ niệm còn sót lại sau cùng của ba mày. Em gái tôi cho rằng đó là niềm kiêu hãnh của một thanh niên thảo vát và can trường. Còn tôi, mặc dù rất yêu kính ba, tôi vẫn không thể nghĩ khác rằng, tấm hình đó chính là kỷ niệm về một mối kiêu hãnh vô lối của tên lính đánh thuê, bán thuê giết mướn ngay trên chính quê hương và tổ quốc mình.

Tôi nhìn thẳng vào mặt ông X.

«Hình như là ba tôi.»

Tôi thấy ông hơi ngạc nhiên một thoáng ngạc nhiên kèm giữ, đôi mắt ông hơi khép, con ngươi thu nhỏ lại, chân mày nhíu gần nhau.

«Tại sao lại hình như? Cậu chưa bao giờ nhìn thấy một tấm hình nào như tấm hình này à?»

«Thưa ông, chưa bao giờ»

Không biết cái gì bắt tôi khiến tôi trả lời dối trá một cách nhanh chóng như vậy. Tôi ngó xuống tấm hình một lần nữa như thể đang moi móc tri nhớ lại tìm kiếm những nét quen thuộc của người đàn ông có râu quai nón. Tôi làm bộ đóng vai một người mất trí nhớ.

«Vậy chớ không để lại gì trong nhà à?»

Tôi tăng lời không hiểu.

«Thưa ông, ảnh là ai vậy?»

Ông X. cầm tấm ảnh trên tay, đếm bàn giấy, mở ngăn kéo, trả lại chỗ cũ, quay đầu về phía tôi.

«Xin lỗi, Tôi muốn nói anh Thành, ba của cậu đó mà.»

Tôi đứng lên, để ly rượu trên bàn trả quyền sách vào cái khoảng trống trên kệ. Tôi mệt mỏi. Thực sự mệt mỏi và buồn bã.

Ba tôi! Ông Thành. Ngô Phan Thành, nhà cách mạng lừng danh ở hải ngoại, người đã từng vào tù ra khám vì chống đối bọn thực dân Pháp, chiến sĩ dũng cảm của tầng lớp quần chúng, đầu tàu của lực lượng thợ thuyền và nông dân, cái gai nhọn của bè lũ phản động...

Phải, đó là ba tôi nhưng là ba tôi được nhìn dưới mắt những người bên ngoài gia đình tôi, đúng hơn phải nói là bên ngoài tôi. Bởi vì với tôi, trong đầu óc tôi, trong trí tưởng tôi, trong trái tim tôi, Ngô Phan Thành là một người đàn ông có cái nhân cách, cách thức, bộ mặt khác hẳn một Ngô Phan Thành cổ tích mà người ta vẫn kể lể cho nhau nghe về ông.

Thực ra ba tôi xa nhà quá lâu. Đầu vào khoảng tháng chạp năm 1939, hồi đó tôi mới lên hai và em gái tôi cũng mới vừa được năm tháng. Mẹ tôi nói ông đi không để lại cho gia đình một đồng tiền nào. Và trong cảnh cùng túng đó bà nuôi chúng tôi, nuôi lớn lên bên cạnh sự giàu sang cùng cực của gia đình bên nội tôi, một gia đình làm chủ cả một làng và trai

tráng ở đó đến buổi cùng họ với họ
 ông. Tôi nhớ đến một lần...
 Cách mạng tháng Tám 1945 bùng
 nổ. Nhặt đến rồi Tây đến cả giáo dân
 tôi hoàn toàn tan rã phân tán như bụi
 phấn trong gió. Chúng tôi lạc mẹ và
 lạc nhau ngay khi trái lựu đạn đầu
 tiên nổ trước sân trường tiểu học vào
 một buổi sáng mùa thu.

1954 cùng với cuộc di cư của
 người Bắc vào, cha tôi trở về một
 thân thể tiêu điều, một linh thần bạc
 nhược, mái tóc đã những sợi bạc
 trắng như bông, đôi mắt thì thâm, đỏ
 ngầu những đường gân máu. Ông giam
 mình trong phòng riêng. Rượu chế liên
 miên suốt ngày này, nó tháng năm kia.
 Dưới thuốc lá rai dày, phòng hay dần
 dài trên các cây cối, khói u không
 ngớt như một hương khuếch bị chạm
 rom. Mẹ tôi và hai anh em chúng tôi
 là nạn nhân của ông với đồng thời là
 cái sợ hãi cho ông bởi vậy đồ đạc trong
 nhà bị vứt bỏ không sử dụng nữa. Nhặt
 không có ai trở lại chức vụ và là lúc cha
 rượu lại thêm thâm, đỏ, năm một mình
 trong phòng ông nhồi nhảm hàng triệu
 những những câu tiếng Pháp dài dòng
 vô nghĩa, từ những văn thơ của
 Baudelaire ông nhai qua những thứ
 tiếng lòng của họ anh, chị, tays choai
 của thành phố xa lạ nào mà ông đã đi
 qua. Hình như hình tượng ông gồm
 cái tiếng bất cứ những bài nhạc thời
 tục của bọn phàn lên làm.

Tôi nói với em gái tôi rằng bà là
 một con chim đại bàng gây cảnh dơ
 ngụy trang quỉ quái đến nỗi người
 đứng xa tưởng rằng nó đang ngửi

ngơi để sẽ tung cánh đến một chân
 trời khác.

Có phải tôi là một người cổ chấp
 không? Bởi vì trong tôi thứ tình cảm
 về gia đình gần như đã biến mất. Tôi
 chẳng yêu ai, ghét ai. Tôi có một cơn
 mất trên trời và những lá cây được
 được tương đương. Tôi chỉ nhìn thấy
 có sự lạnh lùng trống rỗng và thờ ơ của
 những lời cay đắng của tôi nói.

Dù sao nữa cách mạng say rượu
 là ba tôi cũng đã qua đời.

Không, ông chẳng để lại cho chúng
 tôi cái gì hết, ngoài những vết cảm
 khác biệt nhau giữa mẹ tôi và anh
 em tôi. Còn chẳng nữa chỉ là vài
 rượu nồng nặc, nồng, nồng, máu đầu
 đỏ trong chiếc đầu đầy máu của tôi.
 Tôi ngó chăm vào mắt người đàn
 ông đang đứng trước mặt mình.

«Thưa ông, tôi hiểu ba tôi đã quá
 đời»

Ông Xi gật đầu và nói với tôi bằng
 tất cả sự ân yếm của một người cha

«Tôi biết rõ điều đó. Vì thế tôi
 muốn giúp đỡ cậu giúp đỡ trong phạm
 vi khả năng của tôi. Có phải hiện giờ
 cậu đi dạy học không? Đó là một
 nghề cao quý. Hồi nhỏ tôi đã từng
 ao ước được làm cái nghề đó. Một cái
 nghề thanh bình và hình như nó ích
 ra khỏi mọi họa ghen của đời sống.
 Nó không mang đến danh lợi lợi danh
 Nhưng tôi đã không thực hiện được
 điều ước ao đó. Tôi bị đời sống
 đẩy. Tôi bị bắt linh cùng một lúc với
 anh Thành, bởi vì cùng một điều

người lính già đã chết

đoan biệt lịch, gồm những người Ả Rập, Senegal và Maroc. Tôi và anh Thành đã đánh kháng chiến cũ trước khi trở nên những tay kháng chiến mới. Cái biệt kháng, đó chính là lý do khiến cho báo chí và một số người bạn tôi là gọi tôi là kẻ phản Tây, phản hội kháng chiến, đồng thời một số người khác gọi tôi là người cầm đầu tay những cơn bão quyền lực sẽ tới nhằm thi hành những đường lối, chủ trương, phương thức mà người Mỹ muốn thiết lập ở đây.

Đối với tôi, những nhận định trên có vẻ dễ dãi nông cạn, ngây thơ, khôi hài và trẻ con. Tôi không có thứ mặc cảm nừa với đó. Tôi không phải là tên hèn nhát hồ cuội, tay sai của bọn thực dân mới, tôi cũng không phải là kẻ chỉ biệt hướng, thủ cựu hội chủ nghĩa... Tôi muốn làm cách mạng, vì tôi nghĩ rằng chính cái hoàn cảnh học tập, phần đông và thời hạn hiện nay tại miền đất này là những nguyên nhân thúc đẩy đến những thay đổi xã hội. Và cách mạng xã hội là một tất yếu lịch sử, không thể không làm. Nó đã chín mùi.

Và lại, cần biết đây, một giai pháp chính trị trong lúc này là điều mà không một ai còn chú ý sống sót của một thanh niên học tập tại nước ngoài được.

Tôi muốn bắt chước lời tuyên bố của Georges Bidault tại Genève vào năm 1954 rằng gia đình ông trong tay có « cây hai chấu và cây ba rỏ » tất cả những cây ba rỏ đã chơi hết rồi từng cây một và chỉ không dùng lúc.

Câu Thành à, nếu anh Thành còn sống anh ấy sẽ không làm khác với những gì tôi đang làm hiện nay. Tôi muốn tôi được giúp đỡ của nhiều người trong gia đình. Tôi muốn tiền của anh, Tôi muốn dành một chỗ tốt trong xã hội cho anh. Và ngược lại, tôi yêu cầu anh hãy giúp tôi như tôi là anh Thành...

« Nhưng, thưa ông... » anh nói.

« Cậu đừng ngắt lời tôi ». Ông xòe bàn tay ra, giờ trước mặt tôi. « Tôi hiểu cậu muốn nói gì. Cậu muốn nói là cậu không ưa thích chính trị, chứ gì? Chẳng ai ưa gì chính trị, trừ khi đây gian trá thủ đoạn, lừa dối và dâm máu hết. Nhưng cậu thử nghĩ coi, có cái gì trên cõi đời này mà thoát ra được ngoài vòng chính trị không? Tôi biết cậu là một giáo sư được yêu mến những sinh viên hay giờ, trước kia đã là học sinh của cậu, vẫn nhắc đến cậu luôn. Tôi biết cậu là người kiên nhẫn, tôi biết lý do sự kiên nhẫn của cậu. Câu Thành à, thế lực của mà không bao giờ cậu ngờ tới đó là những người đã đang và sẽ ngồi dưới bàn học trong giờ của cậu. Cậu hãy giúp đỡ tôi bằng cách nắm trong tay cái thỏi lửa mà cậu có. Tôi không bao giờ quên ơn cậu... »

A. Tôi bắt đầu hiểu được cảm nghĩ của ông X., nhà chính trị của thời đại. Không phải tự nhiên mà tôi được mời đến dự một bữa tiệc của một ông tài tử mới giàu, giữa những tên chính khách mập mạp và bọn quay lết qua mặt nước hoa quả trên bàn.

những mệnh phụ phu nhân, ngồi trong một căn phòng ấm cúng thân mật biệt lập với khung cảnh của một buổi tiếp tân.

Tôi bắt đầu hiểu được mối liên hệ giữa tôi và ông X. Tôi hiểu thêm một chút nữa hoạt động của ba tôi, tôi cái chết kỳ dị của ông trong cảnh nghèo nàn và suy sụp của một gia đình vốn đầy cốt cách của một nhà quyền quý. Tôi hiểu tại sao địa vị ông X. càng ngày càng lên cao, tên tuổi ông càng ngày càng được nhắc nhở đến. Tôi hiểu được vai trò tôi sắp đóng.

Tôi cho tay vào túi lấy gói thuốc mời ông một điếu.

«Cám ơn. Tôi không hút» Ông cười nói tiếp «Tôi không bao giờ hút thuốc. Cậu cứ tự nhiên.»

Ông cầm lại ly rượu, hớp thêm một ngụm. Tôi châm thuốc và thở khói.

Tôi sẽ còn phải ngồi đây, giữa gian phòng này trong bao lâu nữa? Trong bao lâu nữa để đợi những điếu thuốc, nói một câu chuyện, uống mấy hớp rượu?

Nếu chiều hôm nay không đến có lẽ tôi đã ngồi với Quân hay Tâm trong quán nước quen, với cửa kính từ bề, uống ly cà phê dờ ẹt, để yêu thêm một chút nữa thứ tình hạn lều bều của chúng tôi. Cũng có thể giờ này tôi đang ngồi ở Chợ Đũi, uống chai la de vàng rực lạnh ngắt, ăn một miếng khóm chấm muối ớt với Tà Kỵ, nghe hân đọc một bài thơ mới giữa tiếng

động của đám âm thực khách trong một thành phố đang sôi sục vì lên đường hay xuống đường. Cũng có thể tôi đã đến thăm Như ở căn phòng của nàng ngả người trên tường kỷ, nhắm mắt nghe một khúc nhạc mới nàng vừa thu, và tưởng tượng nhìn thấy thân thể nở nang của nàng đang chụp phủ trên người tôi cùng với tất cả sự ham muốn của hai chúng tôi.

Nhưng tôi đã không đến một nơi nào trong những nơi đó. Tôi đang ngồi đây, giữa một gian phòng đầy sách và kín cửa, hút một điếu thuốc nghe tiếng thì thầm của một quá khứ buồn thảm và sự lặng thinh.

Không. Hình như còn có một gì hơn thế nữa. Một cuộc đời chác. Một thách thức và đe dọa của quyền lực.

Làm thế nào được? Đối với tôi mọi cánh cửa đều đã đóng kín. Không có một giải quyết nào khác, không một câu trả lời nào được coi là tốt. Đã đến lúc, nếu không bị coi là quá trễ, tôi phải đứng dậy bắt tay ông X. Chỗ của tôi không phải ở đây. Ông X. cần một ngụm rượu nữa, đánh ực ngay sau nhát cần đó, những giọt nước cuối cùng trong đáy ly. Ông đặt ly trên bàn, nắm chặt tay tôi (vấn sự rịn ướt của mồ hôi ghê sợ đó) và giữ thật lâu.

«Xin ông cho tôi đủ thì giờ để nghĩ về đề nghị của ông»

Một tay vẫn giữ yên tay tôi, tay kia ông đặt lên vai tôi.

Người lính già đã chết

«Chẳng có gì gấp rút cả. Dù sao trong vườn hồng, dẫm chân lên cỏ
cậu không nên để tôi phải chờ đợi / ưót.
lâu.»

«Xin phép ông».

Tôi phóng tay ra khỏi tay ông,
ngiêng đầu và tự mở cửa phòng bước
ra ngoài, len qua đám khách ồn ào,
bước xuống bậc cấp, chậm rãi đi

Âm nhạc và tiếng cười đuổi tôi
theo ra tận cổng biệt thự.

Tôi muốn một cách điên cuồng
nghiến siết Như trong tay và cắn nát
môi nàng.

Hình như trời bắt đầu mưa.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NGUYỄN ĐẠT

thiếu nữ và thi sỹ

Dung,

Một buổi sáng trong quán nước, có Quỳnh Hương nói với anh về người thiếu nữ bạn nàng, là Dung (Quỳnh Hương nói, Dung vẫn tìm đọc thơ anh, Dung rất yêu mến thơ anh, Dung tự hỏi sao thơ anh lạnh lẽo và tan tác quá) Anh không ngần ngại bộc lộ những tình cảm chân thật của anh với một thiếu nữ yêu thích thơ như Dung. Anh luôn luôn, và vĩnh viễn, ngưỡng mộ những thiếu nữ như thế hơn tất cả những thứ đáng ngưỡng mộ trên đời. Dung dùng nghĩ anh quá lời hoặc phóng lớn sự thật. Anh muốn kể cho Dung nghe một sự thật trong tâm hồn người thi sỹ. Cách đây một năm anh ở Huế, anh không muốn nói rằng Huế là một thành phố định mệnh, một thành phố ghé góm như rất nhiều người đã nói về Huế như thế. Nhưng những tâm hồn nhạy cảm dễ bị ám ảnh, chao

Tôi phòng tay ta khỏi tay ông. Nghĩ rằng anh và tự mở cửa phòng bước ra ngoài, len qua đám khách gõ áo, được xuống bậc.

động vì nhiều thứ ở nơi ấy. Riêng anh, anh sẽ không kể những thứ ấy, anh chỉ muốn kể cho Dung nghe một chuyện liên quan tới mấy thiếu nữ anh được biết thời gian anh ở Huế.

Anh chưa bao giờ gặp ở bất cứ đâu những người thiếu nữ như thế.

Lần đầu tiên anh được biết một người bốn mươi hai tuổi mà không bao giờ anh muốn gọi là người đàn bà, người ấy mãi mãi là một thiếu nữ. Những năm tháng của tuổi không thể làm phai màu xanh thơ mộng và thiêng liêng của thời con gái, thời mà mọi cánh cửa đều chờ đợi mở ra những vườn hoa hồng. Nàng nhan sắc và quyến rũ, nhưng vĩnh viễn ở một mình, sống ngoài thứ hạnh phúc của đời. Nàng vĩnh viễn với những lời thơ nào đó nàng gặp được trong thời con gái. Người thi sỹ viết những

thiếu nữ và thi sỹ

ĐĂNG PHÙNG QUÂN

lời thơ ấy nàng chưa gặp mặt, và
nàng cũng không thể vẽ ra khuôn mặt
ấy để gần gũi. Chính điều đó đã làm
anh tê buốt khi nghĩ đến thứ hạnh
phúc nàng bằng lòng ôm ấp.

Anh lại được biết mùa lụt lội ở
Huế năm nào, cả vùng Kim Long
(ngoài ở thành phố Huế, nơi nơi ruộng
đều bị ngập lụt, thiếu nữ nhan sắc
lo thu dọn của cải vốn liếng để chạy
lụt, riêng một cô nữ sinh trường Đồng
Khánh, một cô gái xinh đẹp và then
thường, chỉ cố gắng quét quanh quần áo
lơ, sao cho tập thơ cô chép tay không
bị thất lạc hoặc thấm nước.

Anh lại được biết nhiều thiếu nữ
suốt thời con gái không hề mua một
chút son thoa môi hay chút dầu xức tóc,
nhưng đã tìm mua cho được loại nước
hoà thơm quý nhất để ướp những
trắng tóc giấy trắng ngà, chữ viết tay
này nói.

Nhớ lại mấy chuyện trên anh có
cam tưởng như vừa qua một giấc
mộng không thể quên trong đời. Có
thật vậy không? Đương nhiên thi sỹ
chính là anh. Ông gọi là anh mà anh
không hề biết anh là ai. Anh chỉ biết
đi suốt một đời không có ai là bạn
để tin tưởng hay vâng cam thông.

NGUYỄN ĐẠT

Người thi sỹ quá đau đớn nhưng phải
im lặng với viên.

Người thi sỹ đến với thơ như
người tha hương tìm về quê nhà.
Nhưng quê nhà ở nơi đâu? Thơ là gì?
Không có tiếng vọng nào cả, chỉ còn
lại người thi sỹ đi một mình trên
những lối không biết dẫn về nơi nào.
Bơ vơ quá phải không Đung?

Cho nên mọi lời phê phán về thơ và
người thi sỹ của bất cứ ai thật quá vô
duyên, ác độc và ngu xuẩn. Không có
thứ anh sáng nào là họ chiến rọi
được trên tờ di ảnh thiên và đen đặc
như rừng của người thi sỹ. Tôi biết
mọi người trong tôi niệm lạnh lẽo của
những ánh sáng đen thẫm Bertolt
Brecht ở Chicago lại không thiếu nữ.

Đúng rồi, tâm lòng yêu thơ và thi
liêng quá, thiêng liêng như khi anh
trông trông thấy một bài thơ nào đó
của anh trên một trang báo, anh đọc
lại trong nỗi đơn độc hoàn toàn, và
chính lúc đó, ở một nơi xa xăm không
biết anh là ai, anh đọc về anh.

Anh đọc thấy anh ở một người
thơ anh thấy anh ở một người thi sỹ
mình... Có phải đây mới là niềm
dich thất của người thi sỹ, một đo
hồng lãng lè qua những cũng
thiết, sự lãng người thi sỹ.

nhưng anh thấy anh ở một người thi sỹ.

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

nghĩ về giáo dục

*cũng như thiên nhiên, nhà đại giáo dục phải chống chọi
những TRỞ NGẠI ngỗ hầu san bằng chúng.*

NIETZSCHE

CĂN BỆNH GIÁO DỤC.

Tôi muốn ca ngợi giáo dục như nhà triết học đã từng làm công việc ca ngợi triết lý, để nói lên biện thân giáo nghiệp của mình. Ca tụng triết học có nghĩa là đã chấp nhận, đã chọn lựa xong, đã bị kết án vào triết học. Ca ngợi gắn liền với đam mê làm nghiệp dĩ — đó là điều dường như xông pha vào nghiệp giáo, mỗi người chúng ta khi nhìn lại chưa từng nhận có lòng can đảm, tự tin đó.

Ca ngợi triết học là chấp nhận sự khả hữu của triết học. Phải chăng sự khả hữu của giáo dục vẫn là một vấn đề cần phải đặt lại? Sự khủng hoảng của giáo dục trong hiện tại diễn ra thường trực, ngoài bộ diện chính trị, còn tố cáo sự khủng hoảng trầm trọng của xã hội. Muốn nhìn vào thực trạng sinh hoạt của quốc gia, hãy nhìn thẳng vào bộ mặt giáo dục của quốc gia ấy, anh có thể đo lường được vấn đề của xã hội đó như thế nào.

Khi tôi đặt bút viết bài tham luận này, ý hướng tốt đẹp đầu tiên đến với tôi là ca ngợi giáo dục, để đánh dấu sự có mặt cần thiết của học đường trong xã hội, để nhớ đến triệu

triệu những con người ở khắp mọi nơi trên thế giới — từ những con đường của đồng ruộng hay rừng già, cũng như trên bãi tuyết, sa mạc, bằng mọi phương tiện khác nhau, từ hừng đông ló rạng đến chiều tà — vẫn cấp sách đến trường, để chia xẻ nỗi nhọc nhằn cùng những đồng nghiệp nơi thôn quê hay nơi thành thị, để quên đi trong khoảnh khắc sự bạo tàn của chiến tranh đang đe dọa nghiêm ngặt hay làm nhor oan giáo dục. Nhưng quanh tôi những xung động hàng ngày thôi thúc tôi không ngừng nghĩ đến căn bệnh giáo dục của xã hội. Cứ nhìn vào hiện trạng, chúng ta không thể phủ nhận những hiện tượng này bắt nguồn từ căn bệnh trầm kha của xã hội. Sự hỗn loạn của một xã hội vong thân hàm ngụ sự vong thân giáo dục. Dường như người ta quá chú ý đến khía cạnh chính trị của những cuộc phản kháng tranh đấu để vô tình không nói đến khía cạnh giáo dục của vấn đề. Không cần phải nhắc tới mối tương quan mật thiết giữa đường hướng giáo dục với những yếu tố kinh tế, xã hội, những biểu hiện phản kháng, tranh đấu xảy ra trong khuôn viên đại học hay nơi các trường trung học trong giảng đường

nghĩ về giáo dục

cũng như ngoài phổ tổ cáo sự vắng mặt của một chính sách giáo dục. Nếu mọi vận động được minh thị dưới tính cách ngẫu lực xung đột, đo lường bằng cường tính thì trong tất cả các trận chiến của những xung động quốc tế hiện tại trong xã hội này, trận chiến chúng ta thất bại hơn cả chính là trận chiến giáo dục. Chúng ta, những con người sống trong môi trường giáo dục, bị ràng buộc giữa hệ thống giáo dục và hệ thống xã hội, chỉ là những tên tàn binh lơ lảo trên một mặt trận không có địa bàn định hướng. Hệ thống giáo dục, quả thực bị khủng hoảng từ hạ tầng cơ sở : cứ nhìn vào sinh hoạt điều hành giáo dục sơ cấp, bậc tiểu học, những giáo viên không được đối xử tôn trọng như những bậc thầy của trẻ con, những người tiên phong trong công việc khai khẩn vùng đất hoang của trí khôn trẻ thơ, họ không còn ở đúng thiên chức nữa, mà chỉ là những cán bộ giáo dục của guồng máy nhà nước, bị điều động vào những công tác không phân biệt giáo dục hay tuyên truyền. Họ không còn là thần tượng của trẻ con (điều cần thiết), nhưng là những viên chức đặt dưới sự điều khiển của những viên xã trưởng, tỉnh trưởng trong hệ thống hành chính. Ở giáo dục trung cấp, chương trình học tỏ ra lúng túng, kế hoạch tổ chức những cấp bậc không hợp lý, việc quản trị học đường hầy còn bảo thủ. Ở đại học, sự phát triển tri tuệ và chỉ phê trương bề ngoài qua việc mở mang nhiều viện đại học, đầu tư những văn bằng không phải đầu tư những nhân tài và óc sáng kiến đường lối diễn hành và giảng huấn tỏ ra lúng túng rõ rệt, xuyên qua chủ trương theo Tây hay theo Mỹ (Vấn đề này thực đơn giản ở nguyên cơ kinh tế : môi trường của hệ thống tiêu thụ cho những ông quan liêu mới, thuộc lớp người đào tạo trong cơ chế đại học Âu châu hay cho những ông quan liêu mới, thuộc

cơ chế đại học Hoa kỳ). Nền tảng của giáo dục không bắt nguồn từ truyền thống, nhưng chỉ vay mượn như thần tâm gởi vào những hệ thống giáo dục ngoại lai, đã tổ cáo sự thất bại của việc thực hiện chính sách giáo dục. Chưa thực hiện chính sách giáo dục, hay đúng hơn không có chính sách giáo dục. Điều đó còn hàm ngụ chưa có những nhà giáo dục. Chúng ta chỉ có những nhân viên giảng huấn, những giáo viên, giáo sư, nhưng không có những bậc thầy. Chỉ có mối tương quan giữa người giảng huấn và giáo giới — người giảng huấn và người được giảng huấn — không có mối tương quan ý nhị giữa sư / đệ. Phải chăng xã hội không có sự vững chắc của truyền thống giáo dục, xã hội này đã mai hóa, và cơ cấu lãnh đạo thiết lập bằng những đầu não phi giáo dục ?

Qua những biến động ở trời Đông hay trời Tây, tôi cũng vẫn nghĩ như đa số những người mở phạm có ý thức về những cuộc xuống đường của những lớp người trẻ còn đi học : đáng lẽ họ không phải xuống đường, vì đó không phải là vai trò của họ. Nhưng xã hội này bất ổn, những người lớn bất lực nên họ đã phải xuống đường. Đành rằng bộ diện chính trị làm biến dạng những biểu hiệu khác nhau của tuổi trẻ, lôi cuốn theo những sự phân hóa đa dạng nhưng ở đó, những ý tưởng mới được diễn tả sống động trong sự thuần nhất của hành động. Bất chấp tiếng động và sự giận dữ, giữa những thậm trọng và lo ngại những ý tưởng này vẫn được nghe mặc dầu không phải là được hoàn toàn chấp nhận. Những ý tưởng này chứng thực cho hướng đi lên của quyền lực một tuổi trẻ có khả năng tận dụng sức mạnh và khối đông của mình để làm đảo lộn hệ thống những cơ cấu, giai tầng chưa bao giờ bị xóa bỏ, mặt khác chúng đánh dấu khởi đầu của một cuộc khủng hoảng thứ ba, sau cuộc

nghĩ về giáo dục

Đang chỉnh trị trong học đường là một từ ngữ quen thuộc từ Nanterre vào những ngày biến động tháng Năm 1968 tại Pháp. Quan điểm về vị trí của tri thức và vai trò của đại học được trình bày như sau:

Đại học P. lập ở năm 1903 hướng tới sát nhập khả hữu trọn vẹn nhất vào trong hệ thống sản xuất từ bản là một đại học của giai cấp. Cần phải nhìn thấy là nếu sự đối kháng xã hội, trong hệ thống phân chia gắn liền với huyết thống và khai sinh và sự đối kháng giữa chủ và thợ ở thế kỷ XIX thì ngày nay đối kháng là sự đối kháng giữa người biết và người không biết, hàm ngụ quyền hành của người biết đối với người không biết. Mặc dầu kiến thức khoa học được coi như thuần túy nhưng chúng đã được giới thẩm quyền hướng vào mục đích mong muốn, chẳng hạn sự tài trợ những khảo cứu trong ngành học học hạch nhân dựa vào những ngành khác. Tương lai của sinh viên được định đoạt như tương lai của loại chó giữ nhà phục vụ cho những mục đích tai phịch của giới tư bản. Một Đại học phê bình được thành lập nhằm kiếm thảo lại vấn đề đạo tạo của đại học. Phải chăng tương lai của sinh viên chỉ là tương lai của một viên chức bị xử đing, khai thác cho mục tiêu tư bản? Vấn đề thì trường tiên xuất vẫn là vấn đề thực tế nhất cho tương lai của người sinh viên tốt nghiệp, và đó cũng chính là vấn đề nóng cốt của sự chọn lựa chính trị của người sinh viên. Sự chọn lựa này tự thuộc vào sự đạo tạo chính trị mà đại học đem lại cho họ.

Một quan tâm của người tri thức ngày nay—giới thẩm quyền giáo dục cũng như số phận của những người sinh viên được đạo tạo—mối quan tâm đích thực vẫn là thị trường tiên xuất. Ở đó mối tương quan giữa hệ thống

khai sinh và hệ thống giáo dục đã ra không thể chối cãi được. Nhưng cũng chính nơi đó, trong quan này, căn bệnh giáo dục vẫn là chứng nanh y thường trực đe dọa sự sụp đổ của xã hội là sự sống còn sau khi bất cứ cuộc cải cách giáo dục nào. Chứng nanh y khác trị nhưng đòi hỏi cuộc cách mạng thường trực nơi những người chịu trách về giáo dục, sự sống còn sau khi biến đổi tiền sản bất cứ giải pháp nào về giáo dục bằng thủ về một mối, hoặc tự tiêu diệt hay phục hồi. Cho nên mục đích của bài viết này không phải để ra một chính sách giáo dục hay thiết định một lý thuyết mà chỉ nêu lên những suy tưởng phê phán về yếu tính và lý thuyết của công việc giảng huấn. Vấn đề không phải là dạy cho ai, dạy như thế nào, dạy để làm gì nhưng là sự phân sắp giữa chân lý và hư ngụy. Vấn đề là tìm kiếm sự thật và sự công lý.

mỗi Giáo dục luôn luôn đặt trước hai con đường lựa chọn: Hướng đi của mình tri và hướng đi của ngụy biện, với cùng những phương tiện nghi thức, đường lối quyền rũ và thuyết phục. Sự khác biệt giữa chân lý và hư ngụy, giữa mình tri và ngụy biện dẫn ra không những nơi ngôn từ còn hàm ngụ sự tương tranh quyết liệt nơi tư tưởng và ý hệ. Suy tưởng về yếu tính của giáo dục nhằm thiết định một ý thức (đạo đức) về tương lai của giáo dục trong chiều hướng liên thế giới và một ý thức (chính trị) về uy thế của chân lý thực hành với giáo dục. Chính trong việc tương đó, bài viết này giới hạn việc bất mặc căn bệnh vào những triệu chứng sau:

Vấn hành của giáo dục.
— Tương giao và biến đổi của giảng huấn.

ix — Những tương tranh nhau thuần về giáo dục ở nhà trường và các tổ chức xã hội khác.
Vai trò phê bình của đại học được thực

hiện trong sự phát triển của xã hội dẫn khởi sự làm mới và phản kháng mang tính cách thường trực để đi tìm những nguyên tắc cho những cơ cấu tương lai của giáo dục.

Những nguyên tắc nền tảng đối với thi điểm khảo sát là đại học đặt ra như sự phản kháng, sự tự quản trị và quyền tự trị. Đó là những nguyên tắc phát xuất từ sự chống đối lại đường lối giáo dục chỉ huy được hình thành qua những kinh nghiệm sinh hoạt của đại học. Có thể nói chính sự đe dọa tiêu diệt quyền hiện hữu của nền tảng Đại học công chính đã nảy ra sinh ra những cương lĩnh căn bản mang tính chất cách mạng thường xuyên này. Bản nhận định của Commission Nationale Inter-disciplinaire ở Sorbonne đã phác họa những ý tưởng kết hợp và tích lũy ở mọi chân trời tri thức và mọi địa giới khác nhau :

* **Phản kháng :** Đại học là một trung tâm suy tư thường xuyên chấp nhận sự chống đối về tri thức, về xã hội và về chính thân phận đại học.

Sự truyền thụ kiến thức không thể là sự truyền thụ một tri thức cứng nhắc : việc nghiên cứu theo xu hướng đặt lại vấn đề mọi kiến thức đề tài kỹ nó. Sự truyền thụ chỉ có thể là phê phán những tri thức đặc thù và theo đó những cứu cánh của đời sống kinh tế và xã hội thiết yếu gắn liền với những hình thái của kiến thức.

Sự phản kháng này phải dẫn tới một hành động cụ thể. Những tương tranh giữa những quan niệm mà việc tìm hiểu đặt thành vấn đề và những quan niệm nó khai phá là những tương tranh bất khả kháng.

Đại học không thể chấp nhận là xi nghiệp tân thời đào tạo những cán bộ mà xã hội đòi hỏi : nó cần phải thẩm định những

nhu cầu xã hội thỏa mãn, định hướng và sáng tạo chúng, chọn lựa tự do những sinh hoạt giảng dạy, nghiên cứu và đào tạo.

Một mặt, Đại học phải đóng góp vào việc xác định tương lai của tập thể quốc gia. Nền giáo dục cao cấp do những đại diện được tuyển chọn trong tất cả những thăm cấp chế định kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội phải mang lại sự đóng góp vào dự phóng tương lai và dự liệu theo những tiêu chuẩn không thiết yếu phải là những tiêu chuẩn về lợi tức kinh tế.

Một mô diện tương quan mới như vậy phải thiết lập giữa đại học và xã hội và tuân tự mang lại ý nghĩa cho trách vụ phản kháng của đại học.

Đối với chính đại học, trách vụ phản kháng này bao hàm ý nghĩa là sinh viên và người giảng dạy có thể thường xuyên cũng như với tất cả tự do, bản xét đến nội dung và những hình thái giảng huấn. Quyền tự do thể hiện chính trị, việc phổ biến và thảo luận được tổ chức tự do trong đại học giữa những sinh viên, nhân viên giảng huấn và thợ thuyền thật cần thiết cho sự phản kháng này.

* **Tự quản trị :** Sự phản kháng thường trực này không phải là sự việc của riêng những người giảng huấn hay sinh viên. Sự phản kháng này đến từ toàn thể. Một tương quan mới giữa sinh viên và người giảng huấn đã tiên cảm trong những bước đầu hiện tại phải xác định tiến triển đến cứu cánh này.

Mối tương quan này nhất thiết phải phát lộ trong sự liên hợp hệ thống giữa giảng huấn và nghiên cứu, trong sự kết hợp những sinh viên tiên phong trong hoạt động này và trong sự tự quản trị của những trung tâm giáo dục. Sự tự quản trị nhằm giao phó cho mọi đẳng cấp quyền quan niệm và quyết định

nghĩ về giáo dục

của sinh viên cũng như mọi người giảng huấn.»

• Tự trị : Quyền quan niệm và quyết định của sinh viên và người giảng huấn tất sẽ trở nên ảo tưởng nếu việc giáo dục nói chung và những cơ quan giáo dục không được tự trị. Điều đó hàm ngụ là ở mọi cơ cấu giáo dục phải dành được trách nhiệm về những sự vụ riêng của chúng.

Trách nhiệm này không thể quan niệm được nếu không có định chế những cơ cấu khả dĩ dung hòa những thế lực bên ngoài; với sự đồng lõa của một số những đại học bảo thủ và theo chuyên gia chế độ, có thể tước đoạt thực tế quyền quan niệm và quyết định liên quan đến vận hành của đại học.

Mặt khác, vấn đề tự trị đòi hỏi phải thiết lập một giáo quyền hoàn toàn thuộc về đại học có thể lập ra những quy luật riêng và đảm bảo sự tôn trọng những quy luật này. Điều đó khẳng định một nhận sự hiện hữu của một uy quyền trung ương trực tiếp thuộc về giới quyền chính trị, xuất phát của đường lối giáo dục chỉ huy. Như vậy không thể có chính sách chính trị về điều hành giáo dục, nhưng ngược lại chỉ có triết lý chính trị và giáo dục chính trị về điều hành cai trị tiến thực tế.

Phản kháng, tự quản trị, tự trị : những tiêu chuẩn mới của lý trí phê phán bắt nguồn từ chiến nội cách mạng đại học ở thời đại này. Điều đó nhắc nhở không phải có cuộc tranh đấu giai cấp, cuộc cách mạng kinh tế hay cách mạng chính trị, nhưng còn một bộ diện công chính hơn : cuộc cách mạng tư tưởng đặt lại triệt để vận hội của con người giữa những đồ nát của thần tượng, thần quyền, văn minh nhân bản trong những thập niên cuối thế kỷ này. Không những Thượng Đế

đã chết, còn phải nói. «Marx đã chết», và bao nhiêu khuôn mặt uy nghi khác cũng sắp sửa...

«Đời sống đại học không thể giản lược vào việc tìm kiếm bằng cấp» : châm ngôn đứng vào hàng đầu của mục tiêu giáo dục, nhưng cũng như thực tế, nếu đời sống đại học sát nhập vào đời sống xã hội, sự tuyển chọn loại bỏ lại chính là định luật khắc nghiệt xác định mục tiêu giáo dục là truyền thụ kiến thức. Về mặt lý thuyết, quan niệm giáo dục này giả định sự phân cách triệt để giữa bản nhiệm và văn hóa, tương quan giáo dục dựa trên tác động đưa con người từ sự ngu dốt sang sự hiểu biết. Về mặt thực hành, đường lối giáo dục này có tính cách chỉ huy, độc đoán, dựa vào quyền bính.

Bài học thực tế sau biến động tháng Năm-68 ở Pháp đã trình bày bộ mặt thâm của chủ nghĩa giáo dục thống trị đó. Ông Bộ Trưởng Giáo dục Pháp Olivier Guichard đã tuyên bố trước Quốc hội : «cuộc cách mạng văn hóa không còn phải làm nữa. Nó đã ở sau chúng ta, và vấn đề của chúng ta là sống còn ở đó». Những vấn đề nan giải cũng vậy; văn sống còn ở đó : ở Y khoa, cuối năm thứ nhất vẫn thiết lập sự tuyển chọn cưỡng bách với lý do y khoa không phải là một hoạt động vô vị lợi của tinh thần, đó là một nghề. Kế hoạch thành lập chương trình vật lý học cho những sinh viên y khoa và khoa học nhằm cứu vớt những người bị loại ở y khoa có thể tiếp tục theo đuổi khoa học gặp cản trở về ngân sách. Những sinh viên ban văn chương đứng trước viễn tượng khiếm dụng (4000 người đối với 150 chỗ giảng dạy trong tương lai) chắc chắn phải làm lại cuộc cách mạng khác (Theo L'Express số 1040, Juin 1971). Sự chênh lệch tỉ số sinh

viên, còn những môn khoa tự do (Khoa học) lại là môn khoa tự nhiên và phân khoa thì tuyển vẫn là một trở ngại gai góc trong việc điều hành giáo dục ở nhiều nơi trên thế giới. Diện tích giáo dục ở Việt Nam đang đầy, đường lối giáo dục quốc gia tự trị kể từ sau năm 1945 đã đặt ra nhiều vấn đề nan giải đối với giới hữu trách và những người quan tâm đến giáo dục ở đây. Những đề xướng cải tổ nhất thời như chủ trương học không thi thày thế cho những kỳ thi thường lệ bằng sự kiểm soát liên tục thay đổi danh xưng các lớp ở bậc trung học đã không cho thấy một viễn tượng khả quan nào, nhất là nội dung căn bản chương trình giảng huấn vẫn còn đặt trong vòng tranh luận lời thề và đầy khuyết điểm ngoài ra, làm gia tăng tính các bảo thủ, nỗ lực của một hệ thống giáo dục chỉ huy. Những bất công trong đường lối điều hành và tuyển mộ như kỳ thi về bằng cấp học và ngoại ngữ, bằng cấp của Pháp, Mỹ hay các nước khác với nhau, kỳ thi về tuyển dụng như dạy giờ, khế ước, chênh lệch phân công giữa giáo sư, giảng sư và giảng viên vẫn là những điển hình tiêu biểu phân biệt lại thành tiền căn bản về giáo dục dân tộc vào những ngày đầu của lịch sử tân thời khôi phục giáo dục cổ chủ quyền.

Cần rõ, cách mạng phản kháng: những ý nghĩa này còn xa lạ đối với đời sống giáo dục ở đây. Nhưng điều đó không phải sẽ không xảy ra kết thúc lớp người được giảng huấn, trong thế giới của học trong tiền liêu thấy tương lai của họ bị đe dọa, phải không đường để đòi quyền sống. Cần biến lấy sẽ trở nên và biến chúng ta.

VẤN HÀNH CỦA GIÁO DỤC

Biến đổi đường lối sư phạm, hoạch định hợp lý những chương trình tổ chức công việc

và chế biến những kỹ thuật giảng dạy—đó chung sự biến đổi chức năng và bản chất của các cơ sở giáo dục ở mọi cấp là một vấn đề cấp bách được đặt ra để điều hoà và cân bằng của giáo dục. Tìm hiểu giáo dục là tìm hiểu chính chúng ta, khinh xuất hay bỏ quên vai trò giáo dục là chấp nhận cuộc tự vấn tinh thần và trí thức.

Nhưng biến đổi như thế nào? Trong xã hội tự do, nền giáo dục khoác lên bộ diện lưỡng tính: độc đoán và hầu như bảo hoàng trong trật tự điều hành; dân chủ và bình đẳng về thị trường tiêu xuất. Giáo dục đã luyện cho người người được giảng dạy từ thuở nhỏ thạo tập để trở thành những chuyên sắc tương lai và uốn nắn chúng vào trong khuôn khổ một người trưởng thành tiền chế. Mặt khác, sự đào tạo tinh thần phê bình, có phần độc lập đã dẫn khởi cơn đường đi từ sự vào lời đến sự tự chủ, chấp nhận phục tùng trách nhiệm và bình đẳng. Sự can thiệp của nhà nước trên địa hạt kinh tế như tăng lợi tức mức sống đã đặt ra đối với người giảng huấn mới tương giáo giữa tổ chức độc đoán và xuất và tổ chức dân chủ về đời sống xã và chính trị. Người giảng huấn được quyền ở ngôi vị một nhân cách theo xu hướng cá nhân và định đoạt số phận giáo dục của kẻ khác. Nhưng người lại, họ là những viên chức trong hệ thống hành chính, nhận lãnh trách nhiệm và thừa hưởng quyền lợi theo những điều kiện của xã hội và của nhà nước. Chính trong chiều hướng chính trị này người giảng dạy và người được giảng dạy được xếp đặt vào hai phạm trù chuyên chính trị là lớp người nắm giữ những kỹ thuật giải. Nhà mở phạm phải chăng là tầng lớp trung bình được trả lương này là những

nghĩ về giáo dục

cán bộ của nhà nước như các giới chức khác
& cùng tăng lớp ?

360 Trong cuộc xây dựng nhà nước mới, Đảng ta đã đề ra một đường lối giáo dục nhằm bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Đây là một nhiệm vụ trọng tâm, có tính chiến lược, quyết định vận mệnh của dân tộc. Giáo dục phải góp phần đào tạo ra những con người có phẩm chất, năng lực, đạo đức, thể chất và thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, tạo nên những thành tựu đáng kể trong công tác giáo dục. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, bất cập cần được khắc phục để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của giáo dục, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Dưới mắt những chuyên gia chính trị và một số lý thuyết gia giáo dục, giáo dục chỉ là một hình thái nhằm hướng nghiệp (nhưng thực sự, nên giáo dục hiện hữu không soạn cho con người một nghề nghiệp nào đích thực), một chương trình nuôi số tuổi trẻ với kỷ cương xa hời và những thái độ quy ước được chấp nhận trong một xã hội kỹ nghệ đương thời thái hậu đã phát triển. Mỗi tương quan giữa người giảng dạy và người được giảng dạy được thiết lập với thẩm quyền và sự kính nể, trên nguyên tắc : Ông thầy thái sinh ra kiến thức cho học trò; học đường là hoạt trường cơ chế để biến đứa con người từ vòng ngu dốt sang

lập vực trí thức. Dựa trên mối tương quan này, người giảng dạy chỉ là một quyển sách để lần giở từng trang hay một chuyên viên thích ứng vào việc tra cứu — khả dĩ có thể thay thế bằng một tư duy có điện tử để truyền thụ kiến thức. Khi đó, giáo dục được kỹ thuật toàn diện và vật hóa trong nhân giới vọng thân. Đứng trước viễn tượng đen tối đó, Paul Ricoeur, trong giai đoạn biến động sôi nổi của thập Năm, khi lập lại quan niệm của Aristote : Giáo dục là tác động cộng đồng giữa ông thầy và học trò, đã lên tiếng khẳng định vai trò của người giảng huấn là một kinh nghiệm sống cụ thể, không thay thế được. Đây không đồng nghĩa với ruyền thụ kiến thức mà là tương giao, trao đổi, đối thoại

Mỗi người học trở lại giữa dân học trò trong lớp học và giáo sư khi giảng dạy tại lớp nói với tất cả cùng một thứ ngôn ngữ, nhưng hành vi mỗi phạm tập thể này được giáo dục trước lớp học bằng cách thêm một trong giáo sư người với người, ông trở lại giảng dạy cũng có thể là một bậc thầy và mỗi người học trở lại có thể làm một đề tài, trong hành vi này đối thực đặt dưới sự sâu kín một ý chí chính lý đã thiết lập giữa họ một cộng đồng và hành vi trở lại thấy trở lại hợp cho lại cùng nhau người không và người với chỉ hiểu hành vi vào một giây liên lạc gần gũi người ta có thể nói, chính học trở lại là ông thầy cũng như ông thầy làm ra học trở lại (Gusdon) mối quan hệ mật thiết với người khác chân lý là một quan lý hỗ trợ. Do đó người học trở lại không thể học một mình; người học trở lại cần có ông thầy, không thể có đề từ nào không có thầy, chính chỉ sau khi gặp gỡ với một vị thầy mà người đề từ khám phá ra toàn bộ thực tại cuộc tìm kiếm và ý kiến cuộc Ngược lại, trong hành vi đối thoại, ông thầy tìm kiếm của mình, khi góp phần thực hiện dự phòng toàn tất học hỏi của người học trở lại

khởi đầu bằng tính khiêm nhượng để mang lại sự giúp đỡ thực sự cho tha nhân, trước hết phải khiêm tốn trước kẻ khác mà mình muốn giúp đỡ và nhận thức giúp đỡ không phải là chứng tỏ một tham vọng tuyệt đỉnh, nhưng là một kiên trì vượt bậc, bởi vì giúp đỡ chính là chấp nhận tạm thời có sai lầm và ngu muội về những điều người đối nghịch hiểu biết. Ở đó một hoán chuyển thực sự về giáo phạm diễn ra, có thể là chìa khóa của mọi giáo dục: « Ông thầy thực sự chính là đệ tử » (Kierkegaard). Giảng dạy, chính là nói với một người, cho một người, giả định sự hoán chuyển hỗ tương giữa các chiều hướng dạy cũng là một cách học hỏi mãi mãi.

Giáo dục không phải nhằm làm ra những ông thầy nhưng tạo ra cho người đi học. Tương giao giáo dục là một tương giao thử thách trong tác động cộng đồng giữa những người cùng học hỏi. Tinh thần quyền thế trong đường lối giáo dục chỉ huy nhường bước cho tinh thần đoàn thể, mối thân hữu giữa những người nghiên cứu và sự cộng tác mật thiết, dân chủ ở trong những đoàn nhóm sư phạm và giảng huấn công việc tập thể đó thật hữu ích, và lại cũng không tiêu diệt cá tính của những người cộng tác bởi vì những công trình giải thích, chọn lựa và phân đoán vẫn là một công việc cá nhân. Người ta có thể thảo luận từng nhóm nhỏ nhưng con người bị kết án vào suy tư đơn độc.

Trong chiều hướng này, tôn trọng tinh thần suy tư đơn độc, nhà trường vẫn bảo vệ được vai trò truyền thống là mối giây liên lạc giữa văn hoá và giáo dục, chống lại lý thuyết chủ trương giáo dục là một hình thái hướng nghiệp (theo lối chuyên biệt hoá) và là một chương trình huấn luyện thanh thiếu niên thích nghi với kỷ cương xã hội và đề thực

hiện những thái độ quy ước được chấp nhận trong một xã hội kỹ nghệ. Lý thuyết này dẫn tới sự đoạn lìa giáo dục và văn hoá khi đề xướng những lợi ích thiết thực là những hoạt động giải trí — vai trò của văn hoá ở đây như một dụng cụ để sống thoải mái nhẹ nhàng. Karl Mannheim cho rằng trong tương lai chúng ta không có chọn lựa nào ngoài sự chọn lựa giữa thú vui thương mại hoá và thú vui được nhà nước kiểm soát. Văn hoá là món hàng phổ biến trong sự cạnh tranh chính trị và kinh tế. Xã hội chấp nhận một thứ văn hoá tạo thành ba mục tiêu: việc làm — giải trí — văn hoá, bởi vì đằng sau những biểu hiệu như « giáo dục cho đời sống hằng ngày », « thích nghi đời sống » người ta có thể dễ dàng thăm dò mối quan tâm kinh tế: tâm lý của thế kỷ này, những sở thích của công dân tương lai, những tham vọng, phản kháng phải được đặt dưới sự kiểm soát. Chương trình khởi sự đưa vào nhà trường

Lý thuyết « life adjustment » của Dewey đưa tới phương pháp giáo dục mới chủ trương đào tạo ra một mẫu người trong xã hội Hoa Kỳ. Môn đệ của Dewey, Theodore Brameld dẫn khởi: phương pháp này được chấp nhận ở học đường như một nguyên tắc tổ chức của giáo dục là « học hỏi những phương pháp tổ hợp nhằm đạt tới những mục tiêu mà đa số quần chúng có thể đồng ý ». Điều này có ý nghĩa là một xã hội tổ chức theo kế hoạch và giáo dục phụ thuộc vào những mục tiêu xã hội của đa số. Ý muốn của đa số theo Brameld dĩ nhiên phải được hướng dẫn, ít nhất trong giai đoạn chuyển tiếp bởi những chuyên viên giáo dục biết rõ điều gì đa số cần thiết và mong muốn. Giáo dục trở thành thuyết giáo. Khác với quan niệm đích thực về giáo dục sửa soạn cho người sinh viên suy nghĩ một cách có phê phán và độc lập khi giảng dạy cho

nghĩ về giáo dục

họ phương pháp thiết lập những khái niệm qua những phương cách thuần lý (kiến thức và văn hoá khả dĩ giúp cho sự so sánh những dữ kiện cụ thể và chứng nghiệm trên những chiều hướng rộng lớn), thuyết dụ giống như tầy nảo không biết tới bản nhiên thuần lý của con người hay giản lược con người vào sự « hợp lý hoá » những phản ứng có điều kiện của con người. Phương tiện thực tiễn của thuyết dụ là hướng chủ thể được huấn luyện về mục tiêu xã hội (chính trị, ý hệ) tiền hiện trong một khung cảnh cho sẵn đề tư tưởng và hành động trở thành máy móc, tự động. Nhưng người ta không thể thuyết dụ, nhồi sọ những người trưởng thành nếu không bắt họ quay trở về làm trẻ con.

Giáo dục qua đường lối thuyết dụ hay trở thành ý hệ đều nhằm chủ trương nhà trường phải nuôi dưỡng những sinh vật tập thể (con người) là thành phần của xã hội. Ở Liên xô và Nông trường tập thể Do Thái, những đồ chơi trong vườn trẻ đều khá lớn khiến một đứa trẻ không thể ý dụng một mình được, nó phải học hỏi là sự thoả mãn ước muốn đề chơi của nó phải cần tới sự hợp tác của đứa trẻ khác. Ở Pháp, một đạo luật ban hành ấn định dưới mười một tuổi không phải làm ở nhà, dựa trên sự kiện tâm lý là công việc làm một mình không sinh lợi và có hại. Nói chung khuyết điểm của giáo dục ý hệ là những chỗ cho sự xâm nhập của những yếu tố xã hội bên ngoài giáo dục, phần rời sự đào luyện tinh thần và bất chước « đời sống thực, ở ngoài xã hội.

Nếu giáo dục vẫn chưa nhìn nhận sự tối thượng của tinh thần, vượt lên khỏi những trạng thái cảm xúc, sự điều chỉnh tâm lý, sự hài lòng về vật chất và sự vui đùa, con đường giáo dục trong tương lai vẫn là một môi trường

tranh đấu, trong nỗ lực vượt những lý thuyết hư ngụy đề tìm con đường chân lý. Điều thiết yếu là tuyên ngôn của giáo dục đã được phác thảo hơn hai năm trước đây trong tham luận của nhà giáo dục La Chalotais (1763) : quốc gia phải làm thế nào không bao giờ để giáo dục lọt vào tay những người mà mục tiêu và lý tưởng của họ đi ngược lại với toàn thể mục tiêu và lý tưởng của xứ sở. Giáo dục không phải là ngưng nghỉ, nhưng chuyển vận không ngừng để đạt tới một khái niệm biến đổi về con người. Nền tảng triết lý của sự biến đổi này — tương đồng với lý thuyết đảo hoán giá-trị của Nietzsche — chỉ thị học đường phải là kiểu mẫu của xã hội mới. Biến đổi con người chính là biến đổi những yếu tố khách quan của thân phận con người.

Quan điểm duy nghiệm có đi điều hữu lý khi xác định giáo dục là sự khai sinh thứ hai ra con người. Chúng ta không thể chấp nhận quan điểm duy tâm cho rằng giáo dục chỉ là một huyền hoặc ảo tưởng, vai trò của ông thầy chỉ là một hình thức tượng trưng, giống như hoàng tử trong truyện thần thoại đánh thức nàng công chúa ngủ trong rừng là trí khôn tiên nghiệm. Chúng ta cùng chống lại định đề về một loại kiểu mẫu tiền chế con người : giáo dục toàn diện phủ nhận đặc chất của giáo dục.

Trong thời đại chuyên biệt hoá này, sự can đảm của giáo dục đích thực là quan niệm con người phải có khả năng cảm thức toàn thể tính của hiện hữu.

Hiệu lực của giảng dạy phát hiện như một biến số giữa toàn thể và hư vô : tâm điểm của nó ở khắp nơi và chủ vi của nó không ở chỗ nào cả.

Paideia : dynamis therapeutikè psychès.

NGUYỄN MẠNH CÔN

khóa trình tiết

Truyện vui khoa học

Phóng ý của YVES DERMÈZE ;

Fiction 21, 8-55

Nhật ký của... tôi, năm 2.371 (1).

Ngày 19 tháng 5

Thật là kinh khủng, cái cảnh sống của tôi tiệt nghèo nàn của chúng ta, cách đây 4 trăm năm ! Sống trong "gia đình" ! Thật là ghê gớm !

Cho rằng ngày xưa ấy không có chất nhựa-đời-hình-theo-ý-muốn như ngày nay, nên loài người thô sơ ấy đành phải ở trong những ngôi nhà bằng xi măng hay bê tông khô cứng, điều đó còn có thể hiểu được. Cho rằng xưa ấy chưa tìm ra nguyên tắc "phản-hấp-lực", nên loài người còn phải "bước" bằng hai chân, và đi đâu xa lại phải chui vào những cái thùng lớn hay nhỏ, dài hay ngắn, để được những cái móc kỳ khôi (có phải là máy móc thật không ? Sao mà phun ra lăm khói thế) ! đưa đến nơi. Những điều đó còn hiểu được, chứ còn "sống trong gia đình" thì thật là quá quẩn, thật là tồi bại...

Tôi biết, mới thoát nghe, người ta khó mà hiểu nổi mấy chữ kỳ lạ đó. Giáo sư Hoạch, ngành giáo dục tại gia, đã giải thích thật dài, thật cặn kẽ. Lấy ví dụ một ngôi nhà ở yên một chỗ, chia làm hai, ba, bốn, buồng không thay đổi được, vì bị ngăn cách bởi những bức tường

cứng những cánh cửa phải mở ra đóng vào... trong ngôi nhà thiếu vệ sinh đó, người ta thấy chồng chất cái mà ngày xưa gọi là một đơn vị xã hội, tức là một gia đình, gồm có : người chồng (ở đây người ta muốn nói về người đàn ông), người vợ (người đàn bà), với con cái họ — từ 1 đến 2, 3, 4 ; đôi khi 5, 6 ; đôi khi 10 hoặc hơn nữa — và cũng có trường hợp còn có thêm bố mẹ người chồng, bố mẹ người vợ...

Tôi cần giải thích rõ hơn. Hồi cách đây 400 năm, nghĩa là trước cuộc chiến tranh 1993 cùng những tai nạn tiếp theo sau, còn có bằng chứng đích xác rằng mọi trẻ nhỏ sinh ra ngoài "gia đình" đều bị coi là thiếu may mắn. Nhưng thú thật, tôi không hiểu vì sao. Bởi tôi biết có nhiều giống vật cái cũng nuôi con chúng bằng sữa như người đàn bà (gọi là mẹ) thời bấy giờ, nhưng giống vật thì biết khi nào con vật nhỏ lớn lên thì thả cho nó tự do, đi đâu thì đi, còn loài người thời xưa lại giữ chặt con cái trong nhà. Không biết để làm gì ?

Dù sao đi nữa, giáo sư Hoạch đã giảng giải về trạng thái tâm lý con người thời xưa,

(1) Xin ghi nhớ : "tôi" ở đây là một người Âu châu (hay Mỹ châu cũng được)

khóa trình tiết

rau khi lập gia đình : người đàn ông và người đàn bà bắt đầu hiểu biết, yêu quý nhau thì lấy nhau—gọi là lập gia đình—có nghĩa là sau một buổi lễ long trọng là đưa nhau về ở chung một căn nhà, rồi sinh đẻ con cái và nuôi chúng cho đến lớn, rồi hai người già và chết trong căn nhà đó, hoặc trong một căn nhà khác tốt hơn hay xấu hơn. Như vậy, gia đình không phải là căn nhà, mà là sự sống chung quái dị của hai người mà người ta gọi một cách quái dị là vợ chồng.

Vợ chồng yêu quý nhau một thời gian, nhưng rồi sự sống chung làm cho họ nhanh chóng đi đến sự chia rẽ, sự bực dọc, sự oán hận. Trạng thái quân bình tâm lý bị phá vỡ đầu óc người ta trở nên u tối, khiến cho sự gây lộn trong « gia đình » lan rộng nhanh chóng sang các « gia đình » lân cận, rồi lớn mạnh đến độ bao gồm cả một hay nhiều quốc gia, dân tộc. Giáo sư Hoạch cho biết lịch sử ngày nay không còn ghi lại được đầy đủ nguyên nhân những cuộc chiến tranh lớn nhỏ, sau cùng đã đưa loài người suýt nữa đến diệt vong ; nhưng người ta có thể nghĩ rằng cái lối sống « thuần túy như giống vật » của thế kỷ thứ 19 nhất định phải có trách nhiệm gây ra những cuộc giết chóc ghê gớm như thế, ít ra là một phần.

Tôi viết đến đây, bỗng thấy Lan của tôi lách qua tường đi vào. Lan đi vào là vì Lan biết tôi đang nghĩ đến nàng. Vì có thể tôi sắp cần đến nàng. Tôi mỉm cười, và tức khắc nàng cười đáp lại tôi, bằng một nụ cười duyên dáng nhất, trong sáng nhất—một nụ cười mà tôi biết đích xác không dấu điểm một nỗi hờn tủi, một hậu ý đen tối nào.

Lan đến gần tôi. Nồng độ trong da thịt nồng tiết ra đúng vào tần số vừa đủ hơn nồng

độ trong da thịt tôi. Vừa đủ mời mọc mà không kích thích. Tôi hoàn toàn tự chủ. Nếu ý muốn của tôi không tăng thêm mà lại nguội dần, thì tự nhiên Lan sẽ lui bước ra ngoài phòng, sẵn sàng chờ đợi một lần khác, mà nụ cười tuyệt đẹp không hề tắt trên môi. Nhưng hôm nay tôi cần đến nàng. Lan tự động ở ngay vào thế thứ 7, là thế vừa ý tôi hơn cả.

Tôi chưa nghĩ đến điều đó, nhưng có lẽ gần đây tôi phải viết một bài đại luận về người đàn bà của tôi, là sự thực hiện giá trị nhất của nền khoa học của thời đại văn minh cao đẳng này.

Ngày 21 tháng 5

Quá sức tưởng tượng ! Tôi ngã ngửa người. Giáo sư Hoạch vừa mới thu thập được một ít những tờ giấy mà ngày xưa người ta in những điều cần biết, cần nhớ. Một tài liệu có một không hai, nói về việc một người đàn ông cho một người đàn ông khác thuê đàn bà của mình : người cho mượn — nói đúng ra là cho thuê — bị phạt tù, người thuê cũng bị phạt tù, mà quái gở nhất là cả người đàn bà cũng bị phạt tù luôn.

Thật không hiểu được ! Ví dụ Lan. Nàng ngồi bên cạnh tôi đây, trong khi tôi tập trung tư tưởng để viết. Như vậy tôi không cần đến nàng. Nhưng nếu tôi bảo Lan qua tường sang phòng chú Lai xem chú ấy có cần thì cho chú ấy thỏa mãn — như thế là bốn trăm năm trước tôi đã vào tù rồi ! Thật phi lý, khi người ta không cho phép người đàn ông khác sử dụng người đàn bà của tôi khi chính tôi không cần đến. Và nếu Tuân, đàn ông của Nhung, người bạn gái cùng làm một sở với

tôi, nếu Tuấn ôm người đàn bà không phải là Nhung thì hẳn cũng phải tù sao? Người ta có thể bỏ tù cả Tuấn sao? Và cả Nhung cũng bị rắc rối, vì nàng là « tông phạm ».

Có lẽ giáo sư Hoạch nhầm, hay tài liệu của ông là tài liệu giả mạo. Theo ý tôi, chắc hẳn không có thứ tình thần ích kỷ nào có thể giải thích được điều đó. Không có tình thần ích kỷ nào, vì bất cứ ai cũng biết Lan ở bên tôi, tôi vuốt ve đùi nàng thấy êm, ái, mà người khác vuốt ve vào chỗ ấy cũng thấy êm ái như tôi, thì tôi tại sao lại thấy thế làm buồn, làm giận? — Ai chẳng biết con người ta, trong những điều kiện được ấn định, sẽ có những cảm xúc được ấn định. Đó là một hiện tượng thiên nhiên, mà có ai lại xử tội và bỏ tù thiên nhiên bao giờ!

Ngày 27 tháng 5

Một việc nhỏ, nhỏ mà quan trọng, mới xảy ra làm cho tôi phân vân. Tôi đang suy nghĩ, bỗng thoáng trông thấy Lan đi ngoài vườn hoa. Không biết xúc động nào của tôi được bộ máy thu tinh cảm của nàng bắt gặp, nên đáp ứng tiếng gọi thầm kín ấy, nàng tiến về phía tôi. Tôi đã định bảo Lan đi ra ngay, nhưng không hiểu sao tôi không nỡ. Tôi nhìn quanh quần tìm việc cho nàng làm. Tìm không thấy, tôi hoàn bình bằng cách chỉ cho nàng cái đệm:

— Lan ngồi xuống đây.

Lan nhẹ nhàng, khéo léo, kín đáo ngồi xuống. Tôi nhớ đến vợ của mấy người bạn, như Oanh của Lai — mà hẳn đã bán mất từ ba bốn tháng nay —, như Vân của Hoàng. Thủy của Trúc... tôi thấy Lan hơn hẳn họ. Không phải vì Lan kiều mị, được hưởng tất cả

những tiến bộ mới nhất của khoa học, khiến cho dưới làn da mịn màng vừa ẩm vừa mát, tôi mừng tượng thấy những bắp thịt trẻ trung, bần nhậy, sẵn sàng trả lời đúng cách bất cứ vuốt ve nào. Cũng không phải vì tầm số của dòng điện tử trong cơ thể nàng hoàn toàn tương ứng với dòng nhân điện trong tôi, làm cho Lan chỉ có cho riêng tôi cái nụ cười thần tiên (được nghiên cứu liên tiếp trong nhiều đời bởi hăng Điện Tử « Đàn ông và Đàn bà », có chỉ nhánh khắp thế giới), mà vì... mà vì lẽ thấy nàng thì tôi vui, vắng nàng thì tôi nhớ. Giáo sư Hoạch, nhận định về trạng thái tâm lý đó, cho rằng người ta có thể « quen » với người vợ hay chồng của mình. Quen là dấu hiệu của tuổi già đang bắt đầu.

Nhưng tôi chưa già. Vậy không phải là tôi quen. Hay nếu phải là quen thì cũng chỉ mới đây thôi. Tôi cần phải chống lại sự xâm nhập tai hại đó. Tôi lựa lời hỏi Lan:

— Này em, ngày xưa, lâu lắm rồi, có một đạo luật của loài người ấn định rằng đàn bà không được... không được... À, mà thôi, anh muốn nói ngày xưa người đàn ông rất ích kỷ, không cho phép vợ mình thỏa mãn người khác. Tính kiêu ngạo của họ chống lại ý nghĩ đó, mà họ cho là ghê gớm, đáng khinh bỉ. Lan có hiểu điều đó không?

— Em hiểu. Lan trả lời tôi và tiếp tục mỉm cười.

— Nhưng em có hiểu vì sao họ làm thế không?

Ồi! Câu hỏi ngu xuẩn! Nàng làm sao biết những điều mà người ta không gắn vào đầu óc của nàng? Nàng chỉ suy nghĩ và phản ứng và một số sự kiện nhất định nào đó thôi. Tôi chỉ được trả lời nếu câu hỏi của tôi nằm trong giới hạn của những sự kiện được ghi

sẵn. Tôi lúng túng trước sự im lặng của nàng, mà quên rằng nếu tôi không hỏi, nàng tất nhiên phải im lặng cả ngày, cả tháng, cả năm... cả đời tôi, cả đời nàng — đời nàng dài hàng trăm, hàng nghìn năm, nếu được sẵn sóc cần thận, dầu mỡ chu đáo.

Tôi phải tỏ ra thực tế. Tôi nhìn thẳng vào mắt Lan để dò tìm phản ứng mà tôi chờ đợi :

— Lan, em nghe đây. Nếu anh bảo em đứng dậy, bảo em đi sang bên chú Tuấn và ở bên ấy với chú Tuấn đến sáng mai...

Lan đứng bên, nhanh nhẹn tiến về phía bức tường ngăn cách hai phòng. Tôi vội gọi giật lại :

— Ô, đi đâu đấy Lan ? Anh chỉ bảo nếu anh bảo em thôi mà !

Lan quay trở lại, dễ dàng ngồi xuống. Có lẽ tôi mê ngủ, vì tôi thoáng thấy nàng có vẻ buồn. Buồn là một trạng thái bắt buộc xa lạ với nàng. Lan nói :

— Em nghe nhầm.

Ôc điện tử mà nghe nhầm—vì bây giờ thì hẳn nhiên bạn đọc của tôi đã biết (thường thì tôi dấu kín, không phải vì tự ái đâu, mà vì tính nghịch) Lan của tôi là một người máy, người nhân tạo với bộ óc điện tử, một rô bô, như Tuấn của Nhung, Văn của Hoàng ... — nên tôi không thể nào nghĩ nàng nghe nhầm được. Nhưng nếu không nghe nhầm mà nói mình nghe nhầm là nói dối. Người máy mà nói dối còn động trời hơn nghe nhầm. Tôi có bốn phận phối kiểm để báo cho hãng chế tạo biết.

Tôi dò dẫm, không muốn cho nàng biết tôi nghĩ ngờ :

— Nhưng nếu em không nghe nhầm, nghĩa là anh nói đúng như thế, em có sang bên Lai không ?

— Có chứ. Mắt nàng chớp chớp khi trả lời.

Tôi cố gắng cho là nàng buồn. Tôi muốn an ủi nàng và nói thật chậm :

— Như thế, em có đau khổ không ?

Lan ngược mắt nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên trước một sự kiện lạ lùng :

— Đau khổ ? Tại sao anh ?

Phải, nàng đã trả lời : «Đau khổ ? Tại sao anh ?» Trả lời bằng một câu hỏi không thể nào khác được. Đầu óc nàng được chương trình hoá để nàng sống với tôi một cách giản dị. Sẵn sàng đón ý tôi để chiều chuộng tôi trong mọi sự, nàng không thể hiểu được Lai đối với tôi là thế nào. Lai, một thanh niên quí quật, vì sau một tai nạn hóa điên trên Hòa bình, Lai đã bị thay tim, thay 2 lá trong buồng gan, thay một quả cắt và cả 2 lá phổi. Xương tay chân, xương sườn của Lai đều làm bằng chất plastic. Tôi biết như thế, vì chính tôi là một trong những y sĩ giải phẫu cứu mạng cho Lai. Nhưng người khác thì không biết được. Ví dụ Lan. Lan trong vòng tay của Lai ! Tôi làm thế nào mà chấp nhận điều đó cho được, bởi vì Lai chỉ còn có một nửa thân thể là của hân.

Nhưng vấn đề cơ thật là con người được giải phẫu của Lai không ? Nghĩ cho xa, mới chỉ tưởng tượng Lan ngã vào tay bất cứ người đàn ông nào khác tôi cũng không sao chịu đựng được. Mới chỉ tưởng tượng thế, mà hai hàm răng tôi đã cắn chặt, nghiến chặt. Có nghĩa là tôi ghen, có nghĩa là tôi điên, tôi lạc hậu như người thời cổ cách 400 năm : thói quen, sự giả nua của tâm hồn, làm cho tôi ghen vì yêu một con nhỏ rô bô !

chép, và đề cấp dưỡng cho người đàn bà và mười bốn con nhỏ, nếu có.

Tôi trợn mắt, há to miệng để không ngậm lại ngay được. Cái gì mà cấp dưỡng người đàn bà? Cái gì mà nuôi bốn con nhỏ? Con nhỏ nào mà nuôi? Con nhỏ không do Viện Chọc Giống đào tạo và gây dựng trong những vườn Địa đàng hay sao? Còn người đàn bà, nếu không dùng thì bán cho người khác, hoặc trả cho xưởng may lấy lại một phần tiền, hoặc khá giả thì xếp vào kho đồ cũ, mấy năm mới phải cho dầu mỡ một lần thì có gì là tốn phí!

Tôi liền một mạch, mỗi câu lại làm cho giáo sư Hoạch phá ra cười như điên khùng. Mãi mãi rồi ông mới lấy lại bình tĩnh, vừa thở vừa giải thích:

— Khổ quá rồi, anh Các ơi! Anh đi trên mây không cần hòa tiền rồi. Anh hiểu lầm trọn cả bài giảng của tôi, mà tôi đã cẩn thận đặt tựa là « Một vài nhận định về phép ẩn ở của loài người thật: đàn ông thật lấy đàn bà thật, lập gia đình, sinh con cái, và sống trong đau khổ trọn đời... » Cái tựa rõ ràng, đầy đủ như thế mà anh không nhớ sao?

Nói không nhớ sự không đúng. Như tất cả học trò trên khắp 3 hành tinh và trong suốt lịch sử, tôi có bao giờ đề ý đến cái tựa lòng thông của quý vị giáo sư đâu! Không những thế, tôi không bao giờ tưởng tượng được rằng hai người thật có thể ôm lấy nhau, không có quần áo gì che đậy cả. Tôi không thể nào tưởng tượng tôi có thể cùng với... cùng với... Nhưng chẳng hạn, bỏ hết quần áo rồi ôm lấy nhau, để hành động như thú vật... Trời ơi! Khùng khiếp thay! Làm như thế rồi, sau này trông lại nhau sẽ ra sao sẽ ra sao, khi Nhung biết mọi bí ẩn của tôi, và tôi biết hết mọi bí ẩn của Nhung. Nhung chắc hẳn sẽ thẹn chết đi được, và tôi cũng thế. Thế mà đời xưa họ dám... hàng ngày. Sự táo bạo

như thế chỉ có thể có trong những tâm hồn u tối, ngu ngốc.

Tôi nói như thế với giáo sư Hoạch. Ông gật đầu, mỉm cười khuyến khích tôi:

— Anh đúng là một thanh niên gương mẫu, lành mạnh. Tôi mừng cho anh...

Hai chữ «lành mạnh», hình như được giáo sư Hoạch nói lớn hơn một chút. Hình như trong một phần của một giây, mắt bên phải của ông nheo lại nhỏ hơn mắt bên trái một chút. Tôi muốn hỏi ở đời văn minh này có thanh niên nào không gương mẫu, lành mạnh như tôi đâu, mà giáo sư đề lời khen đặc biệt như vậy. Nhưng tôi còn đang phân vân chưa biết hỏi thế nào cho khỏi tỏ ra bất lịch sự với thầy học, thì giáo sư Hoạch đã nói ngay:

— Tuy nhiên, nếu anh muốn tỏ ra sáng suốt bằng cách thử ngay tâm hồn của chính mình, thì tôi sẵn sàng giúp đỡ anh. Anh cần xa rời bỏ Lan một thời kỳ, gọi cho là 30 ngày đi. Anh có thể cho tôi mượn ít bữa, rồi nếu có thật tốt tôi sẽ giới thiệu cho ông Viện trưởng. Anh bằng lòng chứ?

Tôi trả lời «vâng» rồi mãi 30 phút sau tôi xới nghĩ được thì ra lão giáo sư Hoạch, chắc nghe nói tôi mới tậu được rô bốt tốt, bèn bày ra mưu kế để hại tôi. Lão bệnh vực thói quen với rô bốt là tiến bộ văn minh, là vững vàng tâm hồn, để sau cùng lấy giọng người trên thương kẻ dưới mà đòi chung vợ với tôi.

Thật quá lắm, quá lắm! Lão già không trót đời này còn giọng nhân nghĩa, bảo tôi rằng ông ta sẽ không thật sự dùng đến Lan của tôi. Lão khoe có những bộ máy đo phản ứng của rô bốt rất tinh vi, nên lão chỉ cần mượn một rô bốt dục của Nhung hay của Tuyết, rồi để cho hai bộ máy làm tình với nhau là đủ biết mức độ «cảm ứng phản giải» đến đâu. Bốn chữ «cảm ứng phản giải» vốn đã có trong tờ cáo bạch của nhà chế tạo. Tôi không hiểu rõ,

nhưng cũng biết do đó mà các loại rô bô mới đều được chuẩn bị cho có phần nào cảm tình của loài người. Có như thế, nghĩa là khi tôi quen với nàng, thì Lan cũng tỏ ra có phần nào quen với tôi, và được như thế khi xử dụng mới được hoàn toàn tốt.

Nhưng chính những cảm ứng phân giải làm cho tôi thao thức không yên. Vì người vợ của tôi đã quen với tôi, cho dù là rô bô đi nữa, cảm ứng phân giải của nàng có thể làm cho nàng chống lại tên rô bô chồng của Tuyết. Lão già Hoạch đầu có cần biết điều đó — chưa biết chừng lão lại thuộc loại quái đâm, chỉ thích nhìn kẻ khác... Nhìn vợ tôi, Lan của tôi, ở tư thế số 7 với một tên rô bô vô danh. Trong khi đó, lão già râu trắng hết nhòm đằng trước lại nhòm đằng sau, lưng khom khom, miệng tắc lèm...

Không ! Không thể như thế được !

Ngày 29 tháng 5.

May quá thế là xong rồi ! Mới hôm qua tôi tưởng sắp phát điên, không ngờ chỉ một lát sau mọi việc đã được giải quyết êm thấm. Nhờ trí thông minh của tôi, nhờ tôi chịu đọc rất nhiều sách cổ, và... và cũng một phần nhờ hoàn cảnh thuận tiện sẵn sàng.

Hoàn cảnh đó là một người thợ khóa. Một người bạn khất của tôi, đã cùng tôi học 4 năm về lịch sử nhân văn từ thế kỷ thứ 20 trở về trước. Sau đó, tôi chuyển về ngành tâm lý về bảo sinh sản trong loại cây ăn trái, và trong loại hoa không kết trái. Đồng thời tôi cũng còn viết sách, nhờ viết sách mà tôi có nhiều đặc quyền hơn kẻ khác.

Tôi đang buồn bồng nghe tiếng máy bay mà chợt nhớ đến Toại.

Toại nhận ra một cách tôi dễ dàng. Tính anh vui và thẳng. Anh hỏi ngay :

— A, anh Các ! Lâu lắm mới thấy anh. Có việc gì cần tôi đấy ?

Toại làm tôi không kịp chuẩn bị, phải giả vờ xin lỗi để k o hết điều thối. Khói tỏa thơm ngát gian phòng khiến cho Toại phập phồng cánh mũi như muốn hít nhò. Toại tắc lưỡi :

— Các anh ở đẳng cấp trên, thật sướng nhỉ !

Tôi đánh trống lảng, không trả lời. Vì theo luật, chúng tôi được tự do nghiên nhưng không được cho đăng cấp dưới biết, sợ làm thiệt hại đến sức lao động của họ. Tôi giả vờ ho mấy tiếng, đưa tay gạt ngang tắt phụt ngọn đèn, rồi quay hẳn lại để nói chuyện với Toại.

Hắn quả là người tốt, vì hắn không giận, mà mấy lần nhắc tôi có việc gì cần nhờ hắn không. Tôi dần dà thật lâu rồi mới hỏi thật xa :

— Này, anh Toại. Tôi nghe nói có thời gian anh chuyên nghiên cứu về các thứ khóa, và đã được giải thưởng ở Hòa tinh phải không ?

Toại cười lớn :

— Giải thưởng ở Hòa tinh, Kim tinh, Địa cầu, đủ cả. Khóa do Toại chế tạo, giao cho máy điện toán bậc nhất cũng phải mở trong 5 ngày mới tìm được công thức kết hợp 3 vòng quang tuyến, 5 vòng từ điện, 12 vòng kim ngân, 9 vòng kim cương.

— Khóa gì mà phức tạp thế ?

— Khóa hòa tiến tự động từ Địa cầu chờ tiến đi tiếp tế cho các ngân hàng địa phương

— Khóa hòa tiến, lớn quá ! Không được,

— Khóa gì mà không được ?

khóa trình tiết

— Khóa... Khóa...

Tội hiểu ngay. Hẳn chỉ tay vào mặt tôi, ngoác miệng mà la lên :

— A, phải rồi ! Khóa cái ấy hả ?

Tôi chết điếng, không dám cãi, cũng không dám nhận. Nhận mà nhầm thì thật xấu hổ, nhưng cãi thì sợ hấn giận, không giúp. Không lẽ tôi lại hỏi lại cái « ấy » là cái gì !

Nhưng may thay cho tôi, tôi rơi đúng vào tay người chuyên nghiệp.

— Anh đừng tưởng, Tôi nói, anh là người đầu tiên. Vì thật ra đã có nhiều, rất nhiều người nhờ đến tay tôi. Luật thì bắt buộc người có phải cho người không có mượn. Nhưng luật lại không nói rõ cho mượn để làm gì (chắc mấy anh dân biểu sẵn tiền, tậu được của quý, không muốn cho bạn bè dùng đỡ, nhưng cũng không muốn bị báo chí chế là lặt vặt, nên mấy anh mới làm ra đạo luật nước đôi đó !). Vậy anh chỉ có việc khóa lại, rồi sau này anh nguy hiểm, tưởng thiên hạ mượn vợ anh về để cúng ít hôm cho đỡ tủi thân...

— Nhưng mà khóa điện tử lớn quá !

— Không phải khóa điện tử.

— Khóa điện tử cũng lớn quá, và lại điện có thể giật ?

— Không phải khóa điện.

— Thế thì khóa bằng chìa sao ! Tôi bực mình nói dối.

— Đúng ! Đúng ! Khóa bằng chìa. mở bằng chìa. Như cụ tổ đời Néron và Tần Thủy Hoàng. Gần 3 nghìn năm, chỉ có cái ấy là không thay đổi. Vì thế cái khóa đề khóa nó cũng không thay đổi : một đoạn xích bằng bạch kim ở Hỏa tinh, một cái khóa bằng thép luyện với kền ở Kim tinh, cả hai thứ cam đoan không có đoạn nào

đầy quá 3 ly mét. Cả hai thứ, cam đoan không mở được bằng gì khác, ngoài cái chìa của chính nó.

— Nhưng chỉ một chìa thôi ! Tôi vội vàng thốt lên.

Tội bịu môi, khinh khỉnh :

— Anh tưởng tôi quý cái nồn nường của anh lắm sao !

Tội quay nhìn về phía sau — hình như có ai gọi hẳn — rồi miệng nói mai, tay đưa lên định tắt máy. Tôi cố thu hết can đảm hỏi câu cần phải hỏi bị nén chặt trong lòng từ phút đầu :

— Này, cậu ! Cậu nói khóa cái ấy là khóa cái gì vậy ?

— Khóa trình tiết chứ còn khóa cái gì

Ngày 2 tháng 6

Tôi đưa Lan đến cho giáo sư Hoạch mượn. Thấy tôi cùng Lan lách qua tường, ông đứng lên, niềm nở bắt tay tôi, và, rất lịch thiệp, hôn tay Lan.

— Chào anh, Các ! Chào Lan. Anh ngồi xuống, đây, Lan ngồi xuống đây.

Giáo sư Hoạch nói và chỉ tay cho tôi ngồi bên cạnh ông, Lan cũng ngồi bên cạnh ông, nhưng ở phía bên kia. Rồi ông quay hẳn ghế để nhìn thẳng vào Lan (và gạt tôi về đằng sau). Càng cố gắng làm ra vẻ không chia rẽ người thật với kẻ giả, ông Hoạch càng tỏ ra mình thiếu tế nhị hơn người ta tưởng. Tôi hết sức khó chịu phải nhìn nếp da gáy đỏ hần hắt chồm lẫn lên cổ áo sơ mi trắng toát của ông. Tôi cũng đoán thấy cặp mắt hàu hàu của ông trong khi ông vuốt ve, sờ nắn khắp

người Lan. Vẫn biết ông sẽ đến đầu thì Lan tự động giới thiệu : đôi nhũ hoa bằng bọt biển - thứ thiệt, bắp thịt tay bằng nhưong chất 72 phần trăm pha với cao su thiên tạo, mạch máu đen bằng ni lông ; toàn bộ mạch máu đỏ làm bằng ruột mèo xứ Tfcjul trên Hỏa tinh, có sức co giãn gấp đôi, bảo đảm 500 năm không chùng, không đứt... mà tôi vẫn cứ thấy bảo hao trong .quột gan khi Lan giải thích sự chế tạo bộ phận chủ yếu : bộ phận bơm chất nhờn vừa đúng với mức độ hành động (một máy tính điện tử được dùng riêng vào việc này), bộ phận tạo cảm giác mát ngược, bộ phận tạo tiếng rên, bộ phận tạo ra trạng thái tối mẫn nguyện (cũng phải một máy điện toán riêng).

Mặc dù tôi biết người thời xưa đến thăm nhau mà có dắt theo con chó, con mèo, thì chủ nhà thường vuốt ve con vật để tỏ ra thông cảm với chủ nó ; mặc dù tôi biết người thời nay sẽ được bạn giới thiệu rõ bộ sinh lý thì cũng sờ mó, cấu véo một vài nơi, tỏ ra thích thú cùng chung với bạn...mặc dù tôi biết tôi vẫn khó chịu. Khó chịu làm cho tôi quên mình phải nói trước về cái khóa.. Thành ra chỉ nghe Lan nói không thì không sao, kịp đến khi giáo sư Hoạch vén cái váy ngắn của nàng lên thì ông kêu « ồ » một tiếng thật lớn.

Đến bây giờ tôi mới nhớ đến cái khóa. Tôi hoảng hốt níu ông ngồi xuống :

— Xin giáo sư tha lỗi. Xin giáo sư đừng hiểu lầm. Tôi không...không nghĩ...nghĩ ngờ gì cả. Nhưng vấn đề là...là nàng đã quen với tôi, nàng có thể...có thể...xấu hổ...

Tôi áp ứng một cách thâm hại và tự trách mình không bút nào tả xiết. Nhưng giáo sư Hoạch không có vẻ giận mà, trái lại, ông nhìn ngắm tôi rất nghiêm trọng.

— Anh nói sao ? Anh nghĩ con nhỏ rõ bỏ này có thể có ý chỉ bảo vệ trinh tiết của nó sao ? Anh nghĩ thế thật sao !

Tôi đâm liều, như người bị mưa ướt nhầy phăng xuống sông. Làm ra bộ quả quyết, tôi nói :

— Vâng, có thể thật. Tôi có cảm tưởng rằng hệ thống «cảm ứng phân giải» chưa được nghiên cứu đầy đủ. Mặc dù tôi biết một rõ bỏ không thể nào có những suy tư mà người ta chưa đặt vào ký ức của nó tôi vẫn xác nhận Lan thật sự có những lúc tỏ ra hồ thẹn và không bằng lòng, khi có bàn tay lạ đặt lên thân thể nàng.

Không ngờ tôi biến báo hay thế. Sự trình bày rất có lý, và lại có vẻ khoa học nữa. Giáo sư Hoạch nhất định phải tin tôi. Tôi được đà, làm tôi luôn, để chặn đứng bàn tay lông lá của ông. Tôi móc chiếc chìa khóa trong túi, thần nhiên đưa cho ông :

— Lẽ tất nhiên Lan có xấu hổ là xấu hổ với những người không xứng đáng, còn đối với giáo sư thì nhất định là không. Tôi xin minh xác sự tin tưởng long trọng của tôi bằng cách xin giáo sư nhận lấy chiếc chìa khóa độc nhất này.

Tôi đặt chiếc chìa khóa vàng đẹp lếp vào tay ông. Lão già không thể không nhận, nhưng có nhận mà không dám xử dụng. Thế mới thật hay, mới thật tài... Trừ phi lão không dám nhận, mà trả lại tôi để tỏ rằng lão không có tham vọng gì đi. Nhưng làm như thế vẫn là có mặc cảm tội lỗi. Màng lưới tôi căng ra bao bọc cả bốn phía, tôi tò mò chờ đợi lão phản ứng ra sao.

Nhưng thật ra, lão — nghĩa là giáo sư Hoạch — Quả nhiên có phần xứng đáng với tên tuổi của ông. Ông chậm rãi mân mê chiếc chìa khóa trong tay, mắt không rời mắt tôi. Một

khóa trình tiết

Jác lâu rồi mới đặt tay lên vai tôi, ông trầm giọng hỏi thông thả, đầy thương xót :

— Các ! Anh nghe tôi nói đây : anh yêu con nhỏ rô bô này thật rồi sa ?

Tôi không hiểu thế là thế nào vì chính ông ta khuyến khích tôi, chúc mừng tôi. Tôi bực dọc trả lời :

— Giáo sư nghĩ tôi đùa sao ! Hôm nọ, giáo sư nhớ rằng chính giáo sư...

— Phải rồi, tôi nhớ. Tôi nhớ, và bây giờ tôi xin lỗi anh. Vì tôi hiểu lầm.

— Hiểu lầm ?

Giáo sư Hoạch gật đầu, nhưng trầm ngâm không đáp. Ông nhìn tôi, rồi nhìn Lan, rồi lại nhìn tôi, ra chiều phân vân nửa muốn nói nửa không. Hình như có điều gì bí mật. Tôi hỏi gạn :

— Giáo sư bảo sao ? Giáo sư hiểu lầm tôi hay hiểu lầm ai ?

Giáo sư Hoạch thở ra một hơi dài. Ông đã quyết định.

— Tôi hiểu lầm anh. Tôi theo dõi các hoạt động nghề nghiệp của anh đã lâu. Thú thật, tôi đánh giá anh rất cao... Có thể tôi không nhầm về kiến thức, nhưng rõ ràng tôi đã nhầm về cảm ứng của anh. Vì nghe anh nói anh yêu rô bô Lan, tôi tưởng anh nói dối, anh bịa chuyện...

— Bịa chuyện ! Tại sao tôi lại bịa chuyện ? Để làm gì mới được chứ !

— Để gạt rô bô Lan ra ngoài đời của anh

— Gạt rô bô Lan ra ngoài đời sống của tôi ! Để làm gì ? mà muốn không có Lan, tôi chỉ bán lại nàng cho người khác...

— Nhưng người ta sẽ chú ý. Rồi lâu lâu

không thấy anh mua rô bô khác, người ta sẽ nghi ngờ. mà khi đã nghi ngờ, người ta chỉ có việc áp dụng "công thức 4" là biết hết.

Tôi rùng mình. Công thức 4, tôi nghe nói như vậy, là phương pháp tra hỏi bộ óc của người ta. Bộ óc bị đặt vào trạng thái 60 phần trăm lệ thuộc một tổ hợp máy điện toán. Những câu hỏi được đặt ra dưới hình thức những lần vi ba cực ngắn. Bộ óc phải trả lời về tất cả mọi tin tức mà nó đã ghi nhận, về tất cả mọi ý tưởng được tạo thành trong tinh thất, về tất cả mọi cảm tình và xúc động đã có trong suốt cuộc đời — người ta nói sau khi qua "công thức 4", con người mạnh mẽ đến đâu cũng chỉ còn là một mớ giẻ rách.

Tôi lại rùng mình. Nhưng tại sao đã bán rô bô cũ lại không mua rô bô mới ; tại sao lại chú ý, nghi ngờ... Giáo sư Hoạch lắc đầu buồn bã :

— Các, anh là một chuyên viên giỏi, nhưng anh chỉ là một đứa trẻ. Tôi hiểu lầm anh, vì đánh giá anh quá cao. Bây giờ trót lỡ rồi, tôi cũng đành liều cho anh biết sự thật. Nếu anh tin tôi và đồng ý với tôi, chúng ta sẽ liên kết với nhau trong giai cấp mới. Nếu anh không tin, anh tố cáo tôi...

Giáo sư Hoạch ngừng lại để gờ cho tôi thấy ngón út trong bàn tay trái của ông. Ngón tay để móng hơi dài và cong, hình như có một chấm trắng khá lớn phía sau. Bàn tay lật ngửa lại, và tôi nhìn rõ một viên thuốc tròn, màu xám, gắn vào chân móng. Tôi gạt đầu ra đầu tôi đã miễn. Ông nói tiếp :

— Cyanure ! Chỉ cần từ 8 đến 15 giây. Dù có biết ngay cũng không thể nào gỡ được.

— Nhưng tại sao lại nghiêm trọng quá như thế ? Tôi có hiểu gì đâu ! có biết gì đâu !

— Bây giờ rồi anh biết. Tôi hiểu lầm vì tưởng anh muốn gửi rô bô Lan cho tôi để được coi như vẫn có rô bô, nghĩa là vẫn có đời sống sinh lý đều đặn, lành mạnh. Trong khi đó, anh cần có toàn thể căn nhà anh đang ở để đón tiếp một người khác... một người không chấp nhận chia xẻ một mình anh với rô bô Lan.

Giáo sư Hoạch cúi đầu xuống sát đầu tôi và cầm tay tôi, không phải như một ông thầy mà như một người bạn. Ông thì thầm cho một mình tôi nghe thấy :

— Các, anh là một phần tử trí thức, một phần tử tài năng. Có lẽ nào anh có thể chìm đắm trong tình yêu một rô bô, chìm đắm trong thứ tín ngưỡng mà chính quyền dành cho đại chúng !

Ngày 20 tháng 7

Hơn một tháng nay tôi tập sự để được liệt mình vào giai cấp tài năng. Nhờ sự giảng giải chân thành của giáo sư Hoạch. Thì ra ngoài bộ môn tâm lý học, vị giáo sư khải kinh của tôi còn chuyên về lịch sử chính trị của nhân loại : trong nửa giờ, ông đã chứng minh cho tôi thấy tôi ở vị trí nào trong xã hội, và nếu không được giác ngộ, tôi sẽ tự chìm mình trong sự tối tăm nào, chỉ vì tôi quá tin vào sách vở.

Sách vở, theo giáo sư Hoạch, là phần của đại chúng. Giai cấp tài năng tìm thấy nhau, nhận ra nhau ở ngoài công thức. Vì thật thế ngay từ khi loài người mới hình thành, những phần tử tài năng đã liên kết nhau để quản trị đại chúng. Những người ở Á châu biết điều này trước nhất, nên họ tìm mọi cách làm cho sự học vấn trở thành cao quý, khó khăn

Mục đích của họ là giới hạn số người thuộc giai cấp tài năng — số người ít, quyền lợi nhiều, chia nhau vừa để vừa tránh được mọi lộn xộn.

Người phương Tây (chúng ta) không biết điều đó. Mấy nhân vật cầm quyền không thấu đáo được mối liên quan giữa lãnh đạo và đại chúng, nên thấy đại chúng đòi mở rộng sự học vấn bằng cách xây thêm trường sở và đào tạo thêm giáo chức, thì vội cho là phải và tìm đủ mọi cách để phát triển giáo dục (một thứ giáo dục vá víu, chấp mỗi, thay đổi theo đà tiến của xã hội mà chính nó làm cho hỗn loạn), khiến cho một số lớn thanh thiếu niên vốn dĩ rất thông minh nhưng không được học để trau dồi kiến thức, số thanh thiếu niên đó thay vì sống âm thầm trong đại chúng, bỗng vượt lên, nhảy vào giai cấp tài năng, gây tranh chấp lung tung mà không tôn trọng các điều luật danh dự của giai cấp. Chiến tranh vì thế mà bùng nổ liên miên — cuộc chiến tranh nào cũng nhân danh quyền lợi của đại chúng (mà họ gọi là nhân dân, là giai cấp vô sản, là dân tộc v.v...), nhưng rốt cuộc chỉ để giải quyết xem bọn nào, nhóm nào (mà họ gọi là lãnh tụ, là trung ương đảng; là những người yêu nước, phục vụ dân...) nắm được lợi thế nắm được chính quyền để giữ một mình (gọi là độc tài) hoặc chia xẻ với nhóm khác (gọi là dân chủ).

Tình thế rối bời mãi đến gần cuối thế kỷ thứ 20 mới có một người làm được công việc chứng minh cho tất cả mọi phần tử tài năng đang chống đối lẫn nhau — và đang huy động giai cấp và nhân dân giết nhau thay cho họ — biết rằng tất cả bọn họ đều có chung một đặc tính (là tài năng) và tất cả mọi xung đột đều do họ không hiểu lẫn nhau và không hiểu chính mình. Người làm công việc chứng

ninh ấy hình như có thiện chí đặt cơ sở thuận luận lý cho công việc giáo dục, để sau này tất cả mọi người sống trên mặt đất đều trở thành những phần tử tài năng cả. Thiện chí lớn quá. Tất cả các phần tử tài năng trên thế giới đã cử đại biểu đến dự một cuộc họp lớn, và đi đến kết luận rằng hẳn chỉ là một phần tử tài năng phản động, phản giai cấp.

Cuộc họp tuy nhiên cũng có ích, là giai cấp tài năng thành hình (trong bí mật, vì giấu không cho đại chúng biết) và các phần tử tài năng đã tự hiểu được bản chất của họ rồi, thì tất cả đều đồng thanh biểu quyết giữ nguyên giai cấp tài năng, là giai cấp tài năng và giữ nguyên đại chúng là đại chúng. Và từ bây giờ, giai cấp tài năng trở thành một mặt trận bí mật, bí mật nhất xưa nay, vì nó không có chỉ huy, không có tổ chức gì hết.

Về điểm này giáo sư Hoạch đã nói với tôi khi tôi tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Bí mật nào đã là bí mật tất phải có ngày bị khám phá, tổ chức nào đã là tổ chức tất phải có ngày bị chống đối, bị tiêu diệt. Tất cả cái tinh vi của quyết định mới là không đặt thành tổ chức, mà cũng không đòi hỏi giữ bí mật. Người ta chỉ đưa ra một lời khuyên : hãy để dành quyền hưởng thụ cho người thân của bạn. Có thể thôi. Các đại biểu đi họp về không có gì để tuyên bố rùm beng hết. Và tất cả mọi người đều đồng ý chia công việc giáo dục làm 2 thời kỳ : thời kỳ 1 dành cho toàn thể dân chúng, chỉ thỏa mãn một chương trình phổ thông vừa đủ cho con người khỏi ngu si dốt nát; thời kỳ 2 mới thật sự đào tạo nhân tài, chỉ đào tạo vừa đủ người để quản trị đời sống cộng cộng.

— Như thế, tôi hỏi, tại sao lại đi đến tình trạng ngày nay ?

— Anh cần nhớ 4 thế kỷ đã qua. Bốn thế kỷ không chiến tranh, không loạn ly. Con người hiểu được nó rồi, thì mọi mặc cảm, mọi ần ức đều tan biến mất. Nhưng giữa đại chúng vẫn còn những lộn xộn nhỏ, do sự thiếu thốn một tin ngưỡng thực tế, gần gũi với con người bình thường hơn mấy tôn giáo có sẵn được mẫu suy tư triết học. Sau một thời gian nghiên cứu lâu dài, các nhân vật có trách nhiệm mới đi đến quyết định để cao tinh yêu rồ bô trong sạch, lành mạnh, như một tôn giáo rất thiết thực cho đại chúng.

A ra thế ! Con người đối với con người vẫn là quý nhất. Nhưng con người được buông thả cho gần nhau thì rất dễ gây ra ngộ nhận, ghen ghét, oán hận. Rồi chia rẽ lại bắt đầu. Cho nên tình yêu thật, giữa con trai với con gái, đàn ông với đàn bà, đòi hỏi một thời gian dò xét và nhận định bởi những người đi trước. Giáo sư Hoạch là bậc tiền bối có nhiệm vụ quan sát tâm lý của tôi, và soi sáng cho tôi, nếu thấy tôi xứng đáng.

Tôi đã tỏ ra xứng đáng bằng chính những bản khoản về tình yêu của tôi đối với Lan, rồ bô. Tôi đã tỏ ra có những bản khoản đúng mức về sự biến chuyển trong lòng tôi. Cho nên, từ hơn một tháng nay, tôi bắt đầu tập sự một tình yêu mới.

Nàng chính là Nhung, bạn đồng sở của tôi. Nàng không đẹp một cách toàn bích như Lan nhưng nàng có một khả năng mà Lan không thể có : nàng có thể nói với tôi những câu tôi không chờ đợi. Nàng riu rít như chim, và tâm hồn chúng tôi hoàn toàn hướng về sự thỏa mãn và thoải mái thể nhị. Vì chúng tôi cùng đã có rồ bô, nên chúng tôi biết khoái cảm khi giao hợp chỉ hoàn toàn là một xúc động của cơ thể. Khoái cảm không còn bí mật, mê ly như người thời xưa cảm thấy. Trừ

trường hợp, như tôi mới nhận ra từ ít bữa nay, mỗi khi Nhung và tôi gần gũi nhau thì khoái cảm đã biến đổi, vừa là sự thỏa mãn cơ thể, vừa là sự thỏa mãn một mong chờ, một luyện nhớ.

Nhung và tôi còn gần nhau trong thử thách có hơn một tháng nữa.

Khi có đầy đủ dữ kiện, máy điện toán sẽ trả lời nàng với tôi có hợp tính nhau được lâu dài không. Nếu máy trả lời "có", chúng tôi sẽ được phép có con với nhau, và sẽ được làm lễ kết hôn để tạo lập gia đình để nuôi dạy những đứa trẻ. Những đứa trẻ mà chúng tôi sẽ thương yêu, vuốt ve, và chỉ bảo cho những gì hay nhất, đẹp nhất mà chúng tôi được biết. Rồi đến năm 15 tuổi, chúng sẽ từ biệt chúng tôi để vào đời và trở thành công dân — như "nước mất bạo giờ cũng chảy xuôi", chúng không có bổn phận gì đối với chúng tôi, mà chỉ có bổn phận đối với tương lai — nhưng điều đó thuộc một vấn đề khác, tôi sẽ nói đến trong một trường hợp khác.

Còn hôm nay, tôi rất mừng vì được thấy

rõ cuộc sống của tôi, từ bây giờ, có đến hai ý nghĩa. Tôi yêu Nhung và sẽ xây dựng một gia đình hạnh phúc với nàng. Nhung sẽ sinh nữ, sẽ dành một phần lớn ngày giờ để nuôi nấng và dạy dỗ mấy đứa con của chúng tôi. Và sau này, khi con cái đã thoát ly, vợ tôi sẽ có dịp thuận tiện để giúp tôi trong công việc nghiên cứu của tôi. Nhiệm vụ bảo đảm sự truyền tiếp một nòi giống tốt đã được bảo đảm — Cầu mong cho các con tôi đều được xác nhận vào giai cấp tài năng ! — Chúng tôi sẽ cùng nhau giúp ích cho sự tiến bộ chung của nhân loại.

Phải bốn trăm năm nhân loại mới từ sự hiểu biết mà đạt tới sự thực hiện hòa đồng. Còn tôi, tôi phải chờ đến cái "khóa trình tiến" mới được mở mắt chào đời, chào lần thứ hai, chào thật sự. Như bây giờ tôi chào các bạn đọc của tôi. Vì, kìa, nàng đã đến. Nhung đã đến kia rồi.

Xin quý vị người lớn đừng chế giễu tôi. Dù sao tôi cũng còn trẻ đại, mới hơn năm mươi... Tôi, chúng tôi, còn phải sống bốn trăm năm nữa mới bằng tuổi quý vị !

NGUYỄN MẠNH CÒN

NGUYỄN NGỌC TÂM

góp ý kiến về vài vấn đề thuộc toán lớp 5 (nhất cũ)

Cách đây 4 năm trên Văn số 73,74, nhà văn NGUYỄN MẠNH CÔN có viết một bài nhan đề *Một vấn đề văn hóa : Tác dụng của Quy tắc tam suất*. Bài viết nhân một bài của nhà văn NGUYỄN HIẾN LÊ đăng trên Bách Khoa, đúng hơn do cuốn *vài ý nghĩ của giáo Mưu* do thầy giáo VŨ NGÔ MƯU; và được chia làm 2 phần. Phần đầu ông đề cập đến các « cái lệ » ($1m^2 \times$, 1 cây + ...), trình bày vài bài toán giải theo quy tắc tam suất rồi nhân đó nói đến sự ích lợi của phép lý luận này. Phần thứ hai ông đề nghị một lý thuyết giáo dục cho Việt Nam... Bài được viết đã khá lâu, nhưng hình như chưa có ai góp thêm ý kiến gì, nhắc nhở tới lần nào — thiết nghĩ sự im lặng đó không những làm buồn lòng các tác giả vốn thiết tha quan tâm đến sự giáo dục các em, mà còn chẳng ích lợi gì cho các em, nếu không muốn nói là có tội. Nên tôi đem bức thư viết đã lâu định gởi cho ông Nguyễn Mạnh Côn khai triển, viết thêm thành bài này, hy vọng góp được đôi ý kiến thô thiển.

Tôi xin phép được thưa trước tôi còn là học sinh. Nên không dám lạm bàn đến phần sau, một lý thuyết giáo dục. Ngay phần đầu, như tôi đã nói, tôi chỉ là một học sinh, trong những năm qua nhờ đi dạy kèm nên có dịp

suy nghĩ về vấn đề mà thôi. Những ý kiến đưa ra sau đây, do đó, hẳn còn rất nhiều sai lầm, thiếu sót. Tôi mong mỗi được quý vị có thẩm quyền hơn sửa sai, bổ khuyết cho.

Trước hết tôi sẽ xin cố gắng giải quyết vấn đề « cái lệ »... Sau đó tôi xin trình bày đôi ý kiến về sự lợi hại của lối học áp dụng công thức ngày nay...

«CÁI LỆ» $1m^2 \times$.

Trước cái phép tính diện tích học sinh thường đặt $1m^2 \times$... Thí dụ khi làm bài toán : Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật chiều dài 30m, chiều rộng 18m ; các em sẽ đặt tính là $1m^2 \times 18 \times 30$.

Câu hỏi được đặt ra là $1m^2 \times$ do đâu mà có ? Tại sao phải đặt thế ? có cần thiết không, nghĩa là có thể bỏ đi được không ? Nửa : trong phép tính trên 18, 30 là 18, 30 gì ? 18, 30 mét ?

Xưa nay, học sinh chỉ biết đặt $1m^2 \times$ trước các phép tính diện tích mà không hiểu, không được giải thích tại sao. Đề rồi lâu dần được coi như một tập quán, « cái lệ ». Làm thầy Mưu nghĩ nhớ : « *Phải chăng vì thời ấy những khái niệm về métre carré, métre cube mới du nhập nước ta,*

nguyễn ngọc tâm

(1) VÀI Ý NGHĨ CỦA GIÁO MƯU — VŨ
NGO MƯU. Dẫn theo NGUYỄN MẠNH CÔN (3)

(2) Nghĩ về "vài ý nghĩ của giáo Mưu". Nguyễn
Hiền Lê. BK 19... (?)

(3) Nghĩ về "nghĩ về vài ý nghĩ của giáo Mưu"
hay là một vấn đề Văn hóa : tác dụng của quy tắc
tâm suât. Nguyễn Mạnh Côn. Văn số 73, 74.

(4) Thí dụ trong thức $R = \frac{PI}{s}$, tính bằng ohm,

p : ohm — cm, l : cm, s : cm². Ta thấy hình như
cm ở p nhân với cm ở l rồi chia cho cm² ở s :
hết. Còn lại ohm ở p thành ohm của R . Phải
chăng sự quan sát này cũng đưa đến việc lập
phương trình thứ nguyên để kiểm soát sự đồng nhất
của các công thức ?

(5) Đã có không gian vector tất cũng có không
gian không phải-là-vector thí dụ không gian mà trong
đó nội luật cộng không phải là một nhóm cộng
Abel : hay nội luật cộng không hiện hữu...

NGUYỄN NGỌC TÂM

VŨ VĂN KHANH

tình yêu của con kỳ lân

1.

Truyện xảy ra trong khung cảnh thanh bình của một thôn lý thô sơ thuần phác tại miền bắc Việt Nam trong khoảng, cuối thế kỷ thứ chín. Làng đó ở giáp cánh đồng lầy bát ngát; dân cư thưa thớt sống yên ổn trong những mái nhà lá giống nhau. Giữa làng là một viên đình đồ sộ, có lầu son gác tía, của một vị đại thần hồi hưu họ Trần. Đứng sừng sững giữa nơi thôn dã tối tăm, với tất cả vẻ hoa lệ đài các nơi chung đình, viên đình này chẳng khác miếng gấm vá trên mảnh áo nâu.

Trong viên đình có tiểu thư Tú Anh con vị quan họ Trần. Sống trên nhung lụa Tú Anh có vẻ đẹp sắc sảo khuê các khác hẳn với những cô gái cùng lứa tuổi sống trong làng.

Ở đầu làng kia làng nơi giáp với đồng lầy một thiếu nữ quê mùa, với sắc đẹp quá tầm thường và cái tên nôm na Cồn. Dân làng thường gọi cái Cồn bán rau.

Trong làng, một thanh niên sống đời lang tử với bầu rượu túi thơ, ngâm hoa vịnh nguyệt. Nét mặt tuấn tú, sức vóc bơn người, tiếng vang như chuông đồng, chàng có tên là Giang Tử. Gái trong làng như cô chết mê chết mệt nhưng chẳng ai được chàng để vào mắt xanh.

Một buổi chiều thu, chàng từ quán rượu ngoài chợ về nhà khi qua cửa sau của viên đình, chàng chợt thấy Tú Anh tiểu thư đứng

trong sân sau ngó ra ngoài. Chàng vừa định đảo bước qua mau, thì bỗng Tú Anh chạy ra gọi giật lại:

— Giang Tử, hãy vào đây. Có chút việc muốn nhờ anh.

Giang Tử quay lại thấy nàng lộng lẫy cao quý trong chiếc áo lụa trắng mỏng tà dài, tay rộng, trông như một thiên tiên giáng thế. Tóc đen như màu đêm, mặt sáng như trăng rằm, hai mắt to và đen láy sắc như dao, cặp lông mày vòng nguyệt song môi thẳng, miệng cười chúm chím với đôi môi hồng mọng như đón mời. Giang Tử thấy xao xuyến trước sắc đẹp mê hồn đó. Đầy lòng tự ái của tuổi trẻ và đầy mặc cảm của địa vị thua kém, Giang Tử trả lời vắn tắt:

— Xin lỗi tiểu thư, tôi không có việc gì cần phải gặp tướng công. Giờ đã muộn tôi xin về.

Tú Anh nói:

— Tướng công đi vắng rồi. Quan tuấn phủ mới đến trọng nhậm tỉnh nhà hôm nay bày tiệc khoản đãi tướng công. Tiệc sẽ kéo dài suốt đêm. Còn gia nô trong nhà, tôi cho nghỉ về thăm nhà hết rồi.

Hãy vào chơi đã. Vội về làm chi.

Giang Tử lúc đó bị sắc đẹp thu hút dữ dội, chẳng nghĩ gì hơn thiệt, phải quấy, tiến

thăng vào nơi cửa sau tới gần chỗ Tú Anh đứng. Mắt chàng như dán vào thân hình kiều diễm của thiếu nữ, đầu óc chàng lâng lâng như lại chốn thiên thai. Tú Anh cũng ngấm ngấm chàng trai với thân hình vạm vỡ với dáng dấp, mã thượng phong lưu không quê mùa vùng đại như phần lớn trai trong làng. Nàng ra hiệu bảo Giang Tử đi theo. Qua sân sau vào đến hàng hiên của tòa nhà chính, Giang Tử nhận thấy có bảy nhiều thống và chèo bằng sứ Giang Nam cỡ vô gia bảo ? Qua phòng khách với những bộ ghế đầu và sập gụ cùng những yên kỷ, trên bày đồ sứ cổ hoặc ngọc ngà trông choáng cả mắt. Giang Tử chỉ kịp liếc qua vì còn vội i theo Tú Anh. Nàng đưa chàng vào căn phòng trong có lẽ là của riêng nàng. Phòng này nhỏ hơn phòng khách và trang trí một cách đơn giản hơn. Giữa phòng trên chiếc bàn bằng vân lý mộc có bày đối diện nhau hai cái bát bằng ngọc thạch để trên hai cái đĩa cũng bằng ngọc thạch, hai đôi đũa ngà đầu có nạm vàng, và mỗi bên ba chiếc ly bằng thứ ngọc màu sắc khác nhau. Tú Anh nói :

— Anh đừng ngạc nhiên, vì dù làm gì cũng phải ăn trước đã. Những món ăn hôm nay là một tay em làm lấy hết, mặc dầu từ xưa giờ em ít có vào bếp.

Giang Tử như người mất hồn, chỉ biết ăm ừ không nói được câu gì. Chàng ngồi xuống, một bên ghế nhìn mấy cái ly bụng nghĩ chắc mỗi lọ dùng để uống một thứ rượu và rượu chắc phải là những loại tuyệt hảo tự bên Tàu mang sang như Mai Quế Lộ, Sứ Quốc Công. Trong khi đó Tú Anh vào nhà trong bưng ra bốn món đựng trong những đĩa bằng bạc trạm trổ có nắp dầy. Nàng đặt lên bàn, và bắt đầu rót rượu vào những ly trên bàn, ba thứ rượu khác nhau mà Giang Tử chưa từng được uống bao giờ. Tuy những món cao lương

mỹ vị có ngon là lạ miệng thực, nhưng lúc đó Giang Tử như đắm chìm trong ánh mắt của Tú Anh nên chàng không thưởng thức được hương vị các món ăn. Chàng nhắm nháp vài miếng rồi lại ngưng. Tú Anh :

— Từ nơi cửa sổ mở rộng trước mặt chúng ta, ánh trăng rằm hôm nay sẽ chiếu vào và lúc đó cũng là giờ chúng ta hưởng tốt đỉnh hạnh phúc.

Nàng nói xong lại cười bí hiểm.

Hết tuần rượu này đến tuần rượu khác Giang Tử cứ uống, Tú Anh lại rót.

Sau khi tiệc tàn, Tú Anh vào trong lấy ra một thứ rượu đựng trong cái bình nhỏ xiêu bằng ngọc lưu ly, và rót ra cái ly cũng bằng thứ ngọc đó, dâng lên tận môi Giang Tử. Giang Tử lúc đó đã ngà ngà say, nhưng vẫn còn tỉnh trí hồi :

— Rượu gì đây ?

Tú Anh đáp :

— Đây là rượu mà trên trần gian này không ai có trừ em ra. Tên nó là Thanh Mai Kỳ Hương. Cách chế hóa nó rất là kỳ ảo bí mật chỉ có em biết bí quyết đó thôi. Chàng uống đi. Mặt trăng sắp lên cao rồi. Đã đến giờ chúng ta hưởng lạc thú.

Giang Tử uống một hơi cạn ly, rồi đứng dậy tiến tới bên nơi cửa sổ, trong khi Tú Anh dọn dẹp các thứ vào phòng trong. Giang Tử thấy cơ thể căng phồng sinh lực. Một sự ghèm muốn về thể xác rạo rức trong lòng. Vừa lúc đó Tú Anh bước ra thân hình mê ly ẩn hiện trong tà áo lụa mỏng. Giang Tử quên cương vị, quên giai cấp, quên vũ trụ, quên thời gian, tiến tới bên Tú Anh định ôm lấy nàng chàng không ngờ Tú Anh né tránh tài thể chàng quay lại với thêm cái nữa, nhưng

không trùng. Tú Anh lấy cây tỷ bà trên giường và ngồi vào ghế xa nơi Giang Tử đứng. Nàng nói :

— Làm gì mà vội thế. Lúc nào trăng lên là giờ của chúng mình. Để em đàn anh nghe nhé.

Tú Anh nắm ngón tay búp măng trắng muốt đặt trên cung bức cây đàn. Điệu nhạc lâng lâng như ru hồn vào cõi mộng. Không dân được lòng thêm nữa. Giang Tử nhẩy lại về Tú Anh. Nàng lại tránh được và hạ đàn xuống, nàng chạy quanh ra nơi cửa sổ. Giang Tử chạy theo. Giữa lúc đó trăng thu đêm rằm sáng lên một cách khác thường, làm lu mờ phần nào ánh đèn trong phòng, Giang Tử vừa định ôm Tú Anh, thì cảm như một cái gì đập mạnh trong óc anh, và cảnh vật quanh mình bỗng tối sầm lại mặc dầu anh vẫn mở mắt trừng trừng. Bóng tối trở thành đen thẫm, một màu đen anh chưa từng thấy bao giờ, không phải là màu đen của màn đêm không trăng sao, hoặc khi nhắm mắt ngủ. Đây là một cảnh tượng chói trắng như vực thẳm ghê hồn. Giang Tử quờ quạng, bỗng chạm vào ngực Tú Anh. Anh vừa định nắm lấy cánh tay nàng, thì nàng đã chạy mất rồi. Giang Tử sờ lên mặt than.

— Tú Anh cho ta uống thuốc làm ta đi rồi.

Đứng góc phòng bỗng tiếng cười chế tiếu mỉa mai của Tú Anh nổi lên. Giang Tử phần bị thêm khát xác thịt dẫy vò, phần lòng tự ái bị chạm mạnh, nên nghe tiếng cười của Tú Anh, chàng càng thấy ham muốn, và chạy lại phía góc phòng. Không ngờ chân chàng đụng phải cái ghế, làm ghế đổ chân ngang đường và trong khi bất ngờ, Giang Tử vấp phải ngã bõ về phía trước. Ông chân đập phải ghế làm chàng đau điếng, chàng lồm ngồm bò dậy. Tiếng

cười lại nổi lên, chàng lại đuối, cứ thế chạy quanh phòng, lúc thì vấp phải cái nọ lúc thì đập phải cái kia. Sau cùng trán chàng vấp vào cánh cửa bươu lên và máu ra lênh láng. Chàng ngừng lại thở hổn hển và nói :

— Tôi đuối rồi tôi đuối rồi. Tú Anh ơi.

Tú Anh thân nhiên trả lời :

— Ta biết, khỏi cần nói.

— Tại sao Tú Anh làm cho tôi đuối ?

— Ta coi mi chỉ là con vật đàn ông thôi.

Nói rồi lại cười. Giang Tử lại đuối.

Tú Anh gọi :

— Người yêu ơi ! ta ở đây cơ mà.

Giang Tử nhẩy lại thì cả thân mình vạm vỡ đâm vào cái yên kỷ trạm trở khúc khuỷu, làm chàng bị thương ở nhiều nơi trên mình.

Tú Anh nói :

— Chưa một thằng đàn ông nào chạm được vào mình ta cả. Và cũng sẽ không có thằng nào sau này được diễm phúc gần ta.

Giang Tử lúc đó quên đau quên mệt chỉ thấy sự thèm muốn tràn dâng như nước thủy triều trong lòng. Chàng có biết đâu Tú Anh chỉ là một thứ phù thủy có tà thuật có bùa phép, đã chế ra thứ rượu Thanh Mai Kỳ Hương cho chàng uống để làm đuối con mắt. Cuộc trượt đuôi cứ tiếp diễn mãi cho tới khi Giang Tử bị thương cùng mình, mồ hôi tuột ra ướt đầm hết áo. Lúc đó chàng đã đuối sức, và không còn thèm muốn cái gì nữa. Tú Anh bỗng sà lại bên cạnh hai tay ôm lấy 2 vai chàng và đặt nhẹ cái hôn lên má lên môi Giang Tử. Giang Tử vừa định phản ứng thì Tú Anh đã vút chạy mất rồi. Chàng lại đuối, lần này cốt bắt được để bóp cổ cho nàng chết đi mới hả dạ. Tiếng cười mỗi lúc một xa. Hương

theo tiếng cười Giang Tử rảo bước, và lúc sau thấy sương khuya tạt vào mặt mới biết là mình đã ra ngoài lâu dài rồi. Chàng đi lúc nửa thì đầu đụng vào tường. Chàng men tường và tới một gốc cây trong vườn. Chàng leo lên và cố tìm lối thoát ra ngoài. Lên đến ngọn tường, bỗng thấy choáng váng sa sầm mặt mày, Giang Tử lao đảo và ngã nhào xuống. Chàng chỉ kịp biết mình rơi xuống bãi cỏ ven ở phía ngoài tường bao quanh lâu đài, đau lịm người đi...

2.

Tận cuối làng nơi giáp với cánh đồng lầy bát ngát, cô Côn chất phác thuần hậu sống một mình trong mái nhà tranh thô sơ giản dị. Cô có khu vườn trồng rau và nhiều thứ cây ăn quả. Sống hồn nhiên với lòng tốt thiên nhiên, hình như cô sinh ra trong đời chỉ để nhận lãnh và không có gì muốn làm hại cô. Sâu bọ cũng tránh không phá hại rau quả của cô. Các thứ cỏ dại cũng không thấy mọc trong vườn. Ngày ngày quảy rau ra chợ. Bán hết cô trở về căn nhà vun tưới khu vườn. Nhìn ra nơi đồng lầy bát ngát cô Côn nhiều lúc có ý nghĩ tìm cách vượt qua sang tới khu đồi bên kia, trèo qua khu đồi. Côn tưởng tượng chắc phụng cảnh đẹp lắm, hoặc ít nhất cũng có những gì mới lạ mà mình chưa thấy bao giờ. Từ thửa tấm bé, Côn không bao giờ có ý nghĩ đi ra nơi đồng lầy đó, vì chỉ có bùn nước bần chân mà thôi. Rồi một hôm Côn đánh bạo sẵn vác thực cao lội xuống nơi đồng lầy, và cứ thế dò dẫm từng bước thận trọng đi mãi đi mãi. Mấy ngọn đồi trước mặt gần dần lại, và sau gần hai tiếng đồng hồ Côn đã tới chân đồi. May cánh đồng lầy không có chỗ nào quá sâu, nên Côn không bị sa lầy. Nghỉ ngơi trong mấy phút cho đỡ

mệt, Côn bắt đầu leo lên ngọn đồi. Khi sang tới bên kia, cô thôn nữ không khỏi ngạc nhiên vì ở chân đồi trong một thung lũng nhỏ là một cái hồ nước trong như lọc. Quanh hồ liễu rủ thướt tha, phù dung như cười trong gió. Tiếng chim sáo sạc.

Từ hôm đó Côn mỗi khi buồn lại mò ra đây ngồi bên hồ, thả cho ý nghĩ và mộng mơ bay bổng trong không trung. Côn thấy mình sung sướng, nhưng còn thiếu một cái gì khiến cho nàng thảnh thơi trong lúc chiều tà thường thấy bằng khuân, như nhớ nhung ước muốn. Thì ra rằng đã tới tuổi yêu, mà vẫn bị cảnh cô thân lẻ bóng. Rồi một hôm nàng nghĩ tới một người mà nàng đã gặp nhiều lần ngoài chợ. Một người đàn ông vạm vỡ, có sống mũi cao có đôi mắt sáng thường vào quán rượu gần sạp nàng bán rau uống rượu ngâm thơ. Tiếng chàng ngâm lạnh lạnh như tiếng chuông đồng. Nàng thấy có cảm tình đặc biệt với người đó, và dần dần lúc ngủ cũng như lúc thức, thấy thương mến người đó quá. Nhưng chỉ thế thôi, làm sao mà làm quen được với người đó. Minh chỉ là cô bé bán rau ở chợ, ai mà làm quen với mình. Nhưng có người đề yêu. đề ắp ủ trong mộng là được rồi. Côn không cần được yêu lại. Yêu một chiều như nàng có cái lợi là bù đắp những thời giờ trống rỗng bằng sự tưởng tượng những cảnh âu yếm thơ mộng còn có khi hay đẹp thậm thiết hơn sự thực ở ngoài.

Một hôm đương ngồi mơ mộng bên hồ trong như pha lê, nghe chim liu lo như kể chuyện trên cành nàng bỗng có cảm giác là một sự gì lạ sắp xảy đến vì, thoắt ở đầu chạy ra đứng đàn hàng hai bên một lối đi từ trong bụi rậm phía bên kia hồ. Rồi các loài chim bay là là xuống và rón đều trên không thành những điệu vũ mê ly. Côn không dám thờ

Tình yêu của con kỳ lân

mạnh, hồi hộp đợi chờ. Phút sau quả nhiên một vật có sừng và bốn móng bằng vàng, lông cò mượt như nhung, từ trong bụi xuất hiện như một đám mây trắng. Vật đó ngưng bèn bờ hồ cúi xuống uống nước hồ. Lúc đó mắt của Côn gặp cái nhìn của vật kia và nàng nhận thấy tất cả một vũ trụ hiền hòa đồn hậu. Cả một biển tình thương trong đó.

Con vật đã uống nước trong như pha lê và ai cũng biết rằng nước chỉ trong như pha lê khi con kỳ lân uống.

Kỳ lân đã ngưng bên hồ bao lâu? Khi Côn như sự tỉnh thì đã không thấy Kỳ lân đâu. Có bé khóc tự hỏi:

— Tại sao Kỳ lân không ở lại lâu chút nữa tại sao uống rồi đi ngay?

Nhìn thấy kỳ lân xuất hiện là một điều buồn, vì người ta không thể nhìn thấy lần thứ hai nữa. Nhưng được nhìn thấy kỳ lân là một niềm phúc ít ai có được.

Rồi Côn trong lúc cảm hứng đặt một khúc hát

Trời đã khá khuya trăng đã lên cao khi nàng lồm bồm lội về. Nàng thấy buồn thăm thía, và sau khi rửa chân thay áo ấm, Côn thất thểu đi về phía chợ. Nàng cũng không biết là vào chợ giờ này làm gì? Tìm chàng lãng tử chăng? hay là buồn thì đi cho có việc. Đường từ nhà nàng ra chợ phải qua khu phía sau viên đình của Tú Anh. Côn đương đi ven tường bỗng thấy từ trên ngọn tường phía trước mặt một bóng đen rơi xuống. Trong chớp mắt bóng đen đã nằm quằn quại và sóng sượt ngay nơi gần chỗ nàng đứng. Côn vội chạy lại, thì thấy đó là người đàn ông đương rên rĩ. Nàng nhận thấy ngay là người của lòng nàng. Và người đó đang thút thít khóc như đứa trẻ con. Đúng người nàng yêu, anh chàng lãng tử hay ngâm

thơ có thân hình vạm vỡ đáng đắp phong lưu mã thượng, giờ đây bị thương, máu me đầy mình mặt mũi sưng húp, quần áo tả tơi đương ôm mặt khóc.

Với một thiếu nữ si tình thì đây là cơ hội để nhận lãnh đề chia sẻ tất cả những đau đớn, buồn khổ của người yêu.

Nàng nói:

— Anh nằm yên, có em đây. Sẽ hết đau ngay.

Ngón tay nàng nhẹ như lông hồng thoa trên mặt Giang Tử. Đoạn nàng luồn tay xuống lưng Giang Tử cố đỡ chàng ngồi dậy. Mặc dầu chàng nặng, nhưng Côn rất khỏe. Nàng nhìn quanh, thấy đây là mặt lộ, nằm sợ bất tiện, nàng cố diu Giang Tử sang một đồng cỏ ven đường.

— Sang đây anh. Cố gắng có em đỡ.

Sang tới một chỗ bằng phẳng, cò mượt như nệm tơ, nàng cố gắng đặt chàng nhẹ nhàng xuống. Nàng vội từng nắm cò mềm làm thành cái gối êm, đặt đầu Giang Tử gối lên và cời áo ấm mặc ngoài của mình đắp lên cho chàng. Sương thu bắt đầu xuống nhiều. Trời rất lạnh. Quanh đó không có nước. Côn lấy chiếc khăn tay lau nhẹ những vết máu dính trên mặt Giang Tử. Chàng được áo nàng đắp lên nhưng vẫn còn rét run. Mồm lẩm bẩm:

— Đồ khốn kiếp. Đồ yêu quái.

Côn nằm sát lại ôm lấy chàng cho ấm thêm và nói:

— Anh nằm im. Chỉ trong phút nữa là anh ấm ngay.

Giang Tử cầu nhàu:

— Mặc tao. Mày cứ việc lăn trốn, tránh né tao đi. Mày hại tao. Trời sẽ hại mày.

Còn chẳng hiểu chàng nói gì nhưng cũng trả lời :

— Em trốn anh hồi nào ? Anh hiện đau lắm mà. Em không bao giờ rời anh. Em hứa không bao giờ rời anh.

Giang Tử nằm im nhưng mồm vẫn không ngớt lầm bầm chữ thề.

Còn nói với giọng như ru ngủ :

— Anh nằm yên. Em kể cho anh nghe một chuyện tuyệt vời ngoài sức tưởng tượng mà chính em đã chứng kiến. Ở bên kia đồng lầy vượt qua ngọn đồi, đó anh biết là cái gì ? Là một cái hồ nước trong như thủy tinh, có liễu có phù dung và các thứ cây hoa khác. Cảnh vật tinh mịch một cách dị thường.

Giang Tử ngắt lời :

— Mây là yêu quý, mây kể chuyện cả bằng một ngàn thứ giọng. Mây tưởng lừa được ta à ? Tuy giọng mây khác, nhưng ta biết chắc vẫn là mây. Mây đi đi, ta không thêm đuổi theo mây nữa.

Còn ôn tồn nói :

— Hãy nghe em đây. Em không bịa chuyện đâu. Không phải truyề : thần tiên trong trí tưởng tượng đâu. Đây là sự việc xảy ra có thực hẳn hoi mà chính mắt em đã chứng kiến. Em không nhầm mà. Em không mê ngủ mà.

Nơi đó cách đây độ bốn dặm đường ở ngoài cánh đồng lầy. Em nhắc lại ở đây có một cái hồ, nước trong vắt chưa từng thấy. Quanh hồ có liễu rủ và nhiều cây hoa nở bốn mùa. Em biết tại sao nước lại trong thế.

Giang Tử im lặng không trả lời. Chàng thở mạnh thấy toàn thân còn đau ră rời. Chàng rùng mình.

Còn tiếp tục nói :

— Con kỳ lân uống nước ở đây, rên nước trong. Chính mắt em nhìn thấy kỳ lân anh à.

Giang Tử vẫn im lặng, Còn nói tiếp :

— Em làm một bài ca, tuy lời văn thô thiển nhưng chân thành :

Nói đoạn, Còn ca khe khẽ một bài hát tả chân những gì nàng chứng kiến hôm trông thấy kỳ lân xuất hiện. Nàng kết luận.

— Mà chính em thấy thực. Anh có tin lời em không ?

Giang Tử đáp :

— Ta chỉ biết ta mù rồi, mù rồi. Mây còn mang chuyện huyền thoại kỳ lân nói với ta làm gì nữa.

Còn nói :

— Tội nghiệp anh quá. Biết làm sao bây giờ.

Giang Tử tay quờ quạng tìm nắm được tay Còn. Chàng vuốt ve, lật đi lật lại, rồi siết chặt trong tay mình. Bỗng chàng ngồi nhồm dậy nói lớn :

— Mây ở đây thực à ?

— Vâng em ở đây, em ở cạnh anh và mãi mãi.

— Tại sao ? Tại sao mây bày ra các trò này.

Tại sao làm cho ta mù. Bây giờ ta nắm được mây rồi. Mây có chạy lên đường trời cũng không thoát.

Giang Tử ôm chặt thân hình nhỏ thon của Còn trong hai cánh tay khoẻ mạnh của chàng. Chàng từ từ nắm ngả xuống. Còn rúc đầu vào ngực chàng.

Phút sau nàng bỗng giật mình, kêu lên một

Tình yêu của con kỳ lân

Tiếng khe khẽ rồi lịm đi trong cái ôm tha thiết của Giang Tử ?

Giang Tử đẩy Côn ra và nói một cách tàn nhẫn rằng :

— Từ rầy trở đi mày hết hy vọng bất kỳ lần nữa. Mày không còn trong trắng nữa. Đồi mày coi như tàn rồi. Thôi đi đi. Đừng để tao phải bóp cổ mày chết.

Nói xong Giang Tử gơ tay tát trái lên mặt Côn. Côn vừa xoa má vừa khóc vừa nói :

— Anh điên rồi, Anh bình rồi.

— Đi mau, không, mày chết bây giờ.

Côn sợ quá vội vùng đứng dậy chạy. Giang Tử vút theo cái áo ấm của nàng làm nàng vướng chân suýt ngã. Nàng vừa chạy vừa thồn thức khóc.

Sau khi Côn đi rồi, Giang Tử bỗng thấy trong người khoẻ khoắn lạ thường, các vết thương hình như bình phục trong chớp mắt, không thấy đau đớn dăm dút như trước nữa. Chẳng thấy khoan khoái trong lòng vì tưởng tượng đã trả thù được người con gái đài các, và từ nay người đó sẽ không bao giờ hy vọng bất được kỳ lân. Tục truyền rằng, chỉ khi người con gái còn trinh, thì mới khuất phục nổi kỳ lân mà thôi. Chẳng ngờ thiếp tới sáng. Khi ánh bình minh đập vào mắt khiến chàng bừng tỉnh, thì lạ thay, chàng lại nhìn thấy cảnh vật quanh mình. Chàng không mù nữa. Rượu Thanh Mai Kỳ Hương của Tú Anh chỉ có hiệu lực một đêm mà thôi.

3.

Ba tuần sau, khi Tú Anh đương đi ở ngoài chợ thì bị một bàn tay cứng như sắt nắm

lấy cánh tay và lôi vào góc một căn nhà đổ. Tú Anh không giắt mình, không run sợ, và thoáng nhìn nàng biết là ai rồi.

Nàng chậm rãi nói :

— Buông ta ra. Đừng mó vào người ta.

— Ta muốn mi nói với ta một điều. Chỉ một điều thôi, và phải hứa là sẽ nói.

Giọng của Giang Tử đánh thép cương quyết và rắn chắc như bàn tay nắm Tú Anh. Tú Anh xuống nước :

— Ta sẽ nói tất cả cái gì mi muốn. Nhưng buông ta ra.

Giang Tử ngần ngừ đôi chút, nhưng rồi buông Tú Anh. Nàng nói như muốn thách thức :

— Mi muốn gì ?

Nàng nhìn soi mói Giang Tử từ đầu chí chân và thấy các vết thương đều đã khỏi rồi. Mặt chàng mở tròng tròng trong sáng. Một nụ cười bí hiểm độc ác hé nở trên môi Tú Anh.

Giang Tử hỏi :

— Ta muốn biết : tại sao, vì lý do gì, mi đã làm ta điều đứng như thế. Tại sao mi dàn cảnh với bữa tiệc huy hoàng với tiếng đàn giọng hát, với cửa sổ bóng trắng rồi chuốc ta chất rượu độc, rồi khinh miệt chế riếu ta... Mi muốn được ta rất dễ mà. Có phải chỉ đặc biệt đối với ta, mi mới làm thế.

Tú Anh đáp :

— Đặc biệt đối với mi ? Không, mi nhầm. Chỉ là Cẩn trọng mi mà thôi.

Giang Tử sửng sốt :

— Trước ta, đã có kẻ bị như thế à ?

Tú Anh gặt đầu :

— Mỗi lần trắng rằm, và gặp hôm thân phụ ta vắng nhà, là xảy ra một chuyện tương tự.

— Mi nói láo. Nếu thực thế thì ta đã biết chuyện.

— Những đứa đến trước mi, cũng như mi sẽ quên chuyện này, sau khi vết thương bình phục. Và không đứa nào nói với đứa nào, nên mi không biết. Chuyện mất danh dự như thế, thuê tiền cũng chẳng đứa nào dám hé răng, vạch áo cho người xem lưng.

Chính chuyện bất hạnh của mày, mày đã nói cho bao nhiêu thằng bạn mày biết rồi? Chắc chưa. Vậy đây là tất cả sự thực.

Giang Tử hỏi :

— Tại sao mi làm thế. Mi chỉ là đồ phụ thủy đồ yêu quái...

— Ta đã nói cho mi biết rồi : Ta là đàn bà ta hàng động theo ý thích của đàn bà. Nhưng không một thằng đàn ông nào đụng vào ta được. Không bao giờ. Ta còn trinh và còn trinh mãi mãi.

Giang tử cười gằn :

— Mi còn gì ? Nói lại coi. Còn trinh; trời !! Mi còn trinh. Hãy nghe ta đây : Đêm hôm đó, mi có kể cho ta nghe câu chuyện cái hồ trong như pha lê, có con kỳ lân xuất hiện tới cạnh hồ uống nước rồi mi lại hát cho ta bài ca của mi làm. Ta còn nhớ lõm bõm vài câu đề ta hát lại cho mi nghe.

Tú Anh ngắt lời :

— Làm gì có chuyện đó. Mi khỏi hát, ta có kể chuyện gì cho mi đâu. Mi điên rồi khùng rồi.

Giang tử nói :

— Sau khi kể chuyện kỳ lân ta còn nhớ đêm đó, mi đã nằm cạnh ta và việc phải

đến đã đến. Bây giờ mi còn phách lác là không một thằng đàn ông nào từ nay về sau có thể sờ vào người mi được. Ta đã làm cho mi không bao giờ bắt được Kỳ Lân nữa.

Tú Anh hết sức ngạc nhiên :

— Chuyện kỳ lân đối với ta hoàn toàn mới lạ. Nhất là chuyện nằm xuống bên mi và chấp nhận cho mi chiếm đoạt, lại càng kỳ hơn. Ta đã nói mi nhầm. Không phải ta mà là người nào khác.

Giang Tử, khẽ sát mặt vào mặt Tú Anh và mỗi lời nói như viên đạn bắn ra :

— Mày là đồ nói diên. Đồ hèn, không dám nhận sự thật. Cái mày mất là mày mất vinh viển. Ta không cần nói cho ai biết. Một mình ta biết là đủ rồi. Đêm đó ta tuy bị thương bị nhiễm độc, bị mù, nhưng ta vẫn nhớ những cái gì ta đã làm. Thôi đồ hèn, mày về bíp đứa khác. Ta không thèm nói chuyện với mày nữa.

Nói xong Giang tử toan quay gót bỏ đi. Tú Anh vội gọi giật lại :

— Giang tử.

Chàng ngừng bước, nhưng đứng yên không thèm quay lại. Tú Anh vội chạy lên và đứng đối diện chàng :

— Ta muốn mi tin lời ta nói là thực. Vì ta vẫn còn nguyên, và đó là cái duy nhất ta còn lại.

Giọng Tú Anh mất bình tĩnh, run run như van lơn năn nỉ. Giang Tử không khỏi ngạc nhiên. Chàng cố chấp định và nói một cách tự nhiên :

— Được, mi muốn nói thêm về cái hồ, về bài ca, về kỳ lân cũng được, ta sẵn sàng nghe. Mi không nhớ gì hết à ?

nhân yêu của con kỳ lân

— Ta không biết gì hết.

— Thì chính mi kể cho ta nghe chuyện kỳ lân ra uống nước bên cạnh hồ trong như thủy tinh. Rồi sau đó xảy ra vụ mi ngủ với ta...

— Chuyện xảy ra ở đâu ?

— Sao mi chóng quên thế. Thì ở ngay bãi cỏ đằng sau nhà mi, sau khi ta leo tường bị ngã vấp ra ngoài. Mi đã theo ta ra đấy, ở bên ta, đắp áo cho ta và mượn trốn kể chuyện kỳ lân... Và sau khi hưởng phút khoái lạc tuyệt đỉnh với mi, ta khỏi các vết thương và đến sáng, khỏi mù luôn.

Tú Anh nhìn chàng như nhìn con vật lạ từ từ nét mặt nàng thay đổi, và nàng cười rõ :

— Mi là con vật, đúng thực. Tại sao có thể làm ta với một người khác. Đêm đó, ta không có theo mi ra ngoài. Mi ngã xong, ta trở về phòng như thường lệ đối với những các nạn nhân khác đã sa vào lưới ta, và làm vào cùng một tình trạng bị đất như mi. Có con bé nào khác thấy mi nằm chết giấc, đến cứu mi. Không phải ta.

Giang Tử tái mặt còn cố nói câu nữa :

— Chính mi đã theo ta.

Tú Anh thề :

— Ta lấy linh hồn thề với mi. Ta không theo mi.

— Không thể nhầm được. Ta tình trí lắm mà.

— Nhưng mi mù, mi có trông thấy gì đâu. Mi nhầm.

— Ta chưa thấy đứa đàn bà nào nham hiểm như mi. Mi nói điều, mi nói dối.

— Vậy bây giờ ta phải làm gì để chứng tỏ sự thực ? Nghĩa là chứng tỏ ta còn trinh nguyên ?

— Thì mi thử bắt con kỳ lân xem có được không. Chỉ gái còn trinh mới bắt nổi nó.

— Nếu ta bắt được nó, mi có tin ta còn trinh không ?

— Lễ cổ nhiên phải tin. Nhưng mi mà còn trinh à ? Ta nghi lắm.

Giang Tử bỏ đi, Tú Anh còn nhìn theo hồi lâu. Mặt nàng sáng lên và nàng vội rào bước tới tiệm thợ bạc ở chợ, rút trong bọc ra ba lạng vàng y bảo đánh cái cương bằng vàng để nàng dùng bắt Kỳ lân.

4.

Về nhà Tú Anh nghĩ cái hồ Kỳ lân, theo lời Giang Tử, ở bên kia cánh đồng lầy, một nơi ít ai đi tới, trừ một thiếu số ở quanh gần đấy. Nàng nhắm lại số người ở giáp đồng lầy và chợt nghĩ ra cô bé bán rau. Và nàng đã suy luận ra tất cả sự thực. Nàng cười lớn, khoái trí. Đồng thời Tú Anh cũng đem việc định bắt Kỳ lân đem về nuôi, nói với thân phụ nàng. Thân phụ nàng không tin là có Kỳ lân, cho đó chỉ là truyện huyền thoại, nhưng vì chiều con gái nên để mặc nàng hành động tùy theo sở thích.

Hôm đó nàng ra chợ tìm tới sạp rau của Cồn. Nàng ngừng lại trước sạp mỉm cười và nói một cách đột ngột.

— Thì ra là cô, tôi không ngờ. Cô lâu và gian hiểm lắm.

Tú Anh nhìn một cách soi mói nét mặt hiền hậu kín đáo, bình thần hồn nhiên của cô bé bán rau, khiến cho cô này e lệ phải cúi xuống. Tú Anh tiếp :

— Tôi mong trong 2 tuần nữa cô làm ơn chỉ dùm hồ kỳ lân ở đâu.

Còn sừng sốt ngừng đầu lên. Tú Anh nói tiếp :

— Nếu cô không bằng lòng, thì để tôi nhờ người khác

Tú Anh nói lớn. Chợt lúc đó lại đông nên nhiều người quay lại nghe câu đối thoại giữa hai thiếu nữ. Còn trả lời :

— Có gì mà tôi không bằng lòng, thưa tiểu thư. Tiểu thư muốn biết nơi đó, tôi sẵn sàng dẫn đường, bất cứ lúc nào tiểu thư muốn.

Dân làng bắt đầu bàn tán, nhất là sau khi anh thợ bạc tiết lộ ra việc tiểu thư Tú Anh đặt đánh cái giấy cương bằng vàng, một chuyện từ trước chưa thấy xảy ra bao giờ. Họ biết là Tú Anh đánh giấy cương vàng để bắt kỳ lân. Và hôm Tú Anh và Còn đi về hướng đồng lầy, thì già trẻ lớn bé trong làng cũng lũ lượt theo đi để chứng kiến. Tú Anh dẫn đầu tay cầm cái cương Nàng kiều hãnh. Đi sau là Còn cúi thủi thua kém về mọi mặt. Tú Anh không một lúc nào thêm đoái hoài tới Giang Tử đương trầm ngâm đi một mình. Tú Anh hỏi Còn :

— Sự thực thế nào nói cho ta nghe.

Còn trả lời vắn tắt :

— Tôi yêu anh ấy.

Còn sờ vào giấy cương vàng và hỏi :

— Nếu quả tiểu thư dùng giấy cương này bắt được Kỳ lân, thì tiểu thư sẽ làm gì ?

— Để nuôi làm cảnh chứ còn làm gì nữa.

— Tôi thì muốn xin tiểu thư đừng bắt nó.

— Cô điên khùng. Thả nó ra làm gì. Đến mười cô cũng không xin được tôi thả nó ra.

— Vậy mà tôi tin là tôi có thể làm cho tiểu thư thả nó ra được.

Mọi người đã lên đến ngọn đồi thì ai nấy đều trầm trở kinh ngạc vì cảnh hồ ở nơi thung lũng bên kia đẹp quá. Họ không ngờ giữa nơi sinh lầy lại có một chỗ thanh khiết ngoạn mục đến thế Giang Tử quát to :

— Mọi người đứng yên trên này. Không ai được xuống bên hồ cả.

Mọi người theo lời và ngồi la liệt xuống thăm cỏ ven đồi. Chỉ có ba người là Tú Anh, Còn và Giang Tử tiến xuống cạnh hồ. Tới lúc đó Tú Anh mới thêm ngó Giang Tử và hỏi :

— Mi đến làm gì ? Chuyện ta bắt Kỳ lân liên hệ gì đến mi. Đáng lẽ mi nên đứng trên đồi với dân làng.

— Ta xuống để xem việc làm cỏ chân chính không. Ta biết mi gian hiểm, nên đến để phòng ngừa.

— Được nếu mi muốn. Ta cũng rất thích, có Còn cùng xuống nữa.

Còn thấy Giang Tử cùng xuống nên ngăn ngại. Tú Anh biết ý nói :

— Cô em cứ xuống. Nó không đánh cô đâu. Sự thực thì nó có biết cô là ai đâu.

Còn sừng sốt kêu lên : Trời !

Giang Tử nghe thấy vội thanh minh :

— Cô ấy bán rau ngoài chợ, cả xóm biết sao tôi lại không biết.

Tú Anh quay lại Giang Tử :

— Chú em nên về thì hơn. Đã bị hạ nhục một lần không chưa sao ?

Giang Tử không đáp tiếp tục đi xuống. Tú Anh nói khẽ :

— Đồ ngu. Mãi chỉ là con vật bướng bỉnh. Nếu ta không chắc hoàn toàn ở ta, thì đời nào ta dám đến đây hôm nay để làm trò cười cho thiên hạ. Vậy mà mi cũng lẻo đẻo theo làm gì

Định mệnh của con kỳ lân

Giang Tử chậm rãi :

— Ta biết. Nhưng ta cứ đến, để xem mi làm được gì.

Ba người đã xuống tới ven hồ. Tú Anh ngồi xuống thăm rêu xanh mượt như tơ.

Còn đứng dưới gốc liễu. Còn Giang Tử thì đi đi lại lại. Tú Anh để sẵn chiếc dây cương vàng trên đầu gối hầu quàng vào cổ kỳ lân một khi nó đến gần. Mọi người đều hồi hộp chờ đợi. Lúc lâu sau bỗng thấy tiếng người xôn xao trên đồi.

Và con kỳ lân đã từ trong bụi tiến ra đầu ngẩng cao nhìn ba người, rồi lại nhìn lên ngọn đồi. Nó đi ven theo những gốc liễu tới nơi thăm rêu. Nó nhìn xuống mặt hồ trong vắt rồi cúi xuống uống nước. Nó quay lại nơi ba người im lặng nhìn nó. Nó từ từ tiến lại không phải tới Tú Anh hoặc Côn, mà tới trước Giang Tử. Mắt nó nhìn đắm đắm vào mắt Giang Tử để uống cái nhìn của chàng như uống nước trong hồ. Trong cái nhìn đó, Giang Tử cảm thấy có tình thương chan chứa, nhưng cũng có thoảng nổi giận hờn. Giang Tử cảm thấy kỳ lân đã biết tất cả sự việc của ba người. Rồi kỳ lân như bỗng bả quay đi và từ từ tiến lại phía Tú Anh, Tú Anh thở dài khoan khoái nhòm người lên đưa cương ra phía trước, sẵn sàng quàng vào đầu kỳ lân, kỳ lân quỳ xuống nhận lãnh... nhưng thoát một cái nhanh như chớp, nó giật mạnh, dây cương tuột ở tay Tú Anh ra, và nó hất đầu về phía sau khiến cái cương văng ra xa và rơi xuống mặt hồ. Vừa tới mặt hồ, hồ bỗng biến mất, và khoảng đất đó biến thành vùng lầy. Chim chóc sợ hãi tán loạn bay đi. Trước sự sống sót ngạc nhiên tốt đẹp của Tú Anh,

Tú Anh ở phía kia thét lên :

— Không phải nó. Kỳ lân làm rồi.

Nói đoạn nàng như con hổ cái nanh vuốt xò ra, nhảy xổ lại phía Côn nhưng vấp phải Giang Tử đứng chắn lối. Tú Anh hôn hừ.

— Chính mi cũng biết là lão. Không phải. Mi và con bé kia đã...

— Tiểu thư con quan ới ! Thế là ta thỏa mãn rồi. Mi về đi.

Tú Anh với dáng điệu thất bại ghê gớm trước cái nhìn nghiêm khắc của Giang Tử vội quay đầu chạy lên đồi. Những tiếng cười vang nổi lên từ đám dân làng chứng kiến, như những mũi tên đâm vào tim Tú Anh. Tú Anh cứ chạy, tiếng cười cứ đuổi cho tới lúc bóng nàng khuất bên kia ngọn đồi. Và tiếng cười đó còn vang vọng bên tai người con gái độc ác mãi mãi về sau.

Giang Tử quay lại nơi Côn ngồi, có con Kỳ lân đứng cạnh.

Nàng vỗ về kỳ lân và nói :

— Thôi Kỳ lân đi đi. Ta trả tự do cho mi.

Con Kỳ lân ngẩng đầu lên nhìn đắm đắm vào mắt Giang tử. Chàng như chợt hiểu điều gì, tiến lại bên Côn :

— Vậy ra là em. Em thứ lỗi anh không biết.

Côn mắt nhòa lệ :

— Đáng lý anh biết. Anh không bao giờ biết mới phải : Lúc đó, em mừng rằng anh đã bị mù, và không bao giờ biết sự thực. Và bây giờ anh đã vỡ mộng.

Giang Tử ngồi xuống bên Côn. Trong khi đó con kỳ lân lấy mũi chà vào má Côn vài cái, trong nháy mắt sắc đẹp thiên nhiên vẫn ẩn dấu trong

người cô gái chất phát phúc hậu đó bỗng xuất hiện sáng ngời trên khuôn mặt trở nên tinh anh kỳ lạ.

Con Kỳ lân quay đầu nhảy ba bước tới khu đồi đối diện và thoát biến trong bụi cây

Còn buồn rầu ;

— Vì chúng ta, kỳ lân đã hy sinh làm trái đạo trời, để mất luôn cái hồ thanh khiết của nó.

Giang Tử dịu dàng cầm tay thiếu nữ :

— Mất hồ này, nó sẽ có hồ khác lo gì. Đất Trời không bao giờ phạt nó vì nó đã tỏ lòng tốt của nó một cách phi thường.

HUỖNH PHAN ANH

chuyển đi sau cùng

Chiếc xe lỏ rời bến, bỏ lại vùng tiếng động phía sau. Tuấn nghe nhẹ người, ngã thân ra sau lưng ghế, cổ xua đuổi lần sau cùng nhưng âm thanh hỗn độn đã trở nên quen thuộc đến nhàm chán. Từ nãy giờ, chàng chỉ mong cho xe chất đủ hành khách để chạy. Sự sốt ruột khiến chàng cúi kính hơn mọi ngày. Và chàng đã kịp nhận ra thái độ kỳ lạ của mình qua tiếng « không » lạnh lùng, cắt ngắn, gằn mạnh của chàng dùng để trả lời đứa bé bán bánh mì đang cố nài nỉ chàng mua cho bằng được. Đâu phải là chàng không hề mót tiền mua trong những trường hợp tương tự (chàng đã từng biết tới những hôm thức muộn, chỉ còn đủ thì giờ rửa mặt, thay quần áo, chạy bay ra đường đón xe tới bến, không kịp tấp vào quán café đầu ngõ uống vội một ly café sữa nhỏ, ăn một cái bánh bao hoặc thông thả hơn, gọi một tô hủ tiếu, để rồi phải ăn vội vã ngay trên xe vừa canh chừng lúc xe ngừng đợi qua cầu hầu nhanh tay mua nước chanh hay café người ta đựng trong bao nylon). Đâu phải chàng là con người khó tính, hay nóng giận vô cớ. Có lẽ chàng mãi bận rộn với những ý nghĩ không đầu. Cũng có thể chàng mong đến sớm. Chung quy đó chẳng qua chỉ là một thói tật đã trở thành máy móc mỗi khi bước lên một chuyến xe, sửa soạn một cuộc hành trình.

Tuấn loay hoay tìm cách biện minh cho thái độ có phần giả tạo của mình. Thật khó

lòng tìm cách giải thích nào cho yên ổn. Rõ ràng sáng hôm nay, chàng không có lý do gì để hối hả đến đổi phải cúi kính. Dù cho sáng hôm nay, dù cho một hôm nào khác. Đường như công việc và đời sống quen thuộc ngày ngày chưa bao giờ có vẻ như thúc giục, đòi hỏi chàng phải nhanh hơn mức độ bình thường (ngược lại chúng cũng không cho phép chàng chậm trễ, buông thả). Bởi vì mọi sự đối với chàng dường như đều đã được sắp đặt trong những khuôn khổ, những giới hạn tự chúng đã không đòi chàng phải cố gắng lắm. Đó chỗ là những khuôn khổ, những giới hạn của một con người bình thường. A ! Chàng chỉ là một con người bình thường với những công việc rất bình thường, với một đời sống cũng rất bình thường.

Xe đỗ ra con đường một chiều chạy thẳng về phía ngoại ô. Trời đã rạng sáng. Tuấn xem đồng hồ như để được vững bụng hơn về giờ giấc. Từ chiếc băng ghế, chàng nghe có tiếng cầu nhàu của một người đàn bà. Lắng nghe thì đó là lời phân bua (với ai ?) về chỗ ngồi của đứa bé con ? cháu ? em ?) lẽ ra phải mua giấy lý do đơn giản là nó hãy còn nhỏ quá chưa đến đổi chiếm một chỗ ngồi như người lớn. Nghe những tiếng cầu nhàu đó, tự nhiên chàng khẽ mỉm cười vu vơ một mình. Chàng quên mất con một dường như đã đến với chàng lúc mới bước lên xe. Chàng quên mất việc tìm

kiếm lý do của những nỗi bức dọc nhỏ nhỏ sáng nay (đêm rồi chẳng thức rất muộn, chẳng có nhớ điều đó?).

Người tài xế như không nghe thấy gì, lạnh lùng móc thuốc hút. Đầu hắn khẽ nghiêng sát bên chiếc volant trong lúc hắn chăm diều thuốc bằng cây diêm quẹt bật nhanh và cũng tắt rất nhanh. Hắn rít một hơi thuốc dài trông ngon lành, khiến Tuấn cũng nảy ra ý nghĩ hút một diều thuốc. Nhưng chàng không thực hiện ý nghĩ đó, có lẽ vì lười biếng, cũng có lẽ vì ngại những cử động và khói thuốc sẽ làm khó chịu người bên cạnh. Trong giây phút sắp tới có lẽ chàng sẽ không tự cấm đoán mình nổi mà đành phải đốt diều thuốc. Ngay lúc đó tự nhiên không hiểu vì một nguyên do nào Tuấn chợt liếc nhìn về phía bên cạnh. Có thể đó chỉ là một cái liếc rất tinh cò, không chủ tâm, không ẩn ý, thúc đẩy bởi một bản năng tự nhiên nào đó. Kể ra sự việc không đến nỗi gọi là khó hiểu khi người ta đang ngồi trên một chuyến xe, tâm hồn lơ đãng chợt nhận ra sự hiện diện của một kẻ lạ mặt đang ngồi lặng thình bên cạnh mình, và người ta thấy cần phải nhìn trộm kẻ ấy ít ra một lần. Tuấn nhận ra cho tới lúc bấy giờ, chàng chỉ có một ấn tượng, một cảm giác thật mơ hồ về người đồng hành bên cạnh mình: một kẻ nào đó không biết ngồi sát bên chàng từ lúc nào, một bóng dáng xa lạ, nín thở, mờ ảo, một sự hiện diện không tên tuổi, không mặt mày, không giống phách. Tuấn cũng không nhớ rõ trong hai người ai là kẻ bước lên xe trước cũng như họ đã ngồi cạnh nhau trong trường hợp nào (có lẽ vì lúc bốn giờ trong xe hãy còn đầy bóng tối và vì lúc bước lên xe chàng để hồn mình bay bổng tận đâu đâu...). Một người đàn bà, có thể một cô gái — Tuấn nghĩ — đang ngồi trong một dáng điệu vô cùng bình thản, mặt

hướng nhìn thẳng về phía trước. Nàng không sốt ruột bao giờ — Tuấn lại nghĩ — và cũng không buồn ngắm nhìn, trông chừng đường sá, cảnh vật bên ngoài bởi tất cả có thể không xa lạ gì, bởi có thể nàng đã quá quen thuộc với cuộc hành trình này, bởi sớm muộn gì trong khoảng một giờ đồng hồ tới đây chiếc xe sẽ đưa nàng tới nơi nàng định tới, bởi... Như vậy, diều ngó ngàng của Tuấn («ngó ngàng», chàng nghĩ) là trên chuyến xe thường nhật về tỉnh lỵ miền Đông hôm đó, chàng như một kẻ nằm mơ, cho tới lúc chợt liếc nhìn về phía bên cạnh, nhận ra (với một chút bàng hoàng) cái bóng dáng lặng lẽ hiện diện từ bao giờ, nhận ra tấm thân nồng nàn sát kề bên thân thể chàng, và chạm vào chính thân thể chàng và đồng thời nhận ra chính mình.

Người đàn bà (vâng, đó là một thiếu phụ trẻ, tuổi trạc 27, 28 gì đó) ngồi thu mình, hai tay khoanh trước ngực, mắt nhắm nhắm nhìn về phía trước, nét mặt như thoáng dăm chiêu nghĩ ngợi tạo cho nàng một dáng vẻ khép kín, nghiêm trang, khắc khổ. Nàng ngồi lặng thình bên Tuấn. Nàng ngồi lặng thình trong ý nghĩ của Tuấn, dưới cái nhìn của Tuấn. Khuôn mặt nhìn nghiêng với con mắt đen, sâu, chiếc mũi thẳng, đôi môi khẽ mím lại dưới làn son mỏng. tất cả xuất hiện như một nỗi chờ đợi không đầu, một niềm thách thức âm thầm dưới cái nhìn soi mói của kẻ khác. Nhưng nàng tỏ ra không hay biết gì về cái nhìn đó. Hoặc phải nói một cách khác, nàng không biểu lộ một xúc động, một phản ứng nào dưới cái nhìn của người thừa sự nhay cảm để đoán biết, nghe thấy. Hoặc phải nói một cách khác nữa, nàng đang giam giữ chế ngự một cách hoàn hảo mọi xúc động, phản ứng của mình. Một nét buồn nhẹ nhàng phảng phất trên khuôn mặt. Một vẻ đẹp kín đáo toát ra từ cái bóng dáng bất động. Đó là ý

chuyển đi sau cùng

ngồi sau cùng của Tuấn trước khi quay mặt đi, sau cái nhìn lên lút.

Ai đã lên tiếng trước tiên? Ai đã bẻ gãy niềm im lặng, đánh tan bầu không khí xa lạ và đầy bí ẩn đang trùm phủ lấy hai người trên chuyến xe ló về tỉnh lỵ miền Đông hôm đó? Ai đã, sau cùng, thú thật sự thua cuộc của mình trong trò chơi của sự im lặng bằng cách lên tiếng, mở lời, khởi đầu câu chuyện, tức là một cách nào đó, bắt đầu một cuộc chơi khác?

Chiếc xe ló ngừng lại bên đầu cầu, nối đuôi theo những chiếc xe khác. Trời đổ mưa. Trời đổ mưa từ bao giờ. Con mưa có vẻ bất thần đối với Tuấn mặc dù chàng thừa biết mình đang ở vào những ngày mưa và trời vẫn hay mưa vào những buổi sáng như vậy. Tự nhiên chàng thốt lên nho nhỏ trong một cảm giác bàng hoàng:

— Mưa.

Thật ra đó chỉ là một tiếng chép miệng tự nhiên gần như vô nghĩa, một phản ứng tự động, không kèm chế được. Mưa. Mưa từ lúc nào. Sao trời lại mưa.

— Mưa.

Tiếng "mưa" thốt lên từ phía bên cạnh, nghe như một lời phụ họa, một tiếng nói biểu đồng tình. Tiếng nói, ở ngoài sự chờ đợi của người nghe, đã vô tình đáp lại một sự chờ đợi âm thầm, kín đáo ở Tuấn, một sự chờ đợi mơ hồ, không tên tuổi, khó lòng nhận ra một cách rõ ràng. Tiếng nổi, và cả giọng nói thốt lên trong lặng lẽ nhưng, kỳ lạ thay, lại có tác dụng của một sự gọi mời thách thức. Tiếng nói như cánh cửa mở ra trước kẻ lạ mặt. Tiếng nói như một cái vẫy tay chào đón vừa ngỡ ngàng, vừa thân thiện. Phải chăng chính cái tiếng nói đó đã giúp chàng, (dù chàng có mong đợi

hay không) một cơ hội để đến gần, làm quen với người thiếu phụ có nét mặt lạnh lùng đến khắc khổ, người bạn đồng hành xa lạ trên chuyến xe ló ngày hôm đó. Cuộc sống làm nên từ những chuyển xê dịch hằng ngày đã đặt chàng trong biết bao nhiêu trường hợp tương tự như vậy: người ta gặp nhau trong xa lạ, người ta chia tay nhau trong đứng đưng, với một niềm luyến tiếc bằng quơ và cũng không kém phần lãng mạn sẽ tàn lụi tức thì sau đó trong những nhịp điệu và những cơn xô đẩy tàn bạo của những sinh hoạt thường ngày. Tuấn tự hỏi sự tình cờ nào đã đặt hai người vào câu chuyện, đã dẫn dắt hai người mãi miết trong câu chuyện đó (chàng vốn không có thói quen bắt chuyện một cách dễ dãi, lại càng không có sở thích về những cuộc phiêu lưu vật vãnh trong những trường hợp tương tự: điều này có thể giải thích bằng tính khí lơ đãng, nhút nhát của chàng, nhút là nhút nhất chàng chỉ là một thằng bé nhút nhát...). Sự tình cờ? Liệu có phải là sự tình cờ khi một kẻ tự nhiên thốt nên lời cho một kẻ khác đáp lại, sự tình cờ khi người ta bắt chuyện làm quen với nhau và tự nhiên trở thành đôi tâm hồn bạn tự lúc nào không hay biết (sự việc có thể xảy ra như vậy được không?). Tuấn nhận ra một điều là về mặt trầm ngâm, lạnh lùng của người thiếu phụ dường như chỉ dùng để che đậy cái phần hồn sôi nổi, nồng nàn bên trong. Phải chăng nàng đã chỉ đợi Tuấn khơi dậy câu chuyện, một cách nào đó giúp nàng thoát khỏi niềm im lặng đang giam giữ, khóa chặt lấy nàng, một cách nào đó, tạo cơ hội cho nàng lên tiếng, bộc lộ, giải bày: những mâu thuẫn nho nhỏ, bình thường, rất tầm thường cũng nên, những mâu thuẫn bắt đầu từ đó người ta, nếu cần, có thể truy nguyên một tâm hồn, một cuộc sống, một thân phận. Hẳn đó là một tâm hồn mang

những nhiều tâm sự, quá buồn khổ cũng nên, một tâm hồn cô đơn, rất có thể, cần được an ủi, vỗ về. Bởi khuôn mặt đó, cái nhìn đó, đáng về đó, tất cả như toát ra một vẻ dăm chiêu, tất cả như nói lên một nỗi niềm u ầu. Tuấn tưởng tượng. Liệu chàng có quá chú quan trọng trí tưởng tượng của mình. Liệu chàng có được phép tưởng tượng quá nhiều trên tâm hồn đối với chàng hãy còn quá xa lạ kia. A ! Tất cả có lẽ chỉ do trí tưởng tượng của chàng mà ra. Chàng đã vô tình biến người đàn bà thành một nhân vật tiểu thuyết với đầy đủ những chất liệu lãng mạn và bi thảm. Tại sao chàng không nghĩ một cách đơn giản hơn : đó chẳng qua chỉ là một người đàn bà bình thường sống giữa những con người bình thường khác trong một cuộc sống cũng không kém phần bình thường. Bởi thật ra hai người (người đàn bà và Tuấn) đã trao đổi với nhau những gì ngoài những lời lẽ rất mực đơn sơ liên quan tới những sự việc thường tình của cuộc sống hằng ngày. Bất luận ở đâu, lúc nào và với ai, người ta cũng có thể bắt gặp những câu chuyện như thế. Thế mà, kỳ lạ, tại sao chàng tự nhiên cho chúng có một tầm quan trọng tưởng có thể làm lay chuyển dòng đời của chàng tự nó quá bằng phẳng, im lìm (tưởng tượng một tâm hồn vô tư lý chưa từng biết đến một cuộc gặp gỡ tình cờ, một cuộc phiêu lưu kỳ thú.),

— Đây là đâu ?

Người đàn bà hỏi Tuấn, giọng vu vơ, mắt liếc nhìn ra cảnh vật bên ngoài. Tuấn cũng đảo mắt nhìn ra phía ngoài, nói :

— Người ta gọi đây là Đồng Chó Ngáy

Người đàn bà gật đầu nhẹ. Tuấn nói (tiếp), cái tên gọi nghe cũng lạ, không hiểu nó có từ đâu, nhưng kể ra cũng khá đúng với

khung cảnh bát ngát khô cằn này. Người đàn bà lắng nghe, vẻ mặt chăm chú như tổ cáo với Tuấn phần nào mối liên hệ giữa nàng và vùng đất nàng đang tới. Chàng đánh bạo hỏi :

— Bà không phải người ở đây ?

— Dạ không

— Bà đã đến đây lần nào chưa ?

— Dạ chưa

— Bà ở Saigon ?

— Dạ không.

Người đàn bà cho biết nàng ở một thành phố miền cao nguyên. Nàng vừa mới xuống Saigon được mấy hôm nay. Và nàng có chút việc phải đến tỉnh lỵ miền Đông này. Một mình ? Người đàn bà đáp trong một nụ cười phớt nhẹ, một mình như ông thấy đó. Một người đàn bà qua các thành phố. Một người đàn bà với niềm bí ẩn của riêng mình. Liệu Tuấn có thể biết được gì hơn nữa về người đàn bà xa lạ đang ngồi sát bên chàng, đang lắng nghe, đang lên tiếng, đang bộc lộ, đang ẩn dấu. Sự thật chỉ có vậy. Có thể sự thật chỉ có vậy. Tại sao chàng không bằng lòng với sự thật đơn giản đó. Tuấn có cảm tưởng rằng ngay từ lúc khởi sự làm quen với người đàn bà, chàng đã đánh cuộc với chính mình, chàng đã bày ra một trò chơi kỳ lạ trong đó chàng là kẻ đặt ra điều lệ đồng thời đóng vai trọng tài, một trò chơi trong đó địch thủ không hề được báo trước, một trò chơi hay đúng hơn là một cái bẫy giăng ra, chờ đợi con mồi ngờ ngác bước tới.

Tuấn nói về tỉnh lỵ cao nguyên, nơi người đàn bà đang ở (làm việc ?) cũng là nơi chàng đã từng sống một thời gian, khi còn đi học, nghĩa là khi chàng còn trẻ, nơi chàng còn lưu giữ nhiều kỷ niệm có thể nói là đẹp

Chuyến đi sau cùng

nhất đối với chàng. nơi bạn bè chân r giờ đây không biết ai còn ai mất hoặc tàn lặc ở phương nào.

Người đàn bà hỏi ông không trở về đó bao giờ ?

Tuân lắc đầu, không, thấm thoát đã bảy, tám năm rồi còn gì, không biết thành phố đó có gì thay đổi.

Người đàn bà hạ thấp giọng, buồn, buồn lắm.

Tuân : nhưng có lẽ đâu cũng thế.

Người đàn bà : thời chiến có khác.

Im lặng. Tuân chăm diều thuốc. Về mặt chàng trở nên mơ mộng, xa xôi hơn. Chàng tiếp tục nghĩ đến thành phố bé nhỏ của kỷ niệm và quá khứ vừa được gọi lên trong câu chuyện. Chàng ít có dịp sống lại những rung động về một thời đã mất. Chàng vẫn sống như một kẻ không hề có một đời sống ở sau lưng mình: sống ngu ngơ, phó mặc cho những đũa đầy của giòng đời mù quáng. Có phải là lỗi ở chàng? Tuân nói bao nhiêu lần rồi chàng đã định thu xếp để trở lại thành phố đó một chuyến nhưng lần lựa mãi đến bây giờ vẫn chưa thực hiện được ý định. Người đàn bà nói, vậy không có thì giờ ?

Tuân nói trái lại tôi có rất nhiều thì giờ không để làm gì, thế mà... Tuân nói về nghề nghiệp chàng, cái nghề buồn tẻ với những tác động, những ngôn ngữ phải lập lại mỗi ngày, với những kinh kệ không sức sống phải rao giảng trong một thứ giáo đường đã suy sụp niềm tin. Chàng nói về một tâm hồn đã cần cỗi chính là chàng. Chàng nói về một nếp sống buồn tẻ, vô vị chính là nếp sống chàng đang sống. Thế nào là một cuộc đời đáng sống, đáng ước mơ. Đầu là cuộc đời thật. Chàng

nói. Chàng nói. Trong sự chăm chú lắng nghe của người đàn bà (Tuân nói quá nhỏ ? Tiếng đông cơ quá lớn ?), những lời lẽ của Tuân, rời rạc và đứt khoảng ; như đang cố gắng một cách khốc khản và vô vọng, như đang tìm cách vượt qua những gian nguy và hiểm trở, để câu chuyện được tiếp tục. Chàng nói trong ám ảnh của những khoảng trống đang rình rập đầu đây. Chàng đã nói những gì. Hay thật ra chàng chỉ nói để câu chuyện gây ồn, để lời nói có có tiếp tục, lời nói trở thành cơ hội của chính lời nói, lời nói dùng để gọi chính lời nói.

Người đàn bà nói, ông không có về một ông thầy. Lời phát biểu có vẻ thành thật và thân thiện. Tuân nói, như để sửa lại câu nói của người đàn bà, tôi không có về một ông thầy gương mẫu. Người bà nói, sao ông không thử đổi sang một nghề khác. Tuân cười, giọng nửa đùa nửa thật, có lẽ tôi ngại mình sẽ tệ hơn. Người đàn bà nói, ông có vẻ bi quan. Nàng còn muốn nói gì thêm nhưng lại thôi. Niềm im lặng nàng để lại sau câu nói cùng cái khốc nhìn của nàng lúc đó, như đám chiều như lo lắng, chợt khiến Tuân ngỡ ngàng, hốt hoảng. Chàng đã nói với nàng những gì. Có phải đó là những tâm sự của một con người đang ở vào giây phút chân thật nhất của mình, một tâm hồn âm u khép kín vừa tìm được cơ hội bộc lộ. Có phải đó là những tình cảm, những bản năng yếu đuối, uơnh hèn đã từng được ấp ủ từ lâu. Có phải đó là niềm bí mật của trọn một đời người. A ! Chàng đã rơi vào chính cái bẫy của mình. Chàng trở thành nạn nhân trong một cuộc chơi do chính chàng xếp đặt, điều khiển. Quả thật hôm nay chàng nói hơi nhiều. Cái gì đã thúc đẩy chàng lên tiếng, đã giữ cho lời nói của chàng được liên tục, đã không cho phép nó dừng lại được nữa. Tội nghiệp cho chàng. Đáng kiếp cho chàng. Chàng chỉ là một chú bé con ngoan ngoãn dưới

cái nhìn của kẻ khác, sẵn sàng thổ lộ can trường của mình cho kẻ khác, sẵn sàng cầu cứu tới một tâm hồn bạn biết lắng nghe, biết đón nhận, biết thương yêu. Nhưng, chàng nghĩ, ngay cả những điều đó có ý nghĩa gì đáng kể. Tại sao phải quan trọng hóa mọi sự. Tại sao không quan niệm tất cả những gì xảy ra cho tới bây giờ chỉ là một trò chơi vô hại dùng để giết thì giờ. Người ta gặp nhau trên những bước đường rong ruổi, đổi trao dăm ba câu chuyện để rồi sau đó mỗi người một ngã, mất hút trong cuộc đời rộng lớn, tâm hồn trở lại đứng đưng như lúc nào. Tuân nhủ thầm, ừ, câu chuyện chỉ có thế, nhưng đồng thời chàng thừa hiểu rằng đó chỉ là cách chàng trấn an chính mình. Chàng không còn tự nhiên nữa. Chàng đã đánh mất sự bình thường từ bao giờ. Bởi tâm hồn nơi ngủ đã choàng tỉnh giấc. Bởi cái bóng êm đềm chợt lay động, rung rinh.

Chiếc xe lô đã bắt đầu vào tới quận lý châu thành. Người đàn bà ghé mắt nhìn ra ngoài, quan sát. Tuân hỏi nhanh :

— Bao giờ bà trở về ?

Người đàn bà đáp :

— Dạ khi xong công việc

— Chắc là khó gặp nhau lại. Xin chúc bà may mắn

— Cám ơn.

Khuôn mặt người đàn bà không biết từ lúc nào đã trở nên lạnh lùng hơn bao giờ hết. Bao nhiêu ước muốn trong Tuân chợt tắt phụt. Những giây phút sau cùng trở nên thừa thãi lạ lùng. Chàng loay hoay không biết nói câu gì mãi cho tới khi xe vào bến, người đàn bà vội vàng bước xuống quên cả việc từ giã chàng.

— Tôi được người lao công trong trường cho biết chỗ trọ của ông. Tôi nghĩ có thể ông đã về Saigon. Nhưng người lao công cho biết có thể ông còn ở lại vì mai sáng ông có giờ dạy. Ông ấy khuyên hay là tôi cứ đến tìm xem. Ông ấy còn hỏi tôi cần địa chỉ của ông ở Saigon không. Tôi lắc đầu nói không, tôi nói đã biết địa chỉ của ông rồi. Tôi nói dối. Không hiểu sao tôi lại nói dối như thế, có lẽ vì để cho ông ấy khỏi phải thắc mắc về mình. Ông ấy hỏi tôi là gì của ông, có chuyện gì gấp lắm không. Tôi bảo quen, bà con, có chút việc muốn gặp ngoài ra không có chi quan trọng. Tôi lại nói dối nữa. Ông thấy không, tôi lại nói dối. Tôi đến cầu may. Không ngờ gặp ông.

Trong gian phòng chật hẹp, nơi tạm trú của Tuân vào những ngày ở lại tỉnh, người đàn bà, người đồng hành buổi sáng, ngồi nơi chiếc giường, đối diện với chàng. Lớp ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn từ trong góc phòng không đủ soi rõ khuôn mặt cùng dáng điệu của nàng. Nàng có vẻ tự nhiên cởi mở hơn ban sáng nhưng cũng không che giấu được vẻ e ngại rụt rè. Lần đầu tiên nàng xuất hiện trọn vẹn, dưới cái nhìn của Tuân, cuộc tái ngộ bất ngờ, vượt ngoài sự mong đợi của Tuân không khỏi làm cho chàng bàng hoàng, lúng túng. Chàng nói chính chàng cũng không ngờ gặp lại nàng càng không ngờ gặp lại trong trường hợp này. Sự xuất hiện của người đàn bà đột nhiên đã làm sống lại cái ước muốn mờ mờ về một lần tái ngộ nào khác trong tương lai đã loé lên trong lòng chàng vào buổi sáng, cái ước muốn điên rồ, lãng mạn, không kém phần ảo tưởng, chưa kịp nên hình nên dáng đã tắt ngấm liền sau đó, đã chìm trong lãng quên tức thì sau đó. Người đàn bà nói tôi không quen biết một ai tại tỉnh lý này. Tôi là một người xa lạ hoàn toàn. Ban đầu tôi định tìm một

chuyển đi sau cùng

khách sạn nhưng tôi nghĩ có lẽ nên kiếm ông dù sao cũng quen biết ở đây và có thể giúp đỡ phần nào. Tôi chỉ ngại làm phiền ông. Tuần lắc đầu, có gì đâu, phải nói là tôi có cái hân hạnh gặp lại bà mới đúng, có lẽ bà chưa com nước gì, tôi trông bà có vẻ mệt, có lẽ bà nên ăn một cái gì, tôi đã dùng com từ chiều, nhưng không sao, tôi kiếm một cái gì uống cũng được.

Quán nằm sát bên bờ sông. Vắng khách. Chỗ ngồi ngó ra mặt sông chìm lắm trong bóng đêm dày đặc. Tuần uống một lon bia. Người đàn bà gọi một đĩa com gà xìu và một chai nước ngọt. Nàng không ăn hết đĩa com, bảo tại mệt nên không nghe đói, chỉ thấy khát nước. Tuần hỏi thăm về công việc mà nàng đã từng đề cập tới khi ngồi trên xe, lý do đưa nàng tới tỉnh lỵ miền Đông này (công việc gì nàng không hề nói rõ). Nàng gật đầu nhẹ, một cách dễ thoát thác câu trả lời hơn là dễ trả lời cho câu hỏi. Nàng trở nên lặng lẽ hơn, thỉnh thoảng phóng tầm mắt nhìn về phía bờ sông bên kia, một vùng tăm tối đầy bí ẩn, điểm lờ mờ những đốm lửa yếu ớt, lâu lâu vọng lại một vài tiếng súng lạc loài. Công việc. Nàng có thể đến đây với công việc gì, trải qua bao nhiêu đoạn đường xuyên qua bao nhiêu thành phố (một mình, một bóng, thân gái dặm trường). Trong khoảng tranh tối tranh sáng của góc quán, Tuần nhìn thẳng vào khuôn mặt người đàn bà bằng một cái nhìn táo bạo, như để tìm kiếm tra hỏi, xét nét, chàng vô tình đặt người đàn bà vào hoàn cảnh khó khăn, lúng túng. Đôi mắt sâu tối, thoáng buồn, tự động ngó xuống, tìm cách lẩn tránh cái nhìn quái ác. Khuôn mặt xương xẩu như khép lại trong niềm bí ẩn riêng tư. Tự nhiên Tuần mừng rỡ trông một tâm sự buồn khổ nào đó nàng cố tình giữ kín cho riêng mình, không được phép

thổ lộ cho một ai. Mừng rỡ trông một câu chuyện không hay đã xảy đến cho nàng, một tai nạn hay một trò đùa của định mệnh đã giáng xuống đời nàng, làm dang dở mọi công trình, làm gầy dở mọi ước muốn. Mừng rỡ trông một tâm hồn bơ vơ, trôi giạt không biết về đâu trên những bước đường rong ruổi. Mừng rỡ trông... Tuần chỉ biết mừng rỡ trông viễn vọng và đợi chờ. Người đàn bà sẽ lên tiếng, một cách nào đó trả lời cho bao nhiêu thắc mắc đang chất chồng trong đầu óc chàng bấy giờ, một cách nào đó hé lộ cho chàng thấy niềm bí mật (có thể rất đơn sơ) của tâm hồn nàng, một cách nào đó giới thiệu con người thật với những sự thật có thể rất tầm thường của chính nàng. Nhưng nàng vẫn tiếp tục im lặng. Và sự chờ đợi của Tuần mỗi lúc một trở nên vô vọng mà thôi. Sau cùng chính Tuần là kẻ mờ lờ, đánh tan bầu không khí nặng nề :

— Bà có vẻ lo nghĩ

Người đàn bà

— Dạ, không.

Nàng nói dối.

Bởi đôi mắt của nàng long lanh như muốn khóc :

— Bà có chuyện gì buồn ?

Người đàn bà không nói khẽ rút khăn tay trong ví, chậm nhẹ vào hai mắt. Nàng gượng cười. Đôi môi trông như mếu. Nụ cười héo, hon, rũ rượi. Nụ cười vương mắc hệ lụy. Tự nhiên Tuần thấy lòng mình mềm nhũn và yếu đuối hẳn lại trong một thứ tình cảm se sắt lạ kỳ mà, chàng không chút quen thuộc (có lẽ vì đời sống nếp sống ít khi đặt chàng vào một trường hợp nào tương tự, có lẽ vì tâm hồn chàng đã ngầy một mòn cũ, cứng khô, lồi thoi có lẽ...). Và rồi trong giây phút tràn trề, trọn

ven nhất của tình cảm đắm thắm nhưng cũng không kém phần sôi nổi kia, Tuấn tưởng chừng bàn tay mình đã có thể nhấc lên, tìm kiếm nắm lấy, mân mê bàn tay của người đàn bà đang nằm trên mặt bàn với từng ngón mềm dịu, ngoan ngoan. Người đàn bà chợt lên tiếng giọng dịu dàng :

— Ông nghĩ gì về tôi ?

Tuấn vừa kịp bỏ rơi ý định (ý định?) chân chất, điên rồ của mình. Một niềm xấu hổ không đầu làm tê cứng chân tay chàng. Chàng cảm tưởng người đối diện vừa mới đọc rõ hết những gì đang xảy ra trong đầu chàng. Chàng nghĩ gì về nàng ? Nhưng chàng đã biết về nàng, về người đàn bà mỗi lúc trở nên xa lạ, tiếp tục là niềm bí ẩn đầy sự quyến rũ, người đàn bà đối với chàng chưa có tên gọi, chưa có lai lịch để nhớ.

Chàng nghĩ gì về nàng ngoài những ảnh tượng huyền hoặc, nhạt nhòa, biến hoá không ngừng và có thể xóa bất cứ lúc nào. Tuấn nói :

— Những ý nghĩ không thành, dang dở.

Người đàn bà cười :

— Ông nói như một nhà văn.

— Một nhà văn "raté".

— Ông có ngạc nhiên khi gặp lại tôi không?

— Ngạc nhiên một cách thú vị. Tôi bao lâu lắm mới có thể gặp tại bà nếu sự may mắn có có tái diễn.

Câu chuyện trở nên thoải mái. Không còn những câu chuyện cũ. Không còn những hồ nghi. Chàng còn những khoảnh khắc im lặng nặng nề trong sự vắng người lặng lẽ xét nét, đợi chờ. Họ nói chuyện như hai người bạn quen thân từ bao giờ.

Người đàn bà :

— Ông có ý nghĩ xấu vào về tôi ?

Tuấn :

— Về bà, tại sao ?

— Tôi đường đột tìm đến ông.

— Thì đã sao !

— Tôi chưa quen biết ông nhiều.

Tuấn nhìn sâu vào đôi mắt của người đàn bà, không nói. Người đàn bà tiếp :

— ...Ngoài những điều ông nói trên xe.

Câu nói như chạm vào chỗ yếu của Tuấn chỗ yếu mà chính chàng không ngót ngoảnh mặt, lẩn tránh. Chàng nói :

— Dường như sáng nay tôi nói hơi nhiều

(nhủ thầm, mi nói hơi nhiều, mi chưa bao giờ nói nhiều đến thế, đáng đời cho mi, mi giảng bầy và mi xập bầy).

Người đàn bà :

— Tôi mong được tiếp tục nghe những câu chuyện mà ông đã từng kể.

— Không có gì hấp dẫn, những câu chuyện đó.

(nhủ thầm, lạ thật, nàng muốn nghe tiếp những mẩu chuyện buồn tẻ đó, nàng muốn biết thêm về cuộc đời tri tri, cứ đọng đó, tưởng tượng một người đàn bà thất lạc trong một thành phố, một tình lý đui hiu, một người đàn bà lạ mặt, tìm đến một người đàn ông chỉ để nghe tiếp những mẩu tâm sự vụn vặt, đứt đoạn rời rạc, những mẩu tâm sự chỉ có thể nói lên một cuộc đời nghèo nàn, hao hụt, một cuộc đời chưa ra một cuộc đời. Tưởng tượng...)

Người đàn bà nói, giọng đắm thắm :

— Ông có tin rằng tôi đến vì những câu chuyện đó ?

chuyển đi sau cùng

Tuân nói như nói với chính mình :

— Những câu chuyện nhảm nhí của một thằng người vô nghĩa.

— Ông hối hận ?

— Tại sao hối hận ?

— Hối hận đã gặp tôi, đã nói. Hối hận về những gì đã xảy ra cho tới bây giờ ?

Thật ra, cho tới bây giờ, những gì đã xảy ra liệu có tầm quan trọng nào đáng kể ? Hay tất cả đều tầm thường, vô nghĩa, ngẫu nhiên, không cần thiết.

Tuân nói giọng nhỏ lại :

— Tôi tự hỏi có phải lần đầu tiên tôi đã gặp một người như bà, có phải lần đầu tiên tôi đã nói nhiều đến thế, và lần đầu tiên câu chuyện tương tự đã xảy đến cho tôi...

Người đàn bà cảm động :

— Một người như tôi

— Một người dễ nói, dễ lắng nghe, dễ chuyện trò, một người, một cơ hội cho những chuyện kỳ cục nhất xảy ra. Bà có thấy chúng kỳ cục ?

— Tôi không thấy

— Thật vậy ?

— Thật vậy.

Tuân bỗng bật cười thành tiếng, ngó thẳng vào người đối diện :

— Kỳ cục nhất là tôi chưa biết gì về bà

Người đàn bà nói :

— Ông không thấy là điều đó không quan trọng gì sao ?

Tuân như bị đẩy vào thế thối thủ, không nói gì được nữa.

Người đàn bà thấp giọng, nửa như tâm sự, nửa như tự sự :

— Kỳ cục, có lẽ. Tại sao tôi còn ở lại tình lý này. Tôi không còn lý do gì để ở lại. Tôi không còn sự ràng buộc tối thiểu nào để ở lại. Tôi không hiểu được tôi nữa.

Giọng người đàn bà rung rức như muốn khóc.

Im lặng.

Không ai nói một lời nào nữa.

Người đàn bà ngồi bất động như một pho tượng.

Nàng để yên bàn tay trên mặt bàn.

Nàng để yên bàn tay trong bàn tay của Tuân — mãi cho đến khi hai người đứng dậy, rời khỏi quán, bóng họ chìm sâu vào khoảng tối tăm, giá lạnh của tình lý về đêm. Đêm đó người đàn bà ở lại trong gian phòng trọ nghèo nàn chật hẹp, của Tuân. Gian phòng trống trải, buồn như chính cuộc đời của người thanh niên độc thân, chủ nhân của nó. Sự có mặt của người đàn bà đã đánh tan phần nào bầu không khí lạnh lẽo kín bưng của mọi ngày. Tuân nói, đêm nằm ngủ, tôi có cảm tưởng đang ở trong một ngôi nhà hoang. Nhưng cái gì rồi cũng quen đi. Chẳng thú thật lần đầu tiên chàng đón tiếp một người khách ở lại ban đêm, chàng không có ai là bạn bè. Không biết từ lâu rồi chàng đã mất đi những tâm hồn yêu dấu đó, chàng mất đi hay chính chàng đã chọn một đời sống buồn tẻ, đơn độc, chàng không nhớ rõ, chàng không biết rõ. A ! Có những người bạn (tình bạn) của một thời. Và bây giờ thì chàng chỉ còn lại những đứa học trò ngày ngày gặp gỡ. Chàng chỉ có những công việc thuộc phạm vi nghề nghiệp ngày ngày phải lo toan. Nhưng học trò, chúng không thể là bạn. Và công

việc đó chỉ là những nhịp điệu hải hùng, man rợ của đời sống, đúng ra đó chính là cái chết, cái chết của tâm hồn biếng nhác, rũ liệt. Chàng hỏi, tôi có phải là con người bình hoạn không? Chàng hỏi, tôi có phải là một thằng điên không? Cái nhìn của chàng lúc đó chợt trở nên hung dữ lạ thường, nhưng chàng nói như van lơn, như cầu khẩn. Người đàn bà nói ông làm tôi sợ. Nàng nói, ông có vẻ mệt. Nàng khuyên chàng nên nằm nghỉ. Tuấn nói tôi không mệt, tôi không sao cả. Cơ xúc động tự nhiên biến mất. Tuấn nhận ra cử chỉ bất thường và vô lý của mình. Chàng nhận ra tất cả những thái độ, lời lẽ có phần kỳ lạ của chàng hôm nay. Dường như trong chàng đã có một cái gì đổi khác, bắt đầu từ một cuộc gặp gỡ rất tầm thường. Cuộc gặp gỡ, phải chăng đó là cơ hội giúp chàng nhìn lại chính mình trong một tình cảm bàng hoàng thảng thốt, như nhìn một kẻ lạ mặt, nhìn và tóm tắt tất cả cái hình thù quái đản, hải hùng của nó! Chàng đã sống một ngày không như bao nhiêu ngày khác. Một ngày khác thường, một ngày hoang đường như trong tiểu thuyết hay trong một giấc mơ, một ngày để nhớ.

Tuấn ngã lưng xuống giường, hai chân duỗi thẳng. Chàng chấm điều thuốc. Chàng lặng lẽ nhìn người đàn bà, lúc bấy giờ gọn gàng trong chiếc áo ngắn vừa mới thay, đang cúi húi dọn dẹp một sách vở bừa bộn trên bàn bằng những cử chỉ quen thuộc, thân mật chẳng khác gì một người nội trợ đảm đang. Chàng cảm thấy tâm hồn mình trong sáng lạ thường, không gọn một chút lo âu, xao xuyến. Chàng nhớ lại câu nói của nàng khi còn ngồi trong quán. Ông nghĩ gì về tôi. Chàng nhận ra rằng cho tới bây giờ quả thật chàng không hề có một ý nghĩ xấu nào về nàng, ngay trong cử chỉ đáng nghi ngờ nhất. Chàng chỉ nhìn thấy, qua bóng dáng của người đàn bà,

hình ảnh của một cái gì êm đềm, bao dung dịu ngọt. Phải chăng nàng đã đến đúng lúc, để đóng một vai trò, dù tạm bợ và ngắn ngủi trong một khoảnh khắc nào đó của đời chàng. Phải chăng nàng đã đem lại cho chàng những phút giây ân huệ, một biến cố lạ thường và kỳ thú đủ sức lay tỉnh, làm sống lại giòng đời ngái ngủ. Phải chăng chàng vẫn âm thầm mong đợi gặp lại nàng trong một lần nào khác, niềm mong đợi mơ hồ, vô vọng cũng nên, nhưng tưởng có thể làm tê điếng tâm hồn. Phải chăng một mối dây vô hình nào đó đã âm thầm ràng buộc lấy hai người, những tâm hồn thất lạc, những đứa con của sự tình cờ? Tuấn tự hỏi, tiếp tục tự hỏi về niềm bí ẩn đã mang hai người đến với nhau, đặt hai người vào một mối tương quan hãy còn mơ hồ, lờ mờ nhưng khó lòng bẻ gãy, bôi xóa.

Người đàn bà nhìn Tuấn lim dim đôi mắt, lên tiếng nho nhỏ:

— Ông ngủ?

Tuấn chớp mắt mở mắt.

— Không.

Chàng ngồi dậy. Chàng nói, tôi còn phải lo cho buổi học ngày mai. Chàng ngồi vào bàn. Chàng soạn sách từng quyển sách. Người đàn bà ngồi bên mép giường, đúng chỗ Tuấn vừa nằm với quyển sách mở ra trên tay. Tuấn hỏi bà đọc cái gì. Nàng đáp, một cuốn giáo khoa ông dùng dạy học trò. Buồn cười không. Nàng tìm kiếm cái gì trên những trang sách nhàu nát trông đến chán ghét đó. Chàng hỏi nàng có uống café không, trong phòng chỉ có món đó để mời khách. Nàng dành lấy việc sửa soạn café. Chàng chỉ ấm nước, réchaud đặt ngay dưới đất, trong góc phòng. Chàng nói chỉ có café bột. Chàng nói, tôi không phải là tay sành điệu.

chuyến đi sau cùng

Tuy vậy chàng cũng khen nàng làm café ngon và nói nàng phải là một người một nội trợ giỏi người đàn bà trở nên trầm ngâm hơn, lặng lẽ hớp từng ngụm café từ tốn. Về mặt thoáng buồn, trầm ẩn. Nàng nói tôi không quen uống café, chắc khó lòng ngủ được. Nàng hỏi, bây giờ mấy giờ. Nàng nói có cảm tưởng là nơi đây không có giờ giấc gì. Tuấn nói càng hay, nếu cần ta có thể thức nói chuyện đến sáng. Tuấn nói, chuyện Đalat, chuyện tôi, chuyện bà, tất cả. Người đàn bà cười hồn nhiên, giọng chế nhạo, ông vẫn thích nói về thành phố đó. Dường như ông cũng là một người lãng mạn. Tuấn nói, có thể. Người đàn bà nói, có phải đó cũng là lý do ông mong gặp lại tôi. Tuấn nói, có thể, có thể lắm. Im lặng. Hai người nhìn nhau, như để thăm dò xét nét từng ý nghĩ riêng tư của nhau cũng có thể để tìm tới một sự cảm thông ở ngoài lời nói, ở trong niềm im lặng. Tuấn nói, dường như ta đã gặp nhau từ trước, quen biết nhau từ bao giờ, bà có nghĩ như thế không? Người đàn bà không đáp. Tuấn nói, điều lạ là tôi vẫn chưa biết tên bà. Nàng nói, ông có thể xem tôi như một người bạn. Người bạn quen nhau từ thuở nào như ông vừa mới nói. Người bạn vô danh, người bạn của một ngày hay người bạn của một đời nếu ông muốn.

Nàng nói bằng một giọng rưng rưng như muốn khóc. Nàng nói bằng một giọng thiết tha và trù ối. Tự nhiên Tuấn nghe lòng mình mềm hẳn lại. Chàng không biết phải nói gì. Dường như chàng không hề chuẩn bị để nghe những lời lẽ táo bạo mà nàng vừa mới thốt lên một cách tự nhiên, bình thản, những lời lẽ phát xuất từ một tâm hồn gần gũi và đồng thời vô cùng cao xa đối với chàng, một tâm hồn dễ thương mến và đồng thời dễ ngưỡng vọng. Tuấn nói:

— Một người bạn, đó cũng là điều tôi nghĩ tới.

Người đàn bà nhìn Tuấn, nói với Tuấn bằng một giọng xa xôi như đang nói với một kẻ nào khác:

— Một người bạn tìm đến trong một lần gặp gỡ sau cùng.

Nàng khóc. Tuấn khẽ đưa tay vuốt nhẹ giọt nước mắt vừa lăn trên má nàng. Và người đàn bà tự động giữ lấy bàn tay xa lạ áp sát vào khuôn mặt của mình. Hai người đã ngồi trong vị trí đó rất lâu trước khi Tuấn dìu nàng đến giường, bảo bà nên ngủ kéo mền. Nàng nói không buồn ngủ, nhưng rồi nàng đã thiếp đi lúc nào không hay.

Trời về khuya, mưa bắt đầu rơi lất phất bên ngoài. Tiếng mưa chỉ làm tăng thêm vẻ trống vắng, lạnh lẽo của tình lý. Trong bóng tối của gian phòng lúc bấy giờ, tiếng người đàn bà như thốt lên từ trong giấc ngủ:

— Ông còn thức đấy à?

Tiếng Tuấn đáp:

— Còn.

— Trời mưa từ bao giờ?

— Mới đây. Con mưa đã đánh thức bà dậy.

— Tôi ngủ có lâu lắm không?

— Một hồi.

— Ông chưa ngủ à?

— Chưa.

— Ông làm gì đó.

— Tôi hút thuốc.

— Ông đang nghĩ gì đó?

— Tôi nghĩ đến chuyến đi ngày mai của bà.

Chu Tác Lâm

đọc hai cuốn sách của

Dương Nghiễm Mậu :

CÁI CHẾT CỦA...

TRONG HOANG VU (*)

Cuốn sách mỏng manh và nhỏ bé đang nằm trước mắt tôi. Tôi đã đọc nó một mạch và bây giờ chỉ còn lại trong đầu óc một cảm tưởng mơ hồ, một ấn tượng mờ nhạt, một hình ảnh chấp chờn. Cái nhan đề của cuốn sách, lúc đầu, vốn đã là một kích thích, hay đúng hơn là một khiêu khích, với sự thiếu sót cố tình, với ba chữ bỏ lửng: «Cái chết của...». Cái nhan đề thách thức sự tìm kiếm một ý nghĩa, không, một sự định danh, dễ biết là «cái chết của AI?» Và đọc xong cuốn sách người đọc nắm vững được sự thực: cái chết của một LÃO ĂN MÂY. Mà chẳng cần gì phải theo dõi đến trang cuối mới biết rõ, mà ngay ở trang đầu, qua sự dàn cảnh quán rượu và sự xuất hiện của kẻ lạ mặt là lão ăn mây trên vào thị trấn nọ, người đọc đã đoán được rằng lão ăn mây là nhân vật chính, là kẻ sẽ chết sau này với cái chết sẽ được mệnh danh là «cái chết của...». Thế thì còn gì là bí mật nữa? Vậy bí mật hẳn phải được nhìn dưới một khía cạnh khác, để người ta sẽ tự hỏi: lão ăn mây LÀ AI? Thành thử biết được «cái chết của...» là «Cái chết của LÃO ĂN MÂY» chưa phải là nắm được sự thật. Nhiều lắm, đó chỉ là một nửa sự thật, cái nửa phần tầm thường, dễ dàng. Nửa phần còn lại mới thực là bí mật: «lão ăn mây LÀ AI?» Sau cùng, tất cả những kẻ đã gặp, đã nói chuyện với lão khi lão sống và đã nhìn thấy xác lão, thấy đều không biết lão là AI.

Không biết lão LÀ AI, vậy người ta có thể biết rằng lão là kẻ «như thế nào»? *

Trước hết, dưới mắt những người dân Hàng Châu, lão là một lão ăn mây, xuất hiện trong thị trấn đúng vào mỗi tuần trăng tròn. Người ta thấy lão bước chân vào thị trấn với «một dáng người gầy yếu, bước đi chậm chạp và như không mấy chú ý tới mọi người dù lão ta ngược nhìn và mỉm cười, cái đầu gúc gúc như một đầu

(*) — «Cái chết của...», truyện, Văn Xá xuất bản, tháng 6-1971, dày 80 trang.

— «Trong hoang vu», tập truyện, Tân Văn xuất bản, tháng 9-1971, dày 140 trang.

Đọc hai cuốn sách...

tiểu chào hỏi » (trang 8). Sự xuất hiện của lão luôn luôn được chờ đợi và mọi người chú ý theo dõi lão, bàn tán không ngớt về con người lão, về những hành vi của lão. Đến nỗi sự vắng bóng bất thường của lão trở thành một đề tài sôi nổi đối với người dân trong thị trấn : « đã có lần lão không đến với kỳ hẹn không nói trước khiến cho dân chúng của coa phố chính bàn tán xôn xao, bao nhiêu dự đoán được nói tới, nào là lão đã chết, nào là lão đã chán ghét thị trấn mà không thèm trở lại, có người còn dám quả quyết là lão đã đi theo một gái giang hồ tới lập nghiệp ở nơi khác không còn làm nghề ăn xin nữa » (trang 8). Nghĩa là lão đã gọi được óc tò mò của mọi người về lão, một cách thật rộng rãi trong dân chúng ; nhưng vì sao ? Vì lão có những hành vi, cử chỉ và lời nói như thế nào ? Trước hết vì lão đã làm một việc khác thường, khác thường so với những người ăn mày hèn mọn, co ro, cúi « nhiều khi lão la cà ngay trong những nhà chứa, ngồi ngoài hiên chuyện trò đùa rôn với những gái làng chơi một cách rất tự nhiên chẳng quan tâm đến những người chung quanh » (trang 9). Và đặc biệt hơn nữa : « có lần người ta đã thấy lão lo mang một gái làng chơi bị bệnh đuổi ra khỏi cửa đi tìm người giúp đỡ, với tất cả tận tình của lão, cô gái sau đó đã trở thành một người làm ăn lương thiện và giúp việc cho người đã cứu giúp, mỗi lần lão ăn mày xuống thị trấn người con gái kia bao giờ cũng tìm gặp và gọi là cha một cách tôn kính » (trang 9). Đó là nghĩa cử cao đẹp và độc đáo khiến người dân trong thị trấn chú ý, rồi thần phục lão vì thế. Con người có dạ nhân nghĩa đó, qua nghĩa cử cứu giúp cô gái giang hồ này, đã để lộ một nét cá tính, lão là con người đạo hạnh. Bởi thế lão được những người gọi là một « thầy tu ăn xin ». Danh hiệu này còn xứng hợp với cả lối sống của lão trước mắt mọi người : khắc khổ, thanh thoát, không bao giờ nhận tiền bạc, chỉ nhận cơm gạo mà thôi (các trang 9-10). Điều đó khiến mọi người vừa kính phục, vừa thắc mắc về lão. Bởi thế, một thanh niên dò theo bước lão đến tận nơi lão ở trong rừng sâu. Trở về, thanh niên đó cho biết : « lão sống trong một cái lều nhỏ dưới một gốc cây lớn, không có gì hết ngoài một chỗ nằm được làm bởi nhiều cây nhỏ phủ lên trên một lớp cỏ khô, trong lều chỉ có một lu nước và một lu dùng để chứa những gạo xin được » (trang 10). Đúng là một cách bày biện cực kỳ sơ sài, của những nhà khổ tu trong rừng thâm ? Và ở đó, lão sống ra sao ? Theo chàng thanh niên thuật lại thì « mỗi ngày khi mặt trời lên lão cội trần ngồi phơi mình dưới nắng như một pho tượng. Sau đó lão xuống dưới suối tắm, trở lên nằm ngủ dưới bóng cây ngẫu ngao hát những bài ca do lão đặt » (trang 10). Quả là nếp sống khoáng nhiên của những đạo gia. Nhưng lão tu theo đạo gì vậy ? Lão trả lời những kẻ ưa trung nguyên tôn giáo : « đạo người, ai tu cũng được hết » (trang 10). Lại có một lần, bị người qua đường chặn hỏi lão tu đạo gì, lão trả lời : « Thừa ngài, tôi theo đạo của tôi, đạo ăn xin chẳng hạn » (trang 19). Vậy thì đạo người là đạo ăn xin ? Và thế là chẳng ai rõ được lão tu đạo gì, nhưng rõ ràng lão là một người có cốt cách của kẻ tu hành, thanh thoát, bình thản và nhất là không câu chấp — nói khác đi : lão phóng khoáng như những đạo sĩ đáng nể nhất của Lão giáo — Lão phóng khoáng và lão ưa làm điều nhân nghĩa : « lão cũng không sợ kẻ quyền quý, luôn luôn bênh vực những người bị hãm oan những người gặp tai nạn hay nghèo khó » (trang 11). Một lần, đề bênh vực cho một người dân bị lính cướp hết sản nghiệp, lão đã đến kêu nơi cửa quan phủ, lão táo bạo đến

nổi trần trường ngồi nơi cửa phủ, linh đũa thể nào cũng không chịu đi, đợi tới khi quan phủ ra lão mới trình bày thẳng với quan phủ, làm cho ông này phải hồ thẹn, lấy quần áo ra cho lão mặc. Khi lão sắp đi, quan phủ cho lão tiền, lão khăng khái từ chối và nói: " Xin quan dùng tiền đó giúp cho những kẻ nghèo không thiếu trong phủ, tôi là kẻ tu hành không cần tiền, chỉ xin cho ít gạo ăn qua ngày..." Vậy lão ăn mày đúng có tác phong của một kẻ tu hành và lão chỉ là một kẻ tu hành? Không lão còn là một người hơn thế nữa, lão tích cực hơn những người tu hành chúng ta thường thấy. Bởi lão không phải chỉ thủ thế cho những người khốn khổ mà lão còn tấn công bọn người bất chính: « dựa vào những sự thực diễn ra trước mắt, với những điều mắt thấy tai nghe những chuyện dơ bẩn trong thủ phủ, lão ăn mày góp nhặt những chuyện đó lại thành những bài về chăm chọc, chỉ trích những kẻ giàu có bất lương, những kẻ nịnh hót, ăn hối lộ, cậy quyền cậy thế trong chính quyền, mỗi lần trở xuống thị trấn lão ăn mày lại ngẫu nhiên hát những bài về đó giữa chốn đông người (...) Chính những bài về đó làm cho bọn sai nha, những kẻ cậy quyền cậy thế lo sợ » (các trang 13 — 14). Nghĩa là lão ăn mày vừa đóng vai một kẻ tu hành thanh thoát lại vừa đóng vai một chiến sĩ xã hội, lột trần bộ mặt xấu xa đê tiện của những thế lực làm sa đọa xã hội để giúp xã hội sửa chữa và tiến bộ thêm. Như vậy, người ta đã có thể thấy dụng tâm của tác giả trong việc giới thiệu lão ăn mày là ở chỗ dựng nên một mẫu người lý tưởng: vừa có tinh thần tranh đấu quả cảm, vừa có tâm hồn đạo hạnh thanh cao: Người tu si có một khối óc xã hội, có một kế hoạch hành động như một chính ủy, mập hương thức thực hiện kế hoạch lại là phương thức của một nghệ sĩ (làm những bài về phê bình cho dân chúng ca lên theo mình). Mẫu người được tác giả xây dựng ở đây là một mẫu người tổng hợp vậy. Cung cách đạo si thanh cao nơi lão ăn mày đã hòa hợp với thái độ nghệ sĩ trầm lắng trong cái mỉm cười bí ẩn, đa nghĩa: « Có những lần xuống Hàng Châu lão tuyệt nhiên không nói một tiếng, ai nói gì lão chỉ mỉm cười rồi đi, khi đã có lương thực lão trở lại khu rừng của mình... » Hơn thế nữa, cái thái độ khước từ tiền bạc vốn là thái độ chung của kẻ tu hành, người chiến sĩ xã hội và nghệ sĩ. Với ai và bao giờ lão ăn mày cũng nói câu nói quen thuộc, biểu lộ sự khinh rẻ tiền bạc — bởi tiền bạc vốn dĩ không làm nên giá trị thực của mọi sự vật chỉ là phương tiện thuận lợi nhưng không cần thiết lắm cho sự trao đổi giữa các phẩm vật, « Tiền để làm gì. Đó là câu nói lão thường dùng để nói với kẻ khác » (trang 14). Nghĩa là lão ăn mày sống một cách thuần nhiên trong khung cảnh một xã hội chưa được (hay bị) kỹ nghệ hóa, chưa có những nghiệp vụ vi đại đòi nài tới sự sử dụng tiền bạc như một giá trị trao đổi thiết yếu. Lão ăn mày sống trong thời nhà Minh, ở bên Tàu, khi nước này chưa bị mất và tay nhà Thanh để sẽ bị liệt cường Âu châu xâu xé. Tức là ở một thời đại mà nước Tàu chưa nhiễm ảnh hưởng của tổ chức xã hội và kinh tế Âu châu.

Lão ăn mày không ai biết rõ tên tuổi và quá khứ, vẫn sống trong rừng và đúng tuần trăng tròn lại tới Hàng Châu một lần để xin ăn, để giúp đỡ những kẻ bị nghèo khổ (nghèo khổ hơn lão? Lão đã xác nhận là có những người nghèo khổ hơn lão thật) và để hát những bài về chăm chọc những kẻ bất chính. Cho đến một hôm, thành Hàng châu bị giặc vây: « Biển động đã đến thủ phủ Hàng Châu như một cơn gió lốc, một buổi sáng khi dân chúng thức dậy thì thành đã bị giặc vây khốn, cửa thành đóng kín, lửa canh gác khắp mặt thành, dân chúng chỉ nghe thấy

tiếng trống ngũ liên không ngừng, tiếng la hò vang dậy ngoài thành (trang 25). Toàn thể thủ phủ Hàng Châu lâm vào hoàn cảnh nguy khốn, mọi người nhốn nháo và tất cả sinh hoạt thường nhật bị ngưng trệ. Thế giặc đông và mạnh, thủ phủ bị uy hiếp quân tiếp viện không thấy đến... Rồi bỗng cửa thành mở. Chắc quan phủ đầu hàng cho lương dân đỡ chết chóc đau thương ? Giặc là bọn nào mà ghê thế ? Một vài người nghe được đôi chút về giặc bàn tán với nhau, tên tướng cướp nổi tiếng vùng Việt Đông là Từ Hải cũng được nói đến một cách thật mơ hồ. Có người nói đó là một tên cướp biển đã tàn sát rất nhiều người ở Việt Đông, có người nói đó là một tên cướp nhân từ đã từng cứu sống nhiều người, hơn thế nữa, Từ Hải còn lấy của người giàu cho kẻ nghèo, giết kẻ tham quan ô lại... » Dù giặc mạnh, quan phủ cũng không đầu hàng. Cửa thành mở cho người của giặc vào thương thuyết, rồi lại đóng sau khi người của giặc ra. Cuộc điều đình bất thành. Mấy ngày sau, quân trong thành kéo ra ngoài đàn trận, đánh nhau với giặc. Rồi « quan Trấn thủ Hàng Châu bị chém chết, quân lính chạy như ong vỡ tổ, giặc tràn vào thành như thác lũ » (trang 28). Đến đây, người đọc có thể biết được rằng câu chuyện xảy ra trong đời Gia Tĩnh triều Minh, có Từ Hải chiếm cứ một vùng, như một tên giặc bề, hay như một anh hùng (tùy theo tâm cảm của người nhận định). Và người ta chợt nhận ra rằng tác giả muốn kể một câu chuyện bên lề truyện Kim Vân Kiều. Tác giả vốn là người thích những nhân vật như Kiều, Từ Hải, mà ông đã « hiện đại hóa » dưới hình thức truyện kể thời nay.

Giặc vào thành Hàng Châu. Mọi cảnh tang thương diễn ra... Và « đúng tuần trăng lặn ăn mỳ dơi khỏi khu rừng đi vào thủ phủ Hàng Châu tan hoang sau cơn binh lửa » (trang 29). Lúc đó « đám giặc biển đã dời tổng hành dinh đi nơi khác chỉ còn để lại đó một toán nhỏ giữ thành, bằng những lời hứa hẹn và khuyến dụ, dân chúng đã cố gắng trở lại nếp sinh hoạt, nhưng số người đi quá nhiều, những kẻ ở lại thì vẫn còn kinh sợ, thêm nữa đám giặc cũng có nhiều tên hung hăng khiến cho dân chúng khiếp sợ, họ sống như một chờ đợi may mắn nào đó sẽ đến, trong cảnh đó nhiều nhà không có ăn, những súc vật đã bị đem mang làm thịt, những chó hoang chạy ngoài đường bị dân chúng tìm cách đánh chết, trộm vật diễn ra hằng đêm » (trang 29). Hoàn cảnh xơ xác, nghèo đói, cộng với hoang mang, lo sợ trong tâm hồn. Đó là hoàn cảnh dân Hàng Châu lúc lão ăn mỳ trở lại vào một tuần trăng. Người dân đói, do đó chẳng mấy ai có gì cho lão, nên lão cũng đói. Người ta mách lão ; « Phía dưới kia có một tu viện lão thử tới đó xem, nghe nói dưới tu viện không hề gì cả... được yên lành... » (trang 30). Lão đến tu viện. Một lát sau lão chạy ra khỏi tu viện hốt hơ hốt hải, cái bị rút đầu mất. Người ta hỏi : « chuyện gì thế ? » Lão nhìn quanh, lo sợ nói không ra hơi : « Tôi đến tu viện...tu viện... cái ông béo béo ở đó. Vàng cái ông béo béo nói tôi nên đi tu... » — « Thì có sao ? » — « Dạ, rồi, rồi ông ta dẫn tôi đi coi chỗ ăn chỗ ngủ, quần áo sang trọng, rồi đồ ăn thức uống đủ thứ, nhiều thứ ngon lắm, phải... ông ấy bảo tôi đi tu... tôi thấy, tôi thấy, tôi thôi... không không, không nói được... người ta làm nhục tôi... » (các 31-32). Lão bỏ chạy đi. Ít ngày sau, người ta khám phá ra lão treo cổ tự tử trong một ngôi cổ miếu. Không ai hiểu tại sao lão tự tử hay là ai treo cổ lão ? « xác lão hết sức sạch sẽ, không có một chút hôi thối, xác chết gần như một xác phơi khô, hay là một khúc gỗ đã được điêu thành tượng cho

người ta thờ phụng lễ bái» (trang 36). Mọi người bàn tán khắp nơi trong vùng Hàng Châu không một giả thuyết nào mà không được đặt ra, ai cũng có lý để tin giả thuyết của mình đúng phần nào: lão bị làm nhục vì những kẻ tồi tệ tu trong tu viện, hay lão bị ai thù oán mà thất cổ lão... Nhưng không ai đủ bằng cứ. Ít ra thì cái chết của lão cũng là đề tài của những cuộc bàn cãi sôi nổi nơi trà đình tửu quán. Nhiều người nhận đó đã dè bieu, chê bai những kẻ tu hành trong tu viện kia là bề bối, họ tổng quát hóa đến độ ngờ vực tất cả những kẻ tu hành. (các trang 46-49). Quan án sát Hàng Châu cho đặt xác lão ăn mày nơi sân phủ rồi yết thị kêu gọi mọi người có biết lão ăn mày hay đến thủ phủ và khai cho quan án sát biết bất cứ điều gì về lão ăn mày. Những lời khai được ghi lại (trong truyện) gồm cả lời của kẻ yêu mến kính trọng lão lẫn của kẻ ghét lão, và cả lời của một tu sĩ trong tu viện kia, cho biết rằng khi lão nghe nói đến con đường giải thoát và nghe lời khuyến dụ đi tu, lão đã kinh sợ bỏ chạy ra ngoài. Người thanh niên đã từng theo lão vào rừng thì cho rằng có lẽ lão quá lý tưởng và nhìn thấy trong tu viện toàn những kẻ sung sướng, béo tốt, nên lão kinh hoàng và tự tử. Rốt cuộc cái chết của lão ăn mày (cái chết của...) là một bí ẩn không ai giải tỏ được.

Nhưng có lẽ giả thuyết của chàng thanh niên đúng. Viên quan án sát suy nghĩ nhớ đến lời cha của ông đã từng khuyên nhủ khi ông sắp ra làm quan : «...Con như một bộ phận nhỏ, làm sao con có được cả một cơ thể lớn... Dù vậy cha cũng muốn con mang thiện chí và lương tâm ra xem có làm được điều gì tốt hơn không. Thực tế không bao giờ là lý tưởng cả...» (trang 57). Câu cuối cùng thật có ý nghĩa quan trọng đối với viên án sát. Có lẽ lão ăn mày thất vọng về thực tế trong tu viện không như lý tưởng mà lão mơ ước thấy trong tâm não... Vừa nghĩ miên man, viên án sát vừa bước vào một tửu quán. Ở đó có một thực khách tên là Trịnh Ngạn tưởng lầm ông là em của Thúc Kỳ Tâm — Thúc Sinh là một người bạn thân của Trịnh Ngạn mà từ từ lâu nay biệt tích trong chốn giang hồ. Trịnh Ngạn hết lời tán tụng Thúc Sinh là kẻ tài hoa, làm kẻ sỹ trong thời loạn không vùng vẫy được thì (...) làm một tên lái buôn. (trang 75). Viên án sát bị lay động tâm thần bởi ý tưởng của Trịnh Ngạn : «Thời này mà còn làm quan. Thà làm loạn, làm giặc, làm tên lái buôn, làm thằng ăn mày còn vinh dự hơn...» (trang 77). Ở đây, thâm ý của tác giả đã hiện rõ : tác giả truyện «Cái chết của...» muốn ca ngợi nhân vật Thúc Sinh (của Thanh Tâm Tài Nhân hay của Nguyễn Du ?) là một người lái buôn có hào khí, không thêm làm quan dù đầu đạt, dù làm rõ quan Lại Bộ Thượng Thư, chỉ thích làm một tên lái buôn. Làm lái buôn như Thúc Sinh, hay làm loạn như Từ Hải, hoặc làm ăn mày như lão ăn mày kia, đều là có chí khí và lý tưởng hơn làm quan. Điều này phù hợp với lời người cha của viên án sát đã khuyên nhủ ông ta... Thế rồi «quan án sát nhẹ nhàng ra khỏi quán, lúc ấy trời đã khuya. Kẻ sỹ bó tay thì đi buồn. Nhưng nếu mình không đi buồn thì mình làm gì, làm quan không, làm tên ăn mày chẳng, hay làm một tên ăn sỹ quyền đời, hay cầm lấy một mũi nhọn làm loạn...» (trang 78). Một ngày sau, thành cháy. Quan án sát mất tích. Có kẻ cho là ông ta chết cháy. Ít lâu sau có giặc ở phía nam Hàng Châu, có kẻ nói là viên án sát có mặt trong đám giặc...

Dụng ý của tác giả khi viết cuốn truyện mỏng manh «Cái chết của...» là một dụng ý rất

đọc hai cuốn sách...

Đó là một câu chuyện đơn giản, được kể một cách quanh co, bằng một lối hành văn dung dị, với một giọng điệu bình thản, chỉ đề đưa đến kết luận là : kẻ sỹ bó tay thì... đi buồn (như Thúc Sinh) hay làm loạn (như Từ Hải) hoặc làm ăn sỹ hoặc làm ăn mầy (như lão ăn mầy), kết luận đó gần liền với sở thích văn chương của tác giả : Thúc Sinh và Từ Hải là hai nhân vật tuyệt vời (như ông đã từng ca ngợi trong vài truyện trước đây, và bây giờ trong truyện này). Thực ra, lão ăn mầy chỉ là một cái cớ. Cái cớ đã làm nên cả một truyện với đầy đủ cách thế biểu lộ, đề đưa tới chỗ ca ngợi Thúc Sinh qua cửa miệng của nhân vật Trịnh Ngạn say trong tửu quán và tới quyết định dứt bỏ sự nghiệp làm quan của viên án sát. Dung công của tác giả đã vì thế trở nên quá rộng đối với câu chuyện lão ăn mầy và quá hẹp đối với việc xây dựng một mẫu người lý tưởng, qua những nét vẽ còn dang dở.

Đó là cái dang dở của những mẫu người thời loạn. Lão ăn mầy là một hình ảnh không trọn vẹn, cũng như chính viên án sát — kẻ sỹ bó tay — và Thúc Sinh — không vùng vẫy được (Tác giả giải thích : Thúc là bó, Sinh là kẻ sỹ và Thúc Sinh là kẻ sỹ bó tay) —, cả Từ Hải nữa — anh hùng hay bực tức đối với dân chúng (trang 27) ? — Các nhân vật sống những mảnh đời không thành tựu. Dự phóng xây dựng nhân vật của tác giả thiết yếu là một dự phóng không thành tựu với sự cấu tạo một khung cảnh chưa đầy đủ yếu tố giúp nhân vật va chạm những giới hạn tối đa khả hữu của bản trong không gian và thời gian. Không khí thời ly loạn đã qua được gọi lại quá tẻ nhạt, thiếu hẳn thực chất dày đặc của lịch sử thời đó.

Bảy truyện ngắn trong tập truyện *Trung Hoang Vu* gợi ra một khung cảnh khác : khung cảnh Việt Nam trong cuộc chiến bây giờ. Cảnh ly loạn bày ra trước mắt nhân vật cũng là cảnh ly loạn bày ra trước mắt chính tác giả. Các nhân vật diễn hình đã nói tiếng nói của tác giả. Tác giả đã để lộ khá rõ một điểm là ông nhờ các nhân vật phát biểu những cảm nghĩ của ông về thân phận của mình và đồng bào trong cuộc chiến ở đây và bây giờ. Lần lượt trong cuốn sách, bảy truyện này là : Những ngày xám. Những người ngồi, Hân đã chết, Trong hoang vu, Cõi sống lạnh, Mưa dọc đường và Giọt nắng trong đêm.

Truyện *‘Những người ngồi’* Là một ghi nhận có tính cách trực tiếp về đời sống hàng ngày trong khung cảnh những xóm bình dân, ở vùng ngoại ô hay ở tỉnh lẻ hoặc ngay tại một khu tồi tàn giữa lòng thành phố Saigon, dù là một cư xá — Một cư xá có những căn nhà xếp tiền bán cho dân mua trả góp. Đây là cái không khí quen thuộc của những câu chuyện lật vật không đầu không đuôi, hay những câu chuyện ngắn ngủ đến độ tàn bạo, những câu chuyện đời nối tiếp nhau được kể đi nhắc lại mỗi sáng mỗi chiều, thay đổi tên nhân vật, thêm bớt vài chi tiết lật đại loại như nhau, người ta vẫn nghe thấy hoài hoài. Truyện *‘Những người ngồi’* gọi lại cái không khí chuyện trò đó. Ở một quán ăn trong một cư xá mới bắt đầu sinh hoạt đông người cư ngụ. Trong quán có chàng thanh niên (người kể truyện), hai người đàn ông nhiều tuổi vào ăn phở, một ông già đầu bạc chủ quán và kẻ hầu bàn. Chàng thanh niên ngồi trước. Hai người đàn ông vào ngồi kế cùng bàn vì các bàn khác đã chật khách. Hai người đàn ông ăn

phở, xốt phở cho con chó của họ cùng ăn, và họ nói chuyện với nhau về một con mẹ quốc tế lấy Mỹ, là người đàn bà ăn nằm với họ hằng ngày; họ than với nhau về cái máu dâm của người đàn bà đó càng ngày càng tăng. Lúc sau ông già tóc bạc vào uống bia và lờn tiếng ca ngợi cái thú uống bia và nhân đó chửi cạnh chửi khỏe một kẻ bán thịt chó tranh khách của ông ta. Lúc hai người đàn ông đứng dậy ra về, ông già tóc bạc liền nói xấu họ với những người khách còn lại, rằng cả hai người sống bám vào con mẹ quốc tế kia. Kẽ mà hồi nãy họ nói xấu — : “có đứa con gái lấy Mỹ nó nuôi cho hút đấy”. À thì ra hai người đàn ông đó ngiên ngập! Câu chuyện vớ vẩn chỉ quanh quẩn có thế. Tác giả làm công việc của người kể truyện nghe và thuật lại những lời thiên hạ nói xấu lẫn nhau, một cách bình thản, khách quan, mà lơ đãng, thờ ơ nữa!

② Truyện “Hắn đã chết” thuật chuyện một nhân vật đã trở thành huyền thoại. Ông Chu — một người có tài ăn nói, đã khéo tạo được một uyên sư cao con người: mình, thiết lập được với những người đến cùng mình “một thứ triều đình riêng rẽ”. — ông Chu đã lôi cuốn được một số người đồng đạo nghe ông nói đủ thứ chuyện kinh thiên động địa trong mọi lãnh vực — khiến cho bao nhiêu người văn nghệ và chính khách kính phục ông học rộng, hiểu nhiều, giang hồ khí phách. Ông cho người kể chuyện biết rằng kẻ ám sát Hồ Chí Minh, hồi 1946 (chuyện có thực không? Nào ai biết được!) là đàn em thân tín của ông. Không ai được gặp kẻ ám sát Hồ Chí Minh ở nhà ông. Kể đó, người dùng si niệm có đó, càng ngày càng trở thành một cái bóng vĩ đại nhưng mù mịt. Cho đến một hôm hân gục xuống đường chết giữa lúc thành phố lên đèn, vì cơn đói thuốc phiện, trong cảnh túng cùng, ngay sau khi hân ở nhà ông Chu bước ra. Cảnh sát thấy mảnh giấy trong túi áo hân ghi địa chỉ nhà ông Chu, đến báo cho biết. Ông tái mặt, buồn rầu; và ông rủ người kể chuyện (lúc đó có mặt ở nhà ông Chu) vào nhà xác thăm hân lần cuối: “Hắn cũng không còn ai, mình ghé lại chào hân chút...”. Thế rồi: “Chúng tôi tới nhà xác. Tôi muốn được nhìn tận mắt kẻ được coi như một dũng sĩ. Khi tới cửa, chúng tôi hỏi người gác nhà xác, người ta chỉ cho tôi nhìn thấy một người nằm co, nhỏ thó, quần áo rách rưới tiêu tụy: hắn đã chết như một con chó đói...” (trang 70) cùng với hình ảnh chàng “dũng sĩ” thảm hại đó, ông Chu đã rơi mặt nạ cuối cùng, ông chỉ là một kẻ bịa chuyện, hơn thế nữa: một kẻ bịp bợm, như một đàn em đã chán ông từng nói về ông: “thằng hói mặt rộp đó, toàn lừa bịp, nịnh bợm nhỏ, thối phồng tay em, đóng kịch, chỉ muốn làm đàn anh, là lãnh tụ... là thách sống...” (trang 57)... Toàn thể truyện “Hắn đã chết” của Dương Nghiễm Mậu hầu như chỉ nhằm mô tả từ dáng điệu, cử chỉ, lời nói, cung cách cư xử, của một nhân vật có thực ở Saigon bây giờ, người đã từng nổi tiếng là một “phù thủy văn nghệ” cách đây mười năm trở về trước. Những mô tả rất rõ ràng muốn ám chỉ một cách không sai chạy đi đâu được đã trung thành với dáng vẻ của “ông Chu” một cách đáng ngạc nhiên. Sự linh hoạt với những biến chuyển thú vị của truyện kể như bám sát những biến chuyển linh động mà nhân vật có thực kia đã tạo nên trong bầu không khí ở nhà ông ta, khiến những ai có tới đó một vài lần cũng nhận ra ngay. Lời văn của Dương Nghiễm Mậu, ở đây, hiện thực một cách độc ác, nhưng quả là hiện thực sống động vô cùng.

Hơn là một ghi nhận khách quan bình thản — trường hợp truyện “Những người

đọc hai cuốn sách...

ngồi» —, truyện «Hắn đã chết» là một truy tầm soi mói, vĩa tách lọc lõi, chụp bắt chặt chẽ, mà đối tượng là sự thật kinh khủng và thảm thương về một đời người. Trong cuộc tranh chấp giữa hư ngụy và chân lý, tác giả đã đặt cho chân lý những điều kiện thuận lợi ngay từ đầu để nó toàn thắng, bằng cách chính tác giả chọn lựa ngay từ đầu thái độ dứt khoát, xác định lập trường cương quyết. Đó không phải là cách thể tốt trong việc hoàn thành một truyện ngắn, nên «Hắn đã chết» chỉ là một bài bút ký. Dù sao, nó được đặt vào trong một tập truyện, tạm cứ gọi nó là một «truyện».

Ngoài hai truyện «Những Người Ngồi» và «Hắn Đã Chết», vừa kể, hơi lạc lõng trong tập truyện, còn lại năm truyện kia rất thuần nhất: chúng có chung một bầu sinh khí và cùng một loại nhân vật.

Bầu không khí chiến tranh, trong đó có những người thanh niên đi lính, người quân nhân tử trận, những kẻ bỏ đi xa, những kẻ sống sót, những gia đình thương nhớ ở quê nhà, những kẻ trở về, tâm cảm người chiến sĩ ngoài tiền tuyến và tâm cảm người sống ở hậu phương. Đó là những yếu tố cấu tạo nên nội dung năm truyện chiến tranh trong tập truyện «Trong Hoang Vu».

Ở truyện «Những Ngày Xám» những quân nhân tử trận là Lịch và Niệm. Ở truyện «Trong Hoang Vu», những người chết vì bom đạn là cha và em của Định, là cha của Căn, là Linh và đứa con gái, là chị Năm, bà Thương, ông giáo Nhậm, vân vân. Ở truyện «Cõi sống lạnh», người tử thương là Thịnh. Gòn những ai nữa? Những người chết đếm không xuê, những người chết không nhận được mặt mũi,... Chiến tranh và những người chết, ôi sự gần bó phủ phàng do một định mệnh khốc liệt an bài, do một tình cờ quá quái đản xếp! Nhưng qua chiến tranh, qua những kẻ chết đi những người còn sống sót để nhớ thương, để khóc lóc những người thân bạc phận, qua những tiền đồn, những quê nhà, những quân y viện, vân vân, người ta có thể thấy gì, đúng hơn nữa là: nghĩ gì?

Tác giả đã vạch rõ những ý nghĩ cùng những phản ứng điển hình của các nhân vật. Trước hết: những ý nghĩ xác định một vị trí, cái vị trí kẻ cận sự chết, của Lịch chẳng hạn: Mày hãy tưởng tượng mày đang sống ở đó, chung quanh rừng cây, bụi lá, bất cứ chỗ nào cũng như đang có một mùi súng hờm sẵn, hoặc một tên giặc đang cầm mã tấu, mỗi tấc đất rất có thể là một hầm chông chờ kết liễu số phận (trang 11-12) Vị trí bất trắc, đối lập với vị trí của những kẻ không biết đến mùi thuốc súng là gì: «bọn này đang nhón nhơ, đang nhảy dầm, chơi gái, sống đời thanh bình vui tươi hạnh phúc...» (trang 12). Có cọ sát với cái chết mới thấm ý nghĩa và hiểu rõ giá trị vô cùng của đời sống, của tự do, của niềm bình an mà mỗi người cần phải bảo vệ đến cùng. Sự ý thức giá trị của đời sống đã đặt cho các nhân vật của Dương Nghiễm Mậu ở đây một mục đích chiến đấu: Tôi đã bị chiến tranh nó vắt hết lông lá rồi, nó cô lập tôi, di như thế này là tôi muốn tôi khác, dù là một trái dòn nếu vô phúc, nhưng một trái dòn tốt, cần thiết vì tôi muốn chấm dứt chiến tranh... (trang 23). Từ đó quan niệm về việc chiến đấu thật rõ ràng, dứt khoát: «Bồn phận của chúng ta là phải chiến đấu, số phận chúng ta gắn liền với tổ quốc này» (trang 16). Vậy nên lập trường

Được chọn lựa là một lập trường có hứa hẹn những chân trời nào rộng mở cho tự do, cho tương lai hơn hết : "Một đảng thì sự bất công được tổ chức, còn một đảng thì bất công không có tổ chức, để chọn trong hai xã hội bất công đó thì tôi chọn thứ bất công sau vì ở đó tôi còn hy vọng làm được một cái gì tốt hơn" (trang 80). Thế nên, các nhân vật chiến sĩ trong tập truyện là những con người không chịu lùi bước, không sờn gan ; nếu không làm anh hùng với mọi người thì cũng quyết làm anh hùng với chính mình đã, vì thực ra trong thời này và trong cuộc chiến này những người anh hùng thầm lặng, cô đơn nhiều hơn bao giờ hết : "có lẽ thời mình không có anh hùng với mọi người, chỉ những anh hùng cho người khác, thời buổi của cuộc chiến này như một cái gì kỳ cục, tạo nên những anh hùng buồn rầu, ngơ ngác và không ai muốn ca tụng hay nói đến. Mà còn ai còn lòng dạ đâu để mà muốn trở thành anh hùng, toàn là những anh hùng bất đắc dĩ, nghĩ mà thảm" (trang 98). Nhắc lại : anh hùng buồn rầu, ngơ ngác, anh hùng bất đắc dĩ, đó là loại anh hùng của cuộc chiến này. Tại sao ? Vì họ bị đẩy ra mặt trận và lúc bị đẩy ra rồi là họ không còn kẻ gì nữa, họ lao mình vào chỗ chết, họ chính là những anh hùng tuyệt vọng, họ chẳng còn gì để mà hi vọng, để mà bám víu, để mà trông đợi.

Những "anh hùng một mình", anh hùng tuyệt vọng, thực sự bị dồn đến hoàn cảnh ở đó chỉ có thể tìm thấy cái chết như một hình thái cực đoan của sự phản kháng cuộc đời. Và khi chưa thể chết hay chưa chết, họ thù hận xã hội. Tại sao ? Nơi những nhân vật này của Dương Nghiễm Mậu, cuộc đời đáng yêu mến, đáng trân trọng chỉ là một cuộc đời lý tưởng, cuộc đời đó chỉ hiện ra trong lý tưởng, mà họ ước mơ xây dựng. Còn cuộc đời thực, cuộc đời rộng lớn đang bày ra trước mắt họ — thực tại này —, chỉ là những biểu hiện sa đọa, đồi trụy, nhơ nhớp, với bao nhiêu là bất công phải đập đổ, bao nhiêu là chia biệt phải san bằng. Thế nên nhân vật nhòm tò mò thù ghét, muốn nghiền nát thực tại đó : "Tôi đang sống như thế, còn bọn mày, những lúc nghĩ đến bọn mày đang nhớn nhọc, đang nhảy dầm, chơi gái, sống đời thanh bình vui tươi hạnh phúc tao chỉ muốn kéo quân và bắn chết hết bọn này" (trang 12). Và nhiều khi là thái độ phản nộ thật ồn ào (vô lối ?), niềm phản nộ dữ dội, chất chứa : "Xin lỗi ông. Tiên sư bọn nó. Tôi nghe bọn ca sĩ hát, em chỉ yêu anh bình nhĩ. mà muốn là vào miệng, nó yêu à, nó mà cho thẳng bình nhĩ như tôi động đến đây rút nó à, một đứa bỏ tiền ra để ngủ với nó một lần cũng ít ra bằng cả tháng lương bọn tôi... Chúng tôi chết ai đi đưa. Chúng tôi chết cho ai vậy, đó năm người đồng ngũ với tôi đó, không có bà con thì ai khóc, ai cho một nén hương... Tiên nhân bọn bip... Tôi chỉ muốn vác súng về bắn chết cha bọn nó..." (trang 19). Qua những phản nộ, những bất mãn đó, niềm mơ ước không thành sự thực đã hóa ra là một kích thích tố thúc đẩy sự phiến động trong tâm hồn. Sự phiến động có tính chất lãng mạn. Có thể nói rằng Dương Nghiễm Mậu muốn cực tả sự va đụng giữa lý tưởng cao đẹp và thực tế phũ phàng đến độ các nhân vật diễn hình trong các truyện ở đây đều cùng một giọng điệu, nghĩa là tác giả hòa nhập hẳn với họ và họ nói lên tiếng nói của tác giả, họ kêu lên tiếng kêu đau đớn thẳng thốt của tác giả, họ gào to sự đòi hỏi tuyệt đối của tác giả. Tóm lại, đó là một trạng thái tâm hồn lãng mạn được biểu lộ một cách quyết liệt, bất chấp tất cả, chỉ biết qui tất cả

về mình và từ mình phóng ra tất cả xã hội một cái nhìn chủ quan bao quát. Giữa lý tưởng mà nhân vật mơ ước và thực tại mà nhân vật kinh nghiệm, có một sự xung đột, sự xung đột không ngừng nghỉ, đang co cụm xung nhau cho đến khi nhân vật chết đi, như Lịch chết, như Thịnh chết... Kể lần này mang nợ hẳn hai bản nữa xung đột, bản ngã lý tưởng và bản ngã thực tại. Hẳn không chỉ nhận thức cách nhị trùng này nơi chính bản và như vậy hẳn càng làm tăng thêm tính chất gay gắt của hiện tượng nhị trùng nhân cách. Hẳn muốn tin rằng luôn luôn bản vẫn chỉ là bản một cách thống nhất. Nghĩa là bản luôn luôn lý tưởng và bản tuyên xưng một nửa nhân cách của bản — nửa phần cao đẹp —, bản cố gắng biến nửa phần đó thành toàn thể. Khát vọng toàn thể hóa một nửa phần xa rời thực tại càng day thêm nhân vật đến chỗ không thể thích nghi nổi với thực tại. Hẳn muốn ôm trọn thực tại vào lòng và thâm thương thay, sau cùng bản chỉ còn cách triệt hết toàn thể thực tại bằng những phản ứng mù loà. Bởi vậy, tác giả đã đặt vào ý thức của các nhân vật một sự đối lập: Đối lập giữa lý tưởng của họ một bên và thực tại xã hội đương thời kia. Các nhân vật đều «tốt», đều là phát ngôn nhân rao giảng và bảo vệ chân lý và giá trị. Xã hội, trái lại, là «xấu», là rác rưởi, là căn bã gớm ghiếc. Sự đối lập có tính cách triệt để, vô phương hòa giải trên bình diện xã hội, nó là sự khước từ xã hội. Chỉ có những hòa giải cá nhân, trên bình diện riêng tư, qua những tương giao thân mật trong truyện «Mưa dọc đường», người trung sĩ nơi tiền đồn xa xôi chỉ tìm thấy niềm vui khi bắt để dành cho đứa con đang chờ anh ta về phép thường niên; trong truyện «Giọt nắng trong đêm» người thương binh (người kể truyện) chỉ thấy loé lên một niềm vui nhẹ nhàng trước hình ảnh cô thiếu nữ xinh xắn đến thăm hỏi anh ta và khi anh ta chợt nhớ đến hình ảnh người yêu. Đó là những nhịp hòa hợp, lẻ loi trong cái thế thù hận sôi bùng giữa nhân vật và xã hội rộng lớn. Giữa lý tưởng và thực tại, luôn luôn có khuynh hướng của tác giả muốn cho nửa họ chiếm hữu, nuốt chửng nửa kia.

Nhân vật day dọa mình hằng tâm cảm day mò, uất ức không nguôi. Và bản bị thực tại phũ phàng xối nước lạnh vào mặt. Giữa hai nửa phần có niềm hoài cảm lẫn nhau, niềm hoài cảm hướng tới sự thống nhất lý tưởng và thực tại đã đứt đoạn, đã lờ mờ. Niềm hoài cảm đó đầy ngao mạn và không nhượng bộ. Ước muốn lý tưởng hay sự kinh nghiệm thực tại đều làm ta nát thêm mãi dự phóng kết hợp. Và bởi thế chỉ có cái chết trong vị thế anh hùng tuyệt vọng là giải thoát được nhân vật. Trong cuộc đời, nhân vật là một hiện hữu sai lệch vô phương cứu vãn.

Cuộc tương tranh giữa lý tưởng và thực tại qua các nhân vật trong tập truyện «Trong Hoang Vu» là một cuộc tương tranh chí tử. Nó phát xuất từ cái thế bất phân thắng bại giữa ý thức yêu sách tuyệt đối và đời sống khấp khểnh như thực tại toàn diện khừ bài mọi xâm nhập dị tính từ bên ngoài nó. Đó cũng chính là cái thế tắc nghẽn của tâm thức tác giả, và tác giả vẫn sống một nếp sống trường giả ở thành thị, vẫn sử dụng một ngôn ngữ như xa xỉ phẩm béo bở, trôi nổi trên mặt đời sống xã hội này, mà mặt khác tác giả lại có khuynh hướng đồng hóa ý thức mình với ý thức những chiến sĩ miệt mài nơi tiền đồn heo hút. Đó có thể là một nỗ lực, nhưng nỗ lực của tác giả lại chỉ đưa tới một thực tế chia lìa khỏi ý thức, trong các truyện của ông. Với một nguồn tâm cảm đậm màu lãng mạn được biểu hiện

bằng một ngôn ngữ pha trộn — nửa thuyết lý nửa mô tả —, tác giả đã chỉ phô bày một nội dung phân tán. Những đoạn nhân vật phát biểu lý tưởng là những đoạn hùng biện nửa vời, một thứ ngụy hùng biện trống rỗng và viển vông, hảo huyền, những đoạn đó không phù hợp được với những mô tả, những nhận xét về thực tại đời sống xung quanh nhân vật. Sự bất phù hợp giữa lý tưởng và thực tại trong tâm thức nhân vật đã để ra sự bất phù hợp giữa những câu thuyết giảng lý tưởng và những ghi nhận về cuộc đời. Đó là nguyên nhân chính gây ra một sự bất tương xứng giữa ý hướng lý tưởng và quan chiêm thực tại, cũng là nguyên nhân gây ra sự thiếu thuần nhất giữa nội dung và ngôn ngữ diễn tả nội dung đó. Một chút hiện thực với một chút lãng mạn, rốt cuộc chỉ đưa tới một sản phẩm rời rã, phân tán, không tạo được một viễn tượng cho đời sống có thể phóng ra được khỏi bể tắc trầm trọng như một vũng lầy chìm mãi nhân vật xuống.

Truyện « Cái chết của... » là một tản truyện đáng lẽ tạo được một không khí, hay xác định được một mẫu đời sống như một toàn thể tự nó đầy đủ với chính nó, lại hóa ra là một mô yếu tố dị tính rời vụn, vỡ nát, chỉ phô bày được những tâm cảnh dở dang, chỉ vẽ được những ý hướng đứt đoạn, những dự phóng lạc đường. Trong khi đó, những truyện ngắn trong tập truyện « Trong Hoang Vũ » thì lại là những thực hiện nửa chừng, tan nát, chia lìa, sự đối mặt nhòa nhoẹt, bất tương xứng, giữa thực tại đời sống và lý tưởng.

Với hai tập văn này, tác giả chỉ cho người đọc thấy những thiếu hụt của một thực tại được phô bày không trọn vẹn, bằng những phối hợp văn chương lạc lõng trong cuộc mò tìm chấp choạng của một tâm thức hoang mang chưa nhìn ra chính mình như một khối diềm phong phú và vững chãi.

CHU TÁC LÂM

HỘP THƯ

TÒA SOẠN

Tòa soạn **CHÍNH VĂN** đã nhận được thư của : **VÕ CHÂN CỬU—NAM CHỮ—HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN—THÁI DŨNG—CHÂN ANH—QUANG THAO ĐẶNG THỊ XUYẾN—HOÀNG HẠNH DUNG — THIÊN HƯƠNG.**

Chân thành cảm tạ. Chúng tôi sẽ chọn đăng dần. Mong nhận được thêm sáng tác mới. Thư gửi về : **NGUYỄN ĐẠT, 166/9 Bình Thới — Chợ Lớn.**

NHÂN TIN :

TRẦN THOẠI NGUYỄN (Đa Lạt) Gửi thư về Chính Văn, theo địa chỉ trên.

NGUYỄN QUANG HUY (Đa Lạt) có truyện ngắn hay thơ gửi ngay về (địa chỉ trên)

QUỲNH CHÂU (Sài Gòn) Truyện ngắn của cô đăng số này. Gửi thêm bài mới
HOÀNG ĐÌNH MAI (Long Xuyên) Tòa soạn đã nhận được cuốn sách ông gửi (*Hình Bóng Cũ — Tuy Hiền — Huy Hà xuất bản*)

VÕ VĂN ÚT (Kiến Hòa) Tòa soạn chưa quyết định về bài của ông, nhưng ty Quản trị sẵn sàng thông cảm bằng một ngàn phiếu 5000 đồng. Cho biết có thể gửi theo địa chỉ ghi trên không. Một bạn đồng nghiệp muốn tặng ông một máy chữ cũ còn tốt. Nếu ông vui lòng nhận, liên lạc với tòa soạn.

TRẦN BÁ CHIẾN (Quảng Trị) Người nhận thư bị đau, tạ lỗi vì phúc thư quá muộn. Văn phẩm của NMC hầu hết đều được giao cho Đồng Nai tổng phát hành. Vậy ông vui lòng liên lạc theo địa chỉ : **270 Đê Thám Sài Gòn.** Riêng về cuốn **TẾ BẢO, SINH VẬT...** Chính Văn xuất bản, sẽ gửi biếu ông một cuốn.

LÂM THỦY KIM TRÂM (Sài Gòn) Đã nhận được thư. Sẽ gửi nhũn bút theo địa chỉ. Tuy nhiên tòa soạn ít người, ông vui lòng chờ vậy.

CHÍNH VĂN